NHỊ TẤN

NHẠC TÀI TỬ NAM BỘ

Tập IV

Trung Tâm Văn Hóa Quận 8
Câu Lạc Bộ Đờn Ca Tài Tử Quận 8
Năm 1997

Digitized by www.namkyluctinh.org

Digitized by www.namkyluctinh.org

Nhị Tấn

Nhạc Tài Tử Nam Bộ

TẬP 4

Trung Tâm Văn Hóa quận 8
Câu Lạc Bộ Đờn Ca Tài Tử quận 8
– 1997 –
Digitized by www.namkyluctinh.org

Digitized by www.namkyluctinh.org

Nhị Tấn

Phần Chánh Biên

Trung Tâm Văn Hóa quận 8
Câu Lạc Bộ Đờn Ca Tài Tử quận 8
– 1997 –
Digitized by www.namkyluctinh.org

VI – CÁC BẢN OÁN

1 – TỨ ĐẠI VẮN

(19 câu, nhịp tư, song lang 3-4)

1 -		(- -)	Tồn	(LIU)
	Liu Oan	(XỀ)	Xáng Ú Liu	(OAN)
2 -	Liu Oan	(XỀ)	Liu Oan	(- -)
	Tồn	(LIU)	Líu Cống Xê	(XANG)
3 -	Tồn	(XÊ)	Xể Xê Xang	(XƯ)
	Xư Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xư	(XANG)
4 -	Xang Xê	(HÒ)	Xư Xang	(- -)
	Tồn	(HÒ)	Tồn Xang	(XẢNG)
5 -	Xảng Xê	(HÒ)	Tồn Xảng	(- -)
	Tồn	(LIU)	Líu Xê Xang	(HÒ)
6 -	Tồn	(XÊ)	Líu Xê Xang	(HÒ)
	Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xư	(XANG)
7 -	Tồn	(XÊ)	Xể Xê Xang	(XƯ)
	Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xư	(XANG)
8 -	Xê Xang	(HÒ)	Xư Xang	(- -)
	Tồn	(HÒ)	Tồn Xang	(XẢNG)
9 -	Xê Xang	(HÒ)	Tồn Xảng	(- -)
	Tồn	(LIU)	Líu Xê Xang	(HÒ)
10 -	Tồn	(XÊ)	Líu Xê Xang	(HÒ)
	Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xư	(XANG)
11 -	Tồn	(XÊ)	Xể Xê Xang	(XƯ)
	Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xư	(XANG)
12 -	Xang Xể	(- -)	Xê Xang	(- -)
	Tồn	(HÒ)	Tồn Xang	(XẢNG)
13 -	Xảng Xê	(HÒ)	Xư Xang	(- -)
	Liu	(OAN)	Oan Liu	(XỀ)
14 -	Xang Xể	(- -)	Xê Xang	(- -)
	Tồn	(HÒ)	Tồn Xang	(XẢNG)
15 -	Xảng Xê	(HÒ)	Xư Xang	(- -)
	Liu	(OAN)	Oan Liu	(XỀ)
16 -	Tồn	(LIU)	Lỉu Liu Oan	(XỀ)
	Líu Oán	(XÊ)	Tồn Xê Xang	(XƯ)
17 -	Xư Xang	(XÊ)	Tồn Hò	(- -)
	Líu Oán	(XÊ)	Líu Xang Xư	(XANG)

Digitized by www.namkyluctinh.org

TỨ ĐẠI VẮN
Nhớ Từ Đường Xưa

Soạn lời : Nhị Tấn

1 - (- -) Nhà Nội (xưa)
Hai cái dính (liền) ghép chữ (đinh)
2 - Có mặt (tiền) rất xinh (- -)
Lấy âm (dương) nền đất trung (đường)
3 - Nhà có (sân) nối bờ đắp (rộng)
Dẫn ngang (đường) phần mộ tổ (tông)
4 - Ra ao (đồng) nước trong (- -)
Nhà từ (đường) để cho con (cháu)
5 - Tìm cội (nguồn) lai đáo (- -)
Nối (dây) thân tộc lâu (dài)
6 - Nhớ (xưa) rủ nhau đợi (xoài)
Hể trái (nào) rụng lượm (tranh)
7 - Nhà (trên) tổ tiên thờ (phụng)
Giỗ ông (bà) tề tựu đông (vui)
8 - Chiều mát (trời) chạy chơi (- -)
Xe đạp (thời) cao su đặc (vỏ)
9 - Trăng bời (bời) sáng tỏ (- -)
Cộ chất (rơm) cao ngất lưng (trời)
10 - Mo (cau) buộc cộ lên (ngồi)
Trâu kéo một (hồi) nóng đít nhảy (ra)
11 - Tuổi thơ trôi (qua) như giấc (mộng)
Tang tóc bao (trùm) khắp cả non (sông)
12 - Nhà xưa xây (đắp) bao công (- -)
Giặc tràn (vào) chiến tranh phá (hủy)
13 - Đất xóm (làng) rậm hoang (- -)
Cỏ mọc (lan) sao quá điêu (tàn)
14 - Súng nổ (- -) rồi phải yên (- -)
Nhà từ (đường) mất đi vĩnh (viễn)
15 - Lỗi (cùng) tổ tiên (- -)
Chờ (trông) con cháu hiệp (đồng)
16 - Ra (tay) chung sức chung (lòng)
Phục (xây) nếp xưa nguyên (vẹn)
17 - Ôi cháu (con) đa phần (- -)
Chỉ (nghĩ) cho bản (thân)

Digitized by www.namkyluctinh.org

18 -	Xang Xể	(- -)	Xê Xang	(- -)
	Hò Tồn	(XƯ)	Xê Xang Xư	(HÒ)
19 -	Tồn	(LIU)	Lủu Liu Oan	(XỀ)
	Xề Oan	(LỈU)	Xế Xáng	(LIU)

2 – TỨ ĐẠI OÁN

(38 câu, nhịp 8, song lang 6-8)

Lớp I :	1 -		(- -)	(- -)
(Lớp thủ)			(- -)	Tồn (LIU)
		Liu	(- -)	Xế Xáng Xứ (LIU)
		Liu Tồn Xang	(XẾ)	Họ, Xế Xang Xư (XỀ)
	2 -	Xề Oan	(LIU)	Liu Tồn Xang (XẾ)
		Tồn Liu Oan	(XỪ)	Cống Xê Xang Cống (XÊ)
		Xề Oan	(LIU)	Liu Oan (XỀ)
		Liu Tồn	(XỀ)	Tồn Xề Oan (LIU)
	3 -	Xề Oan	(LIU)	Liu Tồn Xang (XẾ)
		Họ,Xế Xang Xư	(XỪ)	Cống Xê Xang Cống (XÊ)
		Xề Oan	(LIU)	Liu Oan (XỀ)
		Liu Tồn	(XỀ)	Tồn Xề Oan (LIU)
	4 -	Liu Oan	(LIU)	Liu Oan (XỀ)
		Tồn Xề Oan	(LIU)	Liu Oan Xề Oan (LIU)
		Liu Tồn	(LIU)	Liu, Liu Lủu (LIU)
		Liu, Liu Lủu	(LIU)	Oán Xê Xang Xư (LỊU)
	5 -	Xảng Xảng Tồn	(XANG)	(- -)
		Tồn	(HÒ)	Hò Tồn Xang (XÊ)
		Xề Tồn	(LIU)	Liu, Liu Lủu Oán (XÊ)
		Xê Oán	(XÊ)	Tồn Xang Xư (LỊU)
	6 -	Xư Xư Tồn	(XANG)	Xang Xể (- -)
		Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Ho Oan Xề Oan (LIU)
		Xê Xang	(XƯ)	Xư Tồn Xang (XÊ)
		Liu Lủu	(LIU)	Líu Oán Xể Xê (XANG)
Lớp II :	7 -	Xảng Xang Tồn	(XÊ)	Líu Oán Xê Tồn (HÒ)
(Xang dài 1)		Liu Xề Oan	(LIU)	Oan Xề Tồn Xể (XANG)
			(- -)	(- -)
			(- -)	Xế Xê (XANG)
	8 -	Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xang Xể (- -)
		Xể Xể Tồn	(XANG)	Xang Xư Tồn Xế (XANG)
		Xảng Xang Tồn	(XÊ)	Líu Oán Xê Tồn (HÒ)
		Ho Xề Oan	(HO)	Ho Tồn Xế (XẢNG)

Digitized by www.namkyluctinh.org

18 - Vui hưởng (- -) đất nông canh (- -)
Không quí (trọng) kỷ niệm ông (bà)
19 - Bờ (đi) chung tộc ruột (rà)
Không lo bồi (đắp) sao mà phá (đi)

TỨ ĐẠI OÁN
Bá Lý Hề

Soạn lời : Trần Quan Quờn

Lớp Thủ :

1 - (- -) (- -)
(- -) (Bao)
(- -) Trải (bao)
Thỏ (lặn) ác (tà)
2 - Nhành (ngô) đổ (lá)
Đưa (chà) (- -)
(Mấy) thu (rồi)
Nảo nồng (- -) phận (hoa)
3 - Tình (ôi) có (thấu)
Chăng (là) (- -)
(Thiếp) trông (chàng)
Trong lòng (- -) thiết (tha)
4 - (Chạnh) chung (tình)
Lụy (sa) (- -)
(Hỡi) Lang (quân)
Chàng (Bá) Lý (Hề)
5 - (- -) (- -)
(Vì) tình (kia)
(Chốn) lều (tranh)
Trêu (thương) ngậm (nhớ)
6 - (Chích) nhạn (- -)
Bơ vơ giữa (đường) (- -)
(Sầu) dật (dã)
Nơi (bến) sông (Tương)

Lớp Xang Dài 1 :

7 - (Nhạn) lạc (bầy)
Nhạn (lại) kêu (sương)
(- -) (- -)
(- -) Không (nguôi)
8 - (Nỗi) nhớ (- -)
Niềm (thương) (- -)
(Thảm) thương (chàng)
Đường (- -) xa diệu (viễn)

Digitized by www.namkyluctinh.org

9 -	Xảng Xảng Tồn	(XÊ)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
	Ho Xề Oan	(HO)	Ho Tồn Xế	(XẢNG)
	Xảng Xang Tồn	(XÊ)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
	Ho Xề Oan	(HO)	Ho Tồn Xế	(XẢNG)
10 -	Xảng Xảng Tồn	(XANG)	Tồn	(XÊ)
	Xê Tồn	(XÊ)	Xề Oan	(LIU)
	Liu Lỉu Liu	(- -)	Lỉu Liu, Liu Oan	(LIU)
	Líu Oán Xế Xê	(- -)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
11 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Tồn	(XÊ)
	Xê Tồn	(LIU)	Liu Lỉu Liu	(- -)
	Líu Oán Xê	(- -)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
12 -	Hò Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu Xề Oan	(LIU)
	Lịu Tồn Xang	(XÊ)	Xê Xể Xê Xang	(XƯ)
	Xư Xư Tồn Xang	(XÊ)	Líu Oán Xể Xê	(XANG)
13 -	Xang Xảng Tồn	(XANG)	Xê Xê	(XANG)
	Xảng Xang Xang	(XƯ)	Xư Xư Tồn Xang	(XÊ)
	Xề Tồn	(LIU)	Liu Lỉu Liu Oán	(XÊ)
	Xê Tồn Xể	(XÊ)	Líu Oán Xê Xang	(LỊU)
14 -	Xư Xư Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu Oan Xề Oan	(LIU)
	Xê Xang	(XỰ)	Xư Tồn Xang	(XÊ)
	Xể Xê Tồn	(LIU)	Lỉu Liu Oán Xê	(XANG)
Lớp III : 15 -	Xảng Xang Tồn	(XÊ)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
(Xang dài 2)	Liu Xề Oan	(LIU)	Oan Xề Tồn Xể	(XANG)
		(- -)		(- -)
		(- -)	Xế Xê	(XANG)
16 -	Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Xể Xể Tồn	(XANG)	Xang Xư Tồn Xế	(XANG)
	Xảng Xang Tồn	(XÊ)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
	Ho Xề Oan	(HO)	Ho Tồn Xế	(XẢNG)
17 -	Xảng Xảng Tồn	(XÊ)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
	Ho Xề Oan	(HO)	Ho Tồn Xế	(XẢNG)
	Xảng Xang Tồn	(XÊ)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
	Ho Xề Oan	(HO)	Ho Tồn Xế	(XẢNG)
18 -	Xảng Xảng Tồn	(XANG)	Tồn	(XÊ)
	Xê Tồn	(XÊ)	Xề Oan	(LIU)
	Liu Lỉu Liu	(- -)	Lỉu Liu, Liu Oan	(LIU)
	Líu Oán Xế Xê	(- -)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)

Digitized by www.namkyluctinh.org

9 - (Mắt) trông (chừng)
Minh (- -) mông trời (biển)
(Đôi) lứa (mình)
Tương (- -) tri bất (kiến)

10 - (- -) Bá (lang)
(- -) Chàng (hỡi)
Có (- -) thấu (chăng)
Nỗi (- -) niềm) sự (tình)

11 - (- -) (- -)
(- -) (Nhớ)
(Thuở) (- -)
Hiệp (- -) bạn (mình)

12 - Lều (tranh) biết (mấy)
Nhiêu (tình) (- -)
(Đôi) lứa (nầy)
Sớt (- -) thảm chia (vui)

13 - (- -) Ngày (nay)
Thiếp (chịu) riêng (thương)
(Hận) bởi (duyên)
Thảm vì (- -) duyên trách (nợ)

14 - (Duyên) nợ (- -)
Khiến lỡ (làng) (- -)
(Nam) nhứt (xứ)
(Nữ) nhứt (phang)

<u>Lớp Xang Dài 2</u> : 15 - (Tình) lang (- -)
Hỡi (- -) tình (lang)
(- -) (- -)
(- -) Đã mấy (thu)

16 - (Chàng) bặt (- -)
Tin (sang) (- -)
(Thiếp) cô (phòng)
Quạnh (- -) hiu sớm (tối)

17 - (Vọng) phu (hình)
Trông (chồng) nên (nỗi)
(Thiếp) học (đòi)
Thề (- -) lòng chẳng (đổi)

18 - (- -) Đá (tan)
(- -) Biển (cạn)
Miếng (- -) kiếng (xưa)
Thiếp (- -) giữ (gìn)

Digitized by www.namkyluctinh.org

19 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Tồn	(XÊ)
	Xê Tồn	(LIU)	Liu Lỉu Liu	(- -)
	Líu Oán Xê	(- -)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
20 -	Hò Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu Xề Oan	(LIU)
	Lịu Tồn Xang	(XÊ)	Xê Xể Xê Xang	(XƯ)
	Xư Xư Tồn Xang	(XÊ)	Líu Oán Xể Xê	(XANG)
21 -	Xang Xảng Tồn	(XANG)	Xê Xê	(XANG)
	Xảng Xang Xang	(XƯ)	Xư Xư Tồn Xang	(XÊ)
	Xề Tồn	(LIU)	Liu Lỉu Liu Oán	(XÊ)
	Xê Tồn Xể	(XÊ)	Líu Oán Xê Xang	(LỊU)
22 -	Xư Xư Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu Oan Xề Oan	(LIU)
	Xê Xang	(XỰ)	Xư Tồn Xang	(XÊ)
	Xể Xê Tồn	(LIU)	Lỉu Liu Oán Xê	(XANG)
Lớp IV : 23 -	Xảng Xang Tồn	(XÊ)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
(Xang vắn 1)	Liu Xề Oan	(LIU)	Oan Xề Tồn Xể	(XANG)
		(- -)		(- -)
		(- -)	Xế Xê	(XANG)
24 -	Xang Xang Tồn	(XANG)	Xang Xê	(- -)
	Xê Xể Tồn	(XANG)	Xê Xang Xư Xể	(XANG)
	Xảng Xang Tồn	(XÊ)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
	Liu Xề Tồn Oan	(LIU)	Liu Xề Tồn Xế	(XẢNG)
25 -	Xảng Xang Tồn	(XÊ)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
	Lỉu Liu Oan	(XÊ)	Tồn Xề Liu Oan	(LIU)
	Liu Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Xê Xang Xư	(- -)	Xư Tồn Xang	(XÊ)
26 -	Xề Tồn	(LIU)	Liu Lỉu Liu Oán	(LỊU)
	Xư Xư Tồn Xang	(XÊ)	Xể Xê Tồn Xang	(XÊ)
	Xề Tồn	(LIU)	Liu Lỉu Liu	(OAN)
	Oan Oan Tồn	(LIU)	Liu Lỉu Liu Oan	(XÊ)
Lớp V : 27 -		(- -)		(- -)
(Xang vắn 2)		(- -)	Tồn	(XÊ)
	Xề Tồn	(LIU)	Lỉu Liu	(- -)
	Líu Oán Xê	(- -)	Xê Líu Oán Xê	(XANG)
28 -	Xang Xang Tồn	(XANG)	Xang Xê	(- -)
	Xê Xể Tồn	(XANG)	Xê Xang Xư Xể	(XANG)
	Xảng Xang Tồn	(XÊ)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
	Liu Xề Tồn Oan	(LIU)	Liu Xề Tồn Xế	(XẢNG)

Digitized by www.namkyluctinh.org

19 - (- -) (- -)
(- -) (Nặng)
(Cũng) (- -)
Bởi (- -) chữ (tình)

20 - Năm (canh) kết (- -)
Bạn bóng (hình) (- -)
(Ngẩn) ngơ (tình)
Với (- -) ngọn đèn (chong)

21 - (- -) Gương (Nga)
Ghé (mắt) dòm (song)
(Giọt) sương (rơi)
Gió (- -) hiu hắt (thổi)

22 - (Dường) khêu (- -)
Lửa (phiền) (- -)
(Chạnh) nhớ (- -)
Lúc (- -) se (duyên)

<u>Lớp Xang vắn 1</u> : 23 - (Lụy) tuôn (sầu)
Lụy (nhỏ) liên (liên)
(- -) (- -)
(- -) (Duyên)

24 - (Là) hỡi (- -)
Nợ (duyên) (- -)
(Thế) khi (chàng)
Công (- -) danh đắc (lộ)

25 - (Thêm) (nhiều)
Thêm (- -) nhiều cô (hầu)
(Nên) lấp (- -)
Thảm (- -) tình (sâu)

26 - (Chẳng) nhớ (hồi)
Cháo (rau) (- -)
(Đoạn) tình (nhau)
Trong (- -) buổi sang (giàu)

<u>Lớp Xang vắn 2</u> : 27 - (- -) (- -)
(- -) Thiếp (gắng)
(Gượng) (- -)
Ôm (- -) trẻ (thơ)

28 - (Lội) suối (- -)
Trèo (non) (- -)
(Bước) theo (đường)
Xin (ăn) theo (buổi)

Digitized by www.namkyluctinh.org

	29 -	Xảng Xang Tồn	(XÊ)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
		Lỉu Liu Oan	(XỀ)	Tồn Xề Liu Oan	(LIU)
		Liu Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
		Xê Xang Xư	(- -)	Xư Tồn Xang	(XÊ)
	30 -	Xề Tồn	(LIU)	Liu Lỉu Liu Oán	(LỊU)
		Xư Xư Tồn Xang	(XÊ)	Xể Xê Tồn Xang	(XÊ)
		Xề Tồn	(LIU)	Liu Lỉu Liu	(OAN)
		Oan Oan Tồn	(LIU)	Liu Lỉu Liu Oan	(XỀ)
Lớp VI :	31 -		(- -)		(- -)
(Hồi Thủ)			(- -)	Tồn	(LIU)
		Liu	(- -)	Xế Xáng Xứ	(LIU)
		Liu Tồn Xang	(XẾ)	Họ, Xế Xang Xư	(XỀ)
	32 -	Xề Oan	(LIU)	Liu Tồn Xang	(XÊ)
		Tồn Liu Oan	(XỪ)	Cống Xê Xang Cống	(XÊ)
		Xề Tồn	(LIU)	Liu Lỉu Liu Oán	(XÊ)
		Xê Tồn Xang	(XÊ)	Líu Oán Xê Xang Xư	(LỊU)
	33 -	Xang Xảng Tồn	(XANG)	Xế Xê	(XANG)
		Xảng Xê Xang	(XƯ)	Xư Tồn Xang	(XÊ)
		Xề Tồn	(LIU)	Liu Lỉu Liu Oán	(XÊ)
		Xể Xê Tồn	(XÊ)	Líu Oán Xê Xang	(LỊU)
	34 -	Xư Xư Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
		Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu Xề Tồn Oan	(LIU)
		Xê Xang	(XƯ)	Xư Xư Tồn Xang	(XÊ)
		Xê Xê Tồn	(LIU)	Líu Oán Xể Xê	(XANG)
Lớp VII :	35 -	Xảng Xang Tồn	(XÊ)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
(Xang dứt)		Liu Xề Tồn Oan	(LIU)	Lỉu Liu Xể Xê	(XANG)
			(- -)		(- -)
			(- -)	Xế Xê	(XANG)
	36 -	Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
		Xể Xể Tồn	(XANG)	Xê Xang Xư Xế	(XANG)
		Xảng Xang Tồn	(XÊ)	Líu Oán Xê Xang	(XƯ)
		Xư Xư Tồn	(XÊ)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
	37 -		(- -)		(- -)
			(- -)	Tồn	(LIU)
		Liu	(- -)	Xế Xáng Xư	(LIU)
		Liu Tồn Xáng	(XẾ)	Xế Tồn Liu Oan	(XÀNG)
	38 -	Xàng Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
		Tồn Xê Xang	(XƯ)	Xư Tồn Xể Xê	(XANG)
		Xề Oan	(LỈU)	Lỉu Liu Oan	(XỀ)
		Xề Tồn Xề Oan	(LIU)	Xế Xáng Xư	(LIU)

Digitized by www.namkyluctinh.org

29 - (Dò) (lần)
(Qua) (Tần)
Đến (cho) tạn (- -)
Mặt (- -) Bá (Lang)

30 - (Trổi) ít (bài)
Nhặt (khoan) (- -)
(Cho) thấu (tai)
(Kẻ) bạc (tình)

<u>Lớp Hồi Thủ</u> :

31 - (- -) (- -)
(- -) (Ai)
(- -) Hỡi (ai)
Là (bạn) chung (tình)

32 - Tào (khang) sao (- -)
Chẳng vẹn (gìn) (- -)
(Thuở) hàn (vi)
Áo (trâu) lạnh (lẽo)

33 - (- -) Mặn (lạt)
Đồng (- -) sớt (chia)
(Khi) đưa (nhau)
Hấp (- -) gà chẽ (cửa)

34 - (Chừng) đặng (- -)
Chức công (hầu) (- -)
(Tình) tấm (mẳn)
Chàng (- -) nỡ vội (vong)

<u>Lớp Xang Dứt</u> :

35 - (Mặt) mũi (nào)
Còn (- -) thấy núi (sông)
(- -) (- -)
(- -) Tiếng (ca)

36 - Phúc (chốc) động (- -)
Tâm (trung) (- -)
(Rất) xót (dạ)
(- -) Anh (hùng)

37 - (- -) (- -)
(- -) (Giữa)
(- -) Tiệc (trung)
Sóng (- -) dợn đoanh (tròng)

38 - (- -) Buông (- -)
Ly (rượu) (- -)
(Khóc) cùng (người)
Tình (chung) (- -)

Digitized by www.namkyluctinh.org

3 – PHỤNG HOÀNG CẦU

(48 câu, nhịp 8, song lang 6-8)

Lớp I :	1 -		(- -)	(- -)
			(- -)	Tồn (LIU)
		Liu	(- -)	Liu Oan (LIU)
		Liu Oan	(XÀNG)	Xề Liu Xế (XẢNG)
	2 -	Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xang Xể (- -)
		Xảng Xang Xế	(XẢNG)	Xang Tồn Xế (XANG)
		Liu Oan	(XỀ)	XỀ Oan (LỈU)
		Lỉu Liu Tồn	(LIU)	Xế Xáng Xư (LIU)
	3 -		(- -)	(- -)
			(- -)	Tồn (LIU)
		Liu	(- -)	Liu Xáng Xứ (LIU)
		Liu Tồn Xáng	(XẾ)	Xể Xang Xư (XÀNG)
	4 -	Tồn	(XANG)	Xang Xể (- -)
		Xể Tồn Xế	(XANG)	Xảng Xảng Tồn (XANG)
		Tồn Oan	(LỈU)	Lỉu Liu Oan (XỀ)
		Tồn Xề Oan	(LIU)	Xế Xáng Xư (LIU)
	5 -		(- -)	(- -)
			(- -)	Tồn (LIU)
		Liu	(- -)	Liu Xáng Xư (LIU)
		Liu Tồn Xang	(XẾ)	Xế Lỉu Liu Oan (XỀ)
	6 -	Xề Tồn	(LIU)	Liu Tồn Xáng (XẾ)
		Xế Lỉu Liu Oan	(XỪ)	Xể Xê Xang (XÊ)
		Xề Tồn	(LIU)	Liu Lỉu Liu Oán (XÊ)
		Xể Xê Tồn	(XÊ)	Líu Oán Xê Xang (LỊU)
	7 -	Xư Tồn Xế	(XANG)	Xế Xê (XANG)
		Xảng Xang Xang	(XƯ)	Xư Xư Tồn Xang (XÊ)
		Tồn	(LIU)	Lỉu Liu Oán (XÊ)
		Xể Xê Tồn	(XÊ)	Líu Oán Xê Xang (LỊU)
	8 -	Xư Xư Tồn	(XANG)	Xang Xể (- -)
		Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu Xề Tồn Oan (LIU)
		Hò Tồn	(XƯ)	Xư Tồn Xang (XÊ)
		Xê Xể Xê	(- -)	Líu Oán Xê Tồn (HÒ)
	9 -		(- -)	(- -)
			(- -)	Tồn (HÒ)
		Xế Xang Xư	(XÀNG)	Xàng Xề (- -)
		Xề Hò	(- -)	Tồn Xể Xế (XANG)

Digitized by www.namkyluctinh.org

PHỤNG HOÀNG CẦU
Bĩ vận Kiều Nương

Soạn lời : Nguyễn Văn Thinh,1931

<u>Lớp I</u> :

1 - (- -) (- -)
(- -) Kim (Lang)
(- -) Vị (thân)
Tư (lương) qui cố (hương)

2 - (Đọc) sách (- -)
Nhớ Thúy (nương) (- -)
Mãn (kỳ) cư (tang)
Hằng (trông) (- -)

3 - (- -) (- -)
(- -) (Tuy)
Bắc Nam (- -) yến (oanh)
Cầm (sắt) phân (kỳ)

4 - (Thúy) nguyện (- -)
Trọn (vẹn) (- -)
(Chữ) phu (tùng)
Cùng (Kim) (- -)

5 - (- -) (- -)
(- -) (Rủi)
Thay (- -) Vương (Ông)
Họa đến (- -) thình (lình)

6 - Gả bán (tơ) vì (chứa)
Vô (tình) (- -)
(Đình) trú một (đêm)
Buông (- -) lời vu (vạ)

7 - (- -) (Quan)
Sai (người) khảo (tra)
(Đứa) bán (tơ)
Không (- -) manh giấy (lận)

8 - (Phép) quan (- -)
Gia (hình) (- -)
(Của) tịch (ký)
(Người) cầm (giam)

9 - (- -) (- -)
(- -) Nàng (Kiều)
Một (lòng) nguyền (- -)
Hiếu (- -) thảo với (cha)

Digitized by www.namkyluctinh.org

	10 -	Xang Tồn	(XANG)	Xế Xê (XANG)
		Xang Xang Xê	(- -)	Xể Xê Xang (XƯ)
		Xề Tồn Oan	(LỈU)	Xế Xảng Xư (XỀ)
		Liu Xề Oan	(LIU)	Xế Xáng Xư (LIU)
Lớp II :	11 -		(- -)	(- -)
			(- -)	Tồn (LIU)
		Liu	(- -)	Liu Xáng Xứ (LIU)
		Liu Tồn Xáng	(XẾ)	Xể Xang Xư (XÀNG)
	12 -	Tồn	(XANG)	Xang Xể (- -)
		Xể Tồn Xế	(XANG)	Xảng Xảng Tồn (XANG)
		Tồn Oan	(LỈU)	Lỉu Liu Oan (XỀ)
		Tồn Xề Oan	(LIU)	Xế Xáng Xư (LIU)
	13 -		(- -)	(- -)
			(- -)	Tồn (LIU)
		Liu	(- -)	Liu Xáng Xư (LIU)
		Liu Tồn Xang	(XẾ)	Xế Lỉu Liu Oan (XỀ)
	14 -	Xề Tồn	(LIU)	Liu Tồn Xáng (XẾ)
		Xế Lỉu Liu Oan	(XỪ)	Xể Xê Xang (XỀ)
		Xề Tồn	(LIU)	Liu Lỉu Liu Oán (XỀ)
		Xể Xê Tồn	(XỀ)	Líu Oán Xê Xang (LỊU)
	15 -		(- -)	(- -)
			(- -)	Tồn (LIU)
		Liu	(- -)	Liu Xáng Xư (LIU)
		Liu Tồn Xang	(XẾ)	Xế Lỉu Liu Oan (XỀ)
	16 -	Xề Tồn	(LIU)	Liu Tồn Xáng (XẾ)
		Xế Lỉu Liu Oan	(XỪ)	Xể Xê Xang (XỀ)
		Xề Tồn	(LIU)	Liu Lỉu Liu Oán (XỀ)
		Xể Xê Tồn	(XỀ)	Líu Oán Xê Xang (LỊU)
	17 -		(- -)	(- -)
			(- -)	Tồn (XỀ)
		Xề Tồn	(LIU)	Lỉu Liu (- -)
		Líu Oán Xê	(- -)	Líu Oán Xê Tồn (HÒ)
	18 -	Hò Tồn	(XANG)	Xang Xể (- -)
		Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu Xề Tồn Oan (LIU)
		Xề Tồn Oan	(LỈU)	Lỉu Liu Oan (XỀ)
		Tồn Xề Oan	(LIU)	Oản Xề Oan (LIU)
	19 -		(- -)	(- -)
			(- -)	Tồn (LIU)
		Liu	(- -)	Liu Xáng Xư (LIU)
		Liu Tồn Xang	(XẾ)	Xế Lỉu Liu Oan (XỀ)

Digitized by www.namkyluctinh.org

10 - (- -) (Quyết)
Bán (- -) thân cho (người)
(Để) lấy (vàng)
Chuộc (già) (- -)

<u>Lớp II</u> :

11 - (- -) (- -)
(- -) (Quê)
Nơi (- -) Liêu (Dương)
Trước (- -) có một (chàng)

12 - (Vốn) thơ sanh (- -)
Kim (Trọng) (- -)
Chị (lén) thề (nguyền)
Kết (duyên) (- -)

13 - (- -) (- -)
(- -) (Em)
Ôi (-) Thúy (Vân)
Em (- -) có vưng (lời)

14 - Lên (đây) chị (lạy)
Em (ngồi) (- -)
(Gắn) phím (loan)
Nối (- -) duyên thay (chị)

15 - (- -) (- -)
(- -) (Xui)
Đâu (- -) khiến (xui)
Gãy (- -) gánh cang (thường)

16 - Trải (thân) báo (bổ)
Đôi (đường) (- -)
(Em) chắp mối (tơ)
Cho (- -) an duyên (phận)

17 - (- -) (- -)
(- -) (Xưa)
Đã (trót) giao (- -)
Kết (- -) nghĩa đá (vàng)

18 - (Bây) giờ đã (- -)
Phải lỡ (làng) (- -)
(Gã) bợm già phụ (phàng)
Mã Giám (Sanh) (- -)

19 - (- -) (- -)
(- -) (Lâm)
Tri (- -) chốn phồn (hoa)
Có (- -) chỗ Tú (Bà)

Digitized by www.namkyluctinh.org

20 -	Xề Tồn	(LIU)	Liu Tồn Xáng	(XẾ)
	Xế Lủu Liu Oan	(XỪ)	Xể Xê Xang	(XÊ)
	Hò Tồn	(LIU)	Liu Lủu Liu Oan	(XÊ)
	Xê Tồn Xế	(XẢNG)	Xảng Xư Tồn Xế	(XANG)
21 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Tồn	(XỀ)
	Xề Lủu Liu	(OAN)	Oan Liu	(- -)
	Liu Xề	(- -)	Xề Lủu Liu	(OAN)
22 -	Oan Oan	(LIU)	Liu Lủu	(- -)
	Xế Xang Xư	(HÒ)	Liu Xề Tồn Oan	(LIU)
	Hò Tồn	(XƯ)	Xư Tồn Xang	(XÊ)
	Xê Oán Xê	(- -)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
Lớp III : 23 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Tồn	(LIU)
	Liu	(- -)	Liu Xáng Xư	(LIU)
	Liu Tồn Xang	(XẾ)	Xế Lủu Liu Oan	(XỀ)
24 -	Xề Tồn	(LIU)	Liu Tồn Xáng	(XẾ)
	Xế Lủu Liu Oan	(XỪ)	Xể Xê Xang	(XÊ)
	Xề Tồn	(LIU)	Liu Lủu Liu Oán	(XÊ)
	Xể Xê Tồn	(XÊ)	Líu Oán Xê Xang	(LỊU)
25 -	Xư Tồn Xế	(XANG)	Xế Xê	(XANG)
	Xảng Xang Xang	(XƯ)	Xư Xư Tồn Xang	(XÊ)
	Tồn	(LIU)	Lủu Liu Oán	(XÊ)
	Xể Xê Tồn	(XÊ)	Líu Oán Xê Xang	(LỊU)
26 -	Xư Xư Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu Xề Tồn Oan	(LIU)
	Hò Tồn	(XƯ)	Xư Tồn Xang	(XÊ)
	Xê Xể Xê	(- -)	Líu Oán Xê Tồn	(Hò)
27 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Tồn	(HÒ)
	Xế Xang Xư	(XÀNG)	Xàng Xề	(- -)
	Xề Hò	(- -)	Tồn Xể Xế	(XANG)
28 -	Xang Tồn	(XANG)	Xế Xê	(XANG)
	Xang Xê	(- -)	Xể Xê Xang	(XƯ)
	Xề Oan Liu	(LỈU)	Xế Xảng Xư	(XỀ)
	Liu Xề Oan	(LIU)	Xế Xáng Xư	(LIU)
29 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Tồn	(LIU)
	Liu	(- -)	Liu Xáng Xứ	(LIU)
	Liu Tồn Xáng	(XẾ)	Xể Xang Xư	(XÀNG)

Digitized by www.namkyluctinh.org

20 - Thanh (lâu) trữ (- -)
Gái trong (nhà) (- -)
(Bắt) Kiều (bái)
Lễ (- -) Tiên (Sư)

21 - (- -) (- -)
(- -) Ép (nàng)
(Học) câu (- -)
Ê chề (- -) liễu chán hoa (chê)

22 - Lăn (lóc) đá (- -)
Mê mẫn (đời) (- -)
Đối (ngoài) bảy (chữ)
Vành (- -) trong tám (nghề)

23 - (- -) (- -)
(- -) Không (tuân)
Trang sức (- -) phấn (son)
Lựu (nước) máu (gà)

24 - Cùng Sở (Khanh) mưu (trốn)
Xa (nhà) (- -)
(Đám) tớ Tú (gia)
Tuốt (- -) theo bắt (đặng)

25 - (- -) (Đưa)
Về (đày) đọa khảo (tra)
(Biết) tấm (thân)
Chạy (- -) không xa (trời)

26 - (Lầu) xanh (- -)
Đánh (liều) (- -)
(Xui) gặp (gỡ)
(Chàng) Thúc (Sanh)

27 - (- -) (- -)
(- -) Chuộc (nàng)
Rước (về) nhà (- -)
Thúc (- -) Lão đánh (la)

28 - (- -) (Đưa)
Tới (- -) nha môn thưa (trình)
(Xin) quan (ngài)
Đuổi (ra) (- -)

<u>Lớp III</u> :

29 - (- -) (- -)
(- -) (Quan)
Phê (- -) xét Thúy (Nương)
Có (- -) sắc có (tài)

Digitized by www.namkyluctinh.org

30 -	Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Xể Tồn Xế	(XANG)	Xảng Xảng Tồn	(XANG)
	Tồn	(LỈU)	Lỉu Liu Oan	(XỀ)
	Tồn Xề Oan	(LIU)	Xế Xáng Xư	(LIU)
31 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Tồn	(LIU)
	Liu	(- -)	Liu Xáng Xư	(LIU)
	Liu Tồn Xang	(XẾ)	Xế Lỉu Liu Oan	(XỀ)
32 -	Xề Tồn	(LIU)	Liu Tồn Xáng	(XẾ)
	Xế Lỉu Liu Oan	(XỪ)	Xể Xê Xang	(XÊ)
	Xề Tồn	(LIU)	Liu Lỉu Liu Oán	(XÊ)
	Xể Xê Tồn	(XÊ)	Líu Oán Xê Xang	(LỊU)
33 -	Xư Tồn Xế	(XANG)	Xế Xê	(XANG)
	Xảng Xang Xang	(XƯ)	Xư Xư Tồn Xang	(XÊ)
	Tồn	(LIU)	Lỉu Liu Oán	(XÊ)
	Xể Xê Tồn	(XÊ)	Líu Oán Xê Xang	(LỊU)
34 -	Xư Xư Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu Xề Tồn Oan	(LIU)
	Hò Tồn	(XƯ)	Xư Tồn Xang	(XÊ)
	Xê Xể Xê	(- -)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
35 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Tồn	(HÒ)
	Xể Xê Xang	(XƯ)	Xư Xư Tồn Xang	(XÊ)
	Xê Xể Xê	(- -)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
36 -	Hò Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu Xề Tồn Oan	(LIU)
	Hò Tồn	(XƯ)	Xư Xư Tồn Xang	(XÊ)
	Xê Oán Xê	(- -)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
Lớp IV :37 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Liu	(OAN)
	Oan Liu	(- -)	Liu Lỉu Liu	(OAN)
	Oan Liu	(- -)	Xề Lỉu Oan	(XỀ)
38 -	Tồn Xề Oan	(LIU)	Lỉu Liu Oan	(- -)
	Oạn Liu Oan	(XỀ)	Xê Líu Xang	(XÊ)
	Tồn Xang	(XÊ)	Líu Xang Xư	(HÒ)
	Tồn Là	(HÒ)	Tồn Xể Xế	(XANG)
39 -		(- -)	Xế Xê	(XANG)
	Xảng Xê Xang	(XƯ)	Xư Xư Tồn Xang	(XÊ)
	Xề Tồn	(LIU)	Lỉu Liu Oán	(XÊ)
	Xê Tồn	(XÊ)	Líu Oán Xê Xang	(LỊU)

Digitized by www.namkyluctinh.org

30 - (Nên) khuyên (- -)
Thúc (Lão) (- -)
(Đem) nàng (về)
Hòa (hai) (- -)

31 - (- -) (- -)
(- -) Suốt (năm)
Lặng lẽ (- -) im (hơi)
Bưng (kín) miệng (bình)

32 - Hoạn (Thơ) ưng (khuyển)
Mưu (hiểm) (- -)
(Tách) nẻo (sang)
Qua (- -) tra độc (dược)

33 - (- -) (Giấc)
(Hòe) nàng mê (mang)
(Tráo) tử (thi)
Bên (- -) sông đem (lại)

34 - (Hỏa) công (- -)
Phóng (liền) (- -)
(Vực) nàng đưa (xuống)
Để (- -) an dưới (thuyền)

35 - (- -) (- -)
(- -) Đem (về)
Hành (hạ) đánh (khảo)
Khổ (- -) bấy thân (nàng)

36 - (Ôi) Kim Lang (- -)
Hỡi (chàng) (- -)
(Chàng) có (hay)
Cho (- -) nông nỗi (nầy)

37 - (- -) (- -)
(- -) Thúc (sanh)
Tư lương (- -) nhớ (thương)
Kiếm (- -) phương tìm (nàng)

38 - (Pháp) sư (- -)
Ngồi (tràng) (- -)
(Khẳng) định (rằng)
Còn (sống) dương (gian)

39 - (- -) Ít (lâu)
Đây (rồi) sẽ gặp (nhau)
(Kế) Thúc (sanh)
Phản (- -) hồi gia (nội)

Digitized by www.namkyluctinh.org

40 -	Xư Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu Xề Tồn Oan	(LIU)
	Hò Tồn	(XƯ)	Xư Tồn Xang	(XÊ)
	Xể Xê Tồn	(LIU)	Liu Lỉu Oán Xê	(XANG)
41 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Xế Xê	(XANG)
	Xang Xư Xang	(- -)	Xảng Liu Oan	(XÀNG)
	Xàng Xề	(- -)	Xề Lỉu Liu	(OAN)
42 -	Oan Oan	(LIU)	Liu Xề	(- -)
	Liu Xề Lỉu Liu	(OAN)	Oan Xề Lỉu Liu	(OAN)
	Oan Tồn	(LIU)	Liu Liu Lỉu	(LIU)
	Liu Lỉu Liu	(LIU)	Liu Lỉu Oán Xê	(XANG)
43 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Xế Xê	(XANG)
	Xang Xê Xế	(XẢNG)	Xê Xang	(- -)
	Xảng Xế Xê Tồn	(HÒ)	Xê Hò Tồn Xang	(XƯ)
44 -	Hò Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Xể Xê Tồn	(XƯ)	Xư Tồn Xế	(XANG)
	Xảng Xang Tồn	(XÊ)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
	Liu Xề Tồn Oan	(LIU)	Liu Lỉu Xế Xê	(XANG)
45 -		(- -)	Xế Xê	(XANG)
	Xảng Xê Xang	(XƯ)	Xư Xư Tồn Xang	(XÊ)
	Xề Tồn	(LIU)	Lỉu Liu Oán	(XÊ)
	Xê Tồn	(XÊ)	Líu Oán Xê Xang	(LỊU)
46 -	Xư Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu Xề Tồn Oan	(LIU)
	Hò Tồn	(XƯ)	Xư Tồn Xang	(XÊ)
	Xể Xê Tồn	(LIU)	Liu Lỉu Oán Xê	(XANG)
47 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Xế Xê	(XANG)
	Xang Xê Xế	(XẢNG)	Xê Xang	(- -)
	Xảng Xế Xê Tồn	(HÒ)	Xê Hò Tồn Xang	(XƯ)
48 -	Xư Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Hò Xế Xang	(XƯ)	Xư Tồn Xế	(XANG)
	Tồn Oan	(LỈU)	Lỉu Liu Oan	(XÈ)
	Xề Tồn Oan	(LIU)	Xề Xảng Xứ	(LIU)

Digitized by www.namkyluctinh.org

40 - (Nơi) tiệc rượu (- -)
Lắng cung (đàn) (- -)
(Khiến) Thúc tê (tái)
Ruột (- -) nát châu (chan)

Lớp IV :

41 - (- -) (- -)
(- -) (Biểu)
Thúy (- -) (nàng)
Hãy (cúi) (xuống) nơi (đây)

42 - (Tra) khảo (- -)
Hoa (nô) (- -)
(Nước) mắt (ấy)
(Duyên) cớ bởi (đâu)

43 - (- -) (- -)
(- -) Thúc (sanh)
Khuyên (Hoạn) nới tay (- -)
Đưa (nàng) đến chùa chép (kinh)

44 - (Thúc) sầu (- -)
Lén bỏ (dinh) (- -)
(Hoạn) vội (vàng)
Ẩn (- -) mình theo (sau)

45 - (- -) (Mưu)
Thâm (nầy) Kiều đặng (hay)
(Mới) cắp khánh (chuông)
Kiếm (- -) phương tị (nạn)

46 - Đến (Giác) Duyên (- -)
Sư (Bà) (- -)
(Phận) tỏ (nỗi)
Ẩn (- -) khuất căn (nguyên)

47 - (- -) (- -)
(- -) Nhà (sư)
(Hãi) kinh (- -)
Khuyên (nàng) mau lánh (thân)

48 - Tới (Bạc) Bà (- -)
Người cận (lân) (- -)
(Để) ẩn (mình)
Trong lúc lưỡng (phân) (- -)

Digitized by www.namkyluctinh.org

4 - GIANG NAM CỬU KHÚC

(58 câu, nhịp 8, song lang 6-8)

Lớp I :	1 -		(- -)		(- -)
(Khúc 1)			(- -)	Liu	(OAN) *
		Oan Xề Oan	(LIU)	Lỉu Liu	(- -)
		Oan Liu Lỉu	(- -)	Tồn Lỉu Liu	(OAN)
	2 -	Oan Xề Oan	(LIU)	Liu Lỉu	(- -)
		Liu Xề Lỉu Liu	(OAN)	Liu Xề Lỉu Liu	(OAN)
		Tồn	(LIU)	Liu Lỉu Liu	(LIU)
		Oan Liu	(- -)	Oan Liu Xế Xáng	(XỆ)
	3 -	Xể Xê Xang	(XƯ)	Hò Xư Xang	(XÊ)
			(- -)	Tồn	(XÊ)
		Xề Tồn	(LIU)	Lỉu Liu	(- -)
		Líu Oán Xê	(- -)	Xê Líu Xê Tồn	(HÒ)
	4 -	Hò Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
		Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu Xề Tồn Oan	(LIU)
		Liu Oan	(XÊ)	Tồn Xề Oan	(LỈU)
		Lỉu Xề Tồn	(LIU)	Xế Xáng Xư	(LIU)
(Khúc 2)	5 -	Tồn Liu Liu Oan	(XÊ)	Liu Xề Tồn Oan	(LIU)
			(- -)	Liu	(OAN) *
		Oan Xề Oan	(LIU)	Lỉu Liu	(- -)
		Oan Liu Lỉu	(- -)	Tồn Lỉu Liu	(OAN)
	6 -	Oan Xề Oan	(LIU)	Liu Lỉu	(- -)
		Liu Xề Lỉu Liu	(OAN)	Liu Xề Lỉu Liu	(OAN)
		Tồn	(LIU)	Liu Lỉu Liu	(LIU)
		Oan Liu	(- -)	Oan Liu Xế Xáng	(XỆ)
	7 -	Xể Xê Xang	(XƯ)	Hò Xư Xang	(XÊ)
			(- -)	Tồn	(XÊ)
		Xề Tồn	(LIU)	Lỉu Liu	(- -)
		Liu Oan Xề	(- -)	Xề Xáng Lỉu Liu	(OAN)
	8 -	Oan Oan	(LIU)	Liu Oan Xề	(- -)
		Xề Lỉu Liu	(OAN)	Liu Xề Lỉu Liu	(OAN)
		Hò Tồn	(LIU)	Liu Lỉu	(LIU)
		Líu Xể Oán	(XÊ)	Líu Oán Xê Xang	(LỊU)
	9 -	Xư Xư Xê Xang Xư	(HÒ)	Hò Líu Xể Xê	(XANG)
			(- -)	Tồn	(HÒ)
		Xể Xê Xang	(XƯ)	Xang Xư	(- -)
		Xang Xê	(- -)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)

Digitized by www.namkyluctinh.org

GIANG NAM CỬU KHÚC
Kim, Kiều hoa viên ngộ

Soạn lời : Nguyễn Văn Thinh 1970

<u>Lớp I</u> :

(Khúc 1)

1 - (- -) (- -)
(- -) Ông (Tơ)
Sao (ông) trớ trêu (- -)
Khiến xui (- -) gặp gỡ chi (nhau)

2 - Biết (chăng) cùng ai (- -)
Có nghĩa tất (giao) (- -)
(Mối) sầu (vương)
Khó (- -) khuây tấc (dạ)

3 - (- -) (- -)
(- -) (Tơ)
Hồng se (chi) lắm mối (- -)
Để rối (- -) như thể tơ (vò)

4 - Sông (Tương) một (- -)
Dãi nông (sờ) (- -)
Bùi (ngùi) chơi (vơi)
Tưởng nhớ hình (dung) (- -)

(Khúc 2)

5 - (- -) (- -)
(- -) Đêm (sương)
Tư (lương) bâng khuâng (- -)
Miên man (- -) đối ngọn cô (đăng)

6 - Gương (nga) lẫn chen (- -)
Mấy cụm mây (giăng) (- -)
(Tiếng) tử (qui)
Sầu (- -) đưa bên (triện)

7 - (- -) (- -)
(- -) Nguồn (đào)
Mõn (hơi) ngóng trông (- -)
Mịt mờ (- -) lẫn khuất muôn (dâu)

8 - Vào (ra) thổn thức (- -)
Trót canh (thâu) (- -)
Vấn (vương) mối ưu (tư)
Ngẩn (ngơ) mấy tiếng tơ (sầu)

9 - (- -) (- -)
(- -) Bức (mành)
Dường rung (rinh) phơ phất (- -)
Như thể (- -) ngọn gió (đàn)

Digitized by www.namkyluctinh.org

10 -	Hò Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu Xề Tồn Oan	(LIU)
	Hò Tồn	(XƯ)	Xư Tồn Xang	(XÊ)
	Xể Xê Tồn	(LIU)	Líu Oán Xể Xê	(XANG)
11 -	Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu Xề Tồn Oan	(LIU)
	Hò Tồn	(XƯ)	Xư Tồn Xang	(XÊ)
	Xể Xê Tồn	(LIU)	Líu Oán Xể Xê	(XANG)
12 -	Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Xể Tồn Xế	(XANG)	Xư Tồn Xể Xê	(XANG)
	Xảng Xang Tồn	(XÊ)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
	Liu Xề Tồn Oan	(LIU)	Xê Xang Xư Xế	(XANG)
(Khúc 3) 13 -	Xảng Xang Xang Xư	(HÒ)	Tồn Hò Xư	(XANG)
		(- -)	Tồn	(LIU)
	Liu	(- -)	Lỉu Xế Xáng	(LIU)
	Liu Tồn Xang	(XẾ)	Xế Xang Xư	(XÀNG)
14 -	Xàng Xê	(XỀ)	Ú Liu Xể Xê	(XANG)
		(- -)	Tồn	(LIU)
	Liu	(- -)	Lỉu Xế Xáng	(LIU)
	Liu Tồn Xang	(XẾ)	Xế Xang Xư	(XÀNG)
15 -	Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Xể Xê Tồn Xang	(XƯ)	Xư Tồn Xể Xê	(XANG)
	Xảng Xang Tồn	(XÊ)	Xang Xư	(- -)
	Xư Xang Xê	(- -)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
16 -	Hò Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu Xề Tồn Oan	(LIU)
	Liu Oan	(XỀ)	Tồn Xề Oan	(LỈU)
	Lỉu Xề Tồn	(LIU)	Xế Xáng Xư	(LIU)
Lớp II : 17 -	Tồn Liu Xáng Xứ	(XỀ)	Liu Xề Tồn Oan	(LIU)
(Khúc 4)		(- -)	Liu	(OAN) *
	Liu Xề Oan	(LIU)	Lỉu Liu	(- -)
	Liu Lỉu	(- -)	Tồn Lỉu Liu	(OAN)
18 -	Oan Xề Oan	(LIU)	Liu Lỉu	(- -)
	Liu Xề Lỉu Liu	(OAN)	Liu Xề Lỉu Liu	(OAN)
	Tồn	(LIU)	Liu Lỉu Liu	(LIU)
	Liu Oan Liu	(- -)	Oan Liu Xế Xáng	(XÊ)
19 -	Xể Xê Xang	(XƯ)	Hò Xư Xang	(XÊ)
		(- -)	Tồn	(XÊ)
	Xề Tồn	(LIU)	Lỉu Liu	(- -)
	Líu Oán Xê	(- -)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)

Digitized by www.namkyluctinh.org

10 - Như (khêu) như gợi (đến)
Tấm can (tràng) (- -)
Tơ (vương) lợ ngón (đàn)
Bỡ (- -) ngỡ phím (loan)

11 - Mình (trơ) bóng chiếc (- -)
Đối ngọn đèn (tàn) (- -)
Mơ (tưởng) mơ lối (cũ)
Thêm nhớ (- -) mảnh dung (nhan)

12 - Xa (nhau) cách trở (- -)
Tuy trong tấc (gang) (- -)
(Như) ngàn (trùng)
Diệu vợi cách (- -) núi ải quan (san)

(Khúc 3)

13 - (- -) (- -)
(- -) (Ôi)
Thúy nương (- -) nàng (ôi)
Vì ai (khó) đứng khôn (ngồi)

14 - (- -) (- -)
(- -) (Xưa)
Chốn xưa (-) nơi đạp (thanh)
Ta chỉ (quyết) phải tìm (người)

15 - Đoái (trông) cảnh cũ (- -)
Vắng vẻ đìu (hiu) (- -)
Chỉ (thấy) bông lau (- -)
Nghiêng ngửa (- -) cợt với gió (chiều)

16 - Chạnh (niềm) hoài tưởng (- -)
Thẳng đến Lam (Kiều) (- -)
(Lòng) những thiết (tha)
Rẽ lối tầm (hoa) (- -)

<u>Lớp II</u> :

(Khúc 4)

17 - (- -) (- -)
(- -) (Nghiêm)
Thâm (nghiêm) trông quanh (- -)
Tường đông (- -) vắng bóng giai (nhân)

18 - Hơi (oanh) héo don (- -)
Bên cụm liễu đưa (xuân) (- -)
Bế (phong) kín tường (đông)
Chim (- -) xanh dấu (bặt)

19 - (- -) (- -)
(- -) (Chàng)
Ngẩn (ngơ) toan (- -)
Hỏi khách (- -) chốn nguồn (đào)

Digitized by www.namkyluctinh.org

20 -	Hò Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu Xề Tồn Oan	(LIU)
	Liu Oan	(XỀ)	Tồn Xề Oan	(LỈU)
	Lỉu Xề Tồn	(LIU)	Xế Xáng Xư	(LIU)
(Khúc 5) 21 -	Tồn Liu Xế Xáng	(XỀ)	Liu Xề Tồn Oan	(LIU)
		(- -)	Liu	(OAN) *
	Oan Xề Oan	(LIU)	Lỉu Liu	(- -)
	Liu Lỉu	(- -)	Tồn Lỉu Liu	(OAN)
22 -	Tồn Oan	(LIU)	Liu Lỉu	(- -)
	Liu Xề Lỉu Liu	(OAN)	Liu Xề Lỉu Liu	(OAN)
	Tồn	(LIU)	Liu Lỉu Liu	(LIU)
	Liu Oan Liu	(- -)	Oan Liu Xế Xáng	(XỀ)
23 -	Xể Xê Xang	(XƯ)	Hò Xư Xang	(XỀ)
		(- -)	Tồn	(XỀ)
	Xề Tồn	(LIU)	Lỉu Liu	(- -)
	Liu Oan Xề	(- -)	Xề Xáng Lỉu Liu	(OAN)
24 -	Oan Oan	(LIU)	Liu Oan Xề	(- -)
	Xề Lỉu Liu	(OAN)	Liu Xề Lỉu Liu	(OAN)
	Hò Tồn	(LIU)	Liu Lỉu	(LIU)
	Líu Oán	(XỀ)	Líu Oán Xê Xang	(LỊU)
25 -	Xê Xang Xư	(HÒ)	Líu Xể Xê	(XANG)
		(- -)	Tồn	(HÒ)
	Xể Xê Xang	(XƯ)	Xang Xư	(- -)
	Xang Xê	(- -)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
26 -	Hò Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu Xề Tồn Oan	(LIU)
	Hò Tồn	(XƯ)	Xư Tồn Xang	(XỀ)
	Xê Oán Xê	(- -)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
27 -	Tòn Liu Lỉu Liu Oan	(XỀ)	Liu Oan Xề Tồn Oan	(LIU)
		(- -)	Tồn	(HÒ)
	Xể Xê Xang	(XƯ)	Xang Xư	(- -)
	Xang Xê	(- -)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
28 -	Hò Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu Xề Tồn Oan	(LIU)
	Hò Tồn	(XƯ)	Xư Tồn Xang	(XỀ)
	Xể Xê Tồn	(LIU)	Líu Oán Xể Xê	(XANG)
29 -	Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu Xề Tồn Oan	(LIU)
	Hò Tồn	(XƯ)	Xư Tồn Xang	(XỀ)
	Xể Xê Tồn	(LIU)	Líu Oán Xể Xê	(XANG)

Digitized by www.namkyluctinh.org

20 - Trước (sau) nào thấy (- -)
Dạng ra (vào) (- -)
(Lần) nẻo (quanh)
Cho rõ lối Thiên (Thai) (- -)

(Khúc 5)

21 - (- -) (- -)
(- -) Kim (Sanh)
Nghĩ (suy) tư lương (- -)
Sầu đưa (- -) vẵng giọng đỗ (quyên)

22 - Phía (sau) nhà ai (- -)
Trông thấy mái (hiên) (- -)
Mới lân (la) đến hỏi (qua)
Để rồi (- -) sau toan (liệu)

23 - (- -) (- -)
(- -) Ngôi (nhà)
Nơi (đây) ấy vốn (- -)
Của người (- -) Ngô Việt thương (gia)

24 - Chủ (nhơn) còn dừng (bước)
Nơi phương (xa) (- -)
Thế (nên) mới hỏi (thuê)
Ước (mong) cho đặng (gần)

25 - (- -) (- -)
(- -) Túi (đàn)
Hàn (mặc) đinh ninh (- -)
Cặp sách (- -) kíp đề (huề)

26 - Cùng (nhau) thầy tớ (- -)
Vội sang (về) (- -)
Sẵn (cây) sẵn (đá)
Lịch (- -) xinh tư (bề)

27 - (- -) (- -)
(- -) (Nhìn)
Lên (tường) chắn ngang (- -)
Bỗng thấy mái hiên (- -) Lãm Thúy rõ (ràng)

28 - Còn (nguyên) tươi thắm (- -)
Mấy nét chữ (vàng) (- -)
Phải (chăng) căn duyên (nầy)
Trước thợ (trời) đã định (phân)

29 - Sớm (hôm) ghé mắt (- -)
Quan cố ân (cần) (- -)
(Nhưng) nào trông (thấy)
Hình (- -) bóng cố (nhân)

Digitized by www.namkyluctinh.org

	30 -	Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xang Xể (- -)
		Xể Tồn Xế	(XANG)	Xư Tồn Xể Xê (XANG)
		Xảng Xang Tồn	(XÊ)	Líu Oán Xê Tồn (HÒ)
		Liu Xề Tồn Oan	(LIU)	Xê Xang Xư Xế (XANG)
(Khúc 6)	31 -	Xê Xang Xư	(HÒ)	Tồn Hò Xư (XANG)
			(- -)	Tồn (LIU)
		Liu	(- -)	Lỉu Xế Xáng (LIU)
		Liu Tồn Xang	(XẾ)	Xế Xang Xư (XÀNG)
	32 -	Xàng Xê Líu	(XỀ)	Líu Xể Xê (XANG)
			(- -)	Tồn (LIU)
		Liu	(- -)	Lỉu Xế Xáng (LIU)
		Liu Tồn Xang	(XẾ)	Xế Xang Xư (XÀNG)
	33 -	Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xang Xể (- -)
		Xể Xê Tồn Xang	(XƯ)	Xư Tồn Xể Xê (XANG)
		Xảng Xang Tồn	(XÊ)	Xang Xư (- -)
		Xư Xang Xê	(- -)	Líu Oán Xê Tồn (HÒ)
	34 -	Hò Tồn	(XANG)	Xang Xể (- -)
		Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu Xề Tồn Oan (LIU)
		Liu Oan	(XỀ)	Tồn Xề Oan (LỈU)
		Lỉu Xề Tồn	(LIU)	Xế Xáng Xư (LIU)
Lớp III :	35 -	Lỉu Liu Oan	(XỀ)	Tồn Xề Liu Oan (LIU)
(Khúc7)			(- -)	Tồn (HÒ)
		Xê Xang Xư	(XÀNG)	Xàng Xề (- -)
		Xề Hò	(- -)	Xề Hò Tồn Xế (XANG)
	36 -	Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xang Xể (- -)
		Xể Tồn Xế	(XANG)	Xang Xư Tồn Xế (XANG)
		Tồn	(LIU)	Liu Lỉu (LIU)
		Liu Lỉu	(LIU)	Liu Oán Xế (XÀNG)
	37 -	Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xang Xể (- -)
		Xể Tồn Xế	(XANG)	Xang Xư Tồn Xế (XANG)
		Tồn Xề Oan	(LỈU)	Liu Oan (- -)
		Liu Oan Xề	(- -)	Xề Lỉu Liu (OAN)
	38 -	Oan Oan Tồn	(LIU)	Liu Lỉu (- -)
		Xáng Lỉu Liu	(OAN)	Liu Xề Lỉu Liu (OAN)
		Liu Oan	(XỀ)	Tồn Xề Oan (LỈU)
		Liu Xàng Xề	(LIU)	Xế Xáng Xư (LIU)
	39 -	Tồn Lỉu Liu Oan	(XỀ)	Tồn Xề Liu Oan (LIU)
			(- -)	Liu (OAN)
		Oan Oan	(LIU)	Lỉu Liu (- -)
		Liu Lỉu	(- -)	Tồn Lỉu Liu (OAN)

Digitized by www.namkyluctinh.org

30 - Lần (tay) thấm thoát (- -)
Đã gần hai (trăng) (- -)
(Mối) tơ (sầu)
Vấn (vương) rối rắm khôn (phăng)

(Khúc 6)

31 - (- -) (- -)
(- -) Kim (Sanh)
Luống những (- -) sầu (tư)
Khó (- -) nỗi nhắn (lời)

32 - (- -) (- -)
(- -) Một (hôm)
Cách bức (- -) tường (đông)
Phải (- -) buổi êm (trời)

33 - Cỏ (hoa) tươi thắm (- -)
Rỡ vẻ phong (quang) (- -)
Thoáng (thấy) dạng gót sen (- -)
Tha (thướt) bên cội (đào)

34 - Vội (vàng) cất bước (- -)
Mùi hương vẫn ngạt (ngào) (- -)
(Chàng) ngóng tìm trước (sau)
Bóng đà vắng (tanh) (- -)

<u>Lớp III</u> :

(Khúc 7)

35 - (- -) (- -)
(- -) Nơi (nhành)
Đào (nhìn) rõ ràng (- -)
Kìa (- -) chiếc kim (thoa)

36 - (Sanh) vội vã (- -)
Với tay nắm (giữ) (- -)
Đinh (ninh) nếu vô (duyên)
Dễ (đâu) ta được (cầm)

37 - Báu (vật) khiến những (- -)
Xao xuyến thiết (tha) (- -)
Phảng (phất) hơi hương (- -)
Trầm (- -) thoang thoảng chút dư (hoa)

38 - Hỡi (trâm) nầy xin chứng (- -)
Cho tấc lòng (ta) (- -)
Kiến (vật) tợ tư (nhân)
Thấu chăng Hằng (Nga) (- -)

39 - (- -) (- -)
(- -) Ngẫu (nhiên)
Dễ hay (đâu) khiến xui (- -)
Lắm sự (- -) cũng bởi kim (thoa)

Digitized by www.namkyluctinh.org

40 -	Oan Oan	(LIU)	Liu Lỉu	(- -)
	Liu Xề Lỉu Liu	(OAN)	Liu Xề Lỉu Liu	(OAN)
	Liu Oan	(XỀ)	Tồn Xề Oan	(LỈU)
	Liu Xàng Xề	(LIU)	Xế Xáng Xư	(LIU)
41 -	Tồn Lỉu Liu Oan	(XỀ)	Tồn Xề Liu Oan	(LIU)
		(- -)	Tồn	(LIU)
	Lỉu Liu	(- -)	Liu Xế Xáng	(LIU)
	Liu Xề Tồn Xáng	(XẾ)	Xế Lỉu Liu Oan	(XỀ)
42 -	Tồn Xề Oan	(LIU)	Liu Xề Tồn Xáng	(XẾ)
	Xế Liu Oan	(XỪ)	Xê Liu Xảng	(XÊ)
	Hò Tồn	(LIU)	Lỉu Liu Oán	(XÊ)
	Xê Tồn	(XÊ)	Líu Oán Xê Xang	(LỊU)
43 -	Xư Xê Xang Xư	(HÒ)	Tồn Xể Xê	(Xang)
		(- -)	Xế Xê	(XANG)
	Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Xể Xê Xang Xư	(- -)	Xư Xư Tồn Xang	(XÊ)
44 -	Xề Tồn	(LIU)	Líu Xê Xang	(XỪ)
	Xư Tồn Xang	(XÊ)	Xê Xư Tồn Xang	(XÊ)
	Xề Tồn	(LIU)	Liu Lỉu Liu Oán	(XÊ)
	Xê Tồn Xang	(XÊ)	Líu Oán Xê Xang	(LỊU)
45 -	Xư Xê Xang Xư	(HÒ)	Tồn Xể Xê	(XANG)
		(- -)	Tồn	(XÊ)
	Xề Tồn	(LIU)	Lỉu Liu	(- -)
	Líu Oán Xê	(- -)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
46 -	Hò Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu Xề Tồn Oạn	(LIU)
	Hò Tồn	(XỰ)	Xư Tồn Xang	(XÊ)
	Tồn Xề Oan	(LIU)	Liu Lỉu Xể Xê	(XANG)
(Khúc 8) 47 -	Xảng Xang Tồn	(XÊ)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
	Liu Xề Tồn Oạn	(LIU)	Liu Lỉu Xể Xê	(XANG)
		(- -)		(- -)
		(- -)	Xể Xê	(XANG)
Lớp IV : 48 -	Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Xể Xê Tồn	(XANG)	Xư Tồn Xể Xê	(XANG)
	Xảng Xang Tồn	(XÊ)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
	Liu Xề Tồn Oạn	(LIU)	Liu Xề Tồn Xế	(XẢNG)
49 -	Xảng Xề Tồn	(XANG)	Xể Xê	(XANG)
	Xảng Xang Xang	(XỪ)	Xư Tồn Xang	(XÊ)
	Xê Tồn	(LIU)	Lỉu Liu Oán	(XÊ)
	Xê Xê Tồn	(XÊ)	Líu Oán Xê Xang	(XỪ)

Digitized by www.namkyluctinh.org

40 - Kim (sanh) Thúy nương (- -)
Được buổi lân (la) (- -)
Thề (nguyền) cùng (nhau)
Kết trao tình (duyên) (- -)

41 - (- -) (- -)
(- -) (Giao)
Xuyến khăn (- -) kỷ vật gắn (ghi)
Đổi (lấy) trâm (vàng)

42 - Đồng (tâm) gắn (bó)
Thiếp (chàng) (- -)
(Bỗng) ngoại (ông)
Đến (- -) ngày sanh (nhựt)

43 - (- -) (- -)
(- -) Chủ (tâm)
Sắm (sanh) thu xếp (- -)
Lễ phẩm (- -) nàng đà liệu (toan)

44 - Song (thân) với hai (em)
Cùng nhau thượng (trình) (- -)
(Nơi) gia (trang)
(Kiều) mừng gặp (dịp)

(Khúc 8)

45 - (- -) (- -)
(- -) Chải (chuốt)
Trang (nghiêm) khăn áo (- -)
Để bước (- -) lách nẻo qua (tường)

46 - Dưới (hoa) đã sẵn (- -)
Kim rước tiên (nương) (- -)
(Dìu) đến thơ (trang)
Hội (- -) kiến yến (oanh)

47 - Xứng (đôi) thay (là)
Gái (sắc) trai (thanh)
(- -) (- -)
(- -) Đài (gương)

<u>Lớp IV</u> :

48 - Dịp (may) tận ngắm (- -)
Vẻ đẹp dung (nhan) (- -)
(Đã) phỉ (tình)
Trông (mây) nhớ (gió)

49 - (- -) Nhìn (khen)
Nét vẽ (- -) đề tặng câu (thi)
(Dải) đồng (tâm)
Trăm (năm) nguyền ghi (tạc)

Digitized by www.namkyluctinh.org

50 -	Xư Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu Xề Tồn Oạn	(LIU)
	Hò Tồn	(XƯ)	Xư Tồn Xang	(XÊ)
	Líu Oan	(XÊ)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
51 -	Tồn Liu Lủu Oan	(XỀ)	Tồn Xề Liu Oan	(LIU)
		(- -)	Tồn	(HÒ)
	Xê Xang Xư	(XÀNG)	Xàng Xề	(- -)
	Xề Hò	(- -)	Xề Hò Tồn Xế	(XANG)
52 -	Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Xể Tồn Xế	(XANG)	Xang Xư Tồn Xế	(XANG)
	Tồn	(LIU)	Liu Lủu Liu	(LIU)
	Liu Lủu	(LIU)	Lủu Liu Oan	(XÀNG)
(Khúc 9) 53 -	Xảng Xang Tồn	(XÊ)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
	Liu Xề Tồn Oan	(LIU)	Liu Lủu Xể Xê	(XANG)
		(- -)		(- -)
		(- -)	Xể Xê	(XANG)
54 -	Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Xể Tồn Xế	(XANG)	Xư Tồn Xế Xê	(XANG)
	Xảng Xang Tồn	(XÊ)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
	Liu Xề Tồn Oạn	(LIU)	Liu Xề Tồn Xế	(XẢNG)
55 -	Xảng Xề Tồn	(XANG)	Xế Xê	(XANG)
	Xể Xê Xang	(XƯ)	Xư Xư Tồn Xang	(XÊ)
	Xề Tồn	(LIU)	Lủu Liu Oán	(XÊ)
	Xê Tồn	(XÊ)	Líu Oán Xê Xang	(LỊU)
56 -	Xư Xư Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu Xề Tồn Oạn	(LIU)
	Hò Tồn Xang	(XƯ)	Xư Tồn Xang	(XÊ)
	Líu Oán	(XÊ)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
57 -	Tồn Lủu Liu Oan	(XỀ)	Liu Xề Tồn Oan	(LIU)
		(- -)	Tồn	(HÒ)
	Xê Xang Xư	(XÀNG)	Xàng Xề	(- -)
	Xề Hò	(- -)	Xề Hò Tồn Xế	(XANG)
58 -	Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Xể Tồn Xế	(XANG)	Xang Xư Tồn Xế	(XANG)
	Tồn	(LIU)	Liu Lủu	(LIU)
	Liu Lủu	(LIU)	Liu Xể Xế	(XÀNG) *

* *Đầu câu 1, 5, 17, 21 giới tài tử hiện nay thường đờn vô chữ OAN thay vì chữ LIU, và cuối câu 58 thường dứt chữ XỪ luyến XANG.*

Digitized by www.namkyluctinh.org

50 - Dầu (cho) biển cạn (- -)
Non (mòn) (- -)
Dưới (bóng) trăng (thanh)
Dặn (ngọc) thề (vàng)

51 - (- -) (- -)
(- -) Cầm (đài)
(Vì) nặng (- -)
Lòng (- -) với lương (nhân)

52 - Bốn (dây) ai oán (- -)
Thảnh thót nỉ (non) (- -)
(Khiến) chàng Kim (Sanh)
Luống (- -) những ngơ ngẩn (sầu)

(Khúc 9)

53 - Tâm (tư) bàng (hoàng)
Nghĩ (cảnh) bể (dâu)
(- -) (- -)
(- -) Gương (hoa)

54 - Tố (nga) càng ngắm (- -)
Lại càng (xinh) (- -)
Bày (tỏ) thức (hồng)
Như (xiêu) sóng (sắc)

55 - (- -) Thúy (nương)
Luận lý (- -) kịp đón (ngăn)
Có (tiếng) gia (nhân)
Nơi cửa (ngoài) vọng (lại)

56 - Buồng (thêu) Kiều vội (- -)
Trở về (liền) (- -)
(Kim) được (tin)
Thúc (phụ) từ (đường)

57 - (- -) (- -)
(- -) Ngàn (trùng)
Xuân (đường) dạy (- -)
Chàng kíp (- -) về hộ (tang)

58 - Chi (xiết) kể (- -)
Nỗi kinh (hoàng) (- -)
Chia (rẽ) mối tơ (duyên)
Khiến uyên (ương) tan nát (lòng)

Digitized by www.namkyluctinh.org

5 - PHỤNG CẦU HOÀNG DUYÊN

(40 câu, nhịp 8)

Lớp I :	1 -		(- -)	(- -)
			(- -)	Xể Xê (XANG)
		Xang Xế	(XẢNG)	Xang (- -)
		Xang Xê	(- -)	Xể Xê Xang (XƯ)
	2 -	Xư Tồn	(XANG)	Xang Xể (- -)
		Xể Xê Xang	(XƯ)	Xư Tồn Xể Xê (XANG)
		Xảng Tồn	(XANG)	Xảng Xang Tồn (XÊ)
		Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu Xàng Xề (LIU)
	3 -		(- -)	(- -)
			(- -)	Tồn (HÒ)
		Xế Xang Xư	(XÀNG)	Xàng Xề (- -)
		Xề Hò	(- -)	Hò Tồn Xề (XANG)
	4 -	Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xang Xể (- -)
		Xể Tồn Xế	(XANG)	Xư Tồn Xể Xê (XANG)
		Xảng Tồn	(XANG)	Xảng Xang Tồn (XÊ)
		Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu Xàng Xề (LIU)
	5 -		(- -)	(- -)
			(- -)	Liu (OAN)
		Oan Oan	(LIU)	Lỉu Liu (- -)
		Liu Xề	(- -)	Tồn Lỉu Liu (OAN)
	6 -	Xề Oan	(LIU)	Liu Lỉu (- -)
		Xề Lỉu Liu	(OAN)	Liu Xề Lỉu Liu (OAN)
		Liu Oan	(XỀ)	Tồn Xề Oạn (LỈU)
		Lỉu Xề Tồn	(LIU)	Xê Xang Xư (LIU)
	7 -		(- -)	(- -)
			(- -)	Tồn (LIU)
		Liu	(- -)	Liu Xế Xáng (LIU)
		Liu Xề Tồn Xáng	(XẾ)	Xế Lỉu Liu Oan (XỀ)
	8 -	Xề Tồn	(LIU)	Liu Xề Tồn Xáng (XẾ)
		Xế Lỉu Liu Oan	(XỪ)	Xể Liu Xang (XÊ)
		Xề Tồn	(LIU)	Liu Lỉu Liu Oán (XÊ)
		Xể Xê Tồn	(XÊ)	Líu Oán Xê Xang (LỊU)
	9 -		(- -)	(- -)
			(- -)	Tồn (XÊ)
		Xề Tồn	(LIU)	Liu (- -)
		Líu Xể Xê	(- -)	Líu Oan Xê Xang (XƯ)

Digitized by www.namkyluctinh.org

PHỤNG CẦU HOÀNG DUYÊN
Bá Nha Đoạn Cầm

Soạn lời : Nhị Tấn2002

Lớp I :

1 - (- -) (- -)
(- -) Trung (thu)
Thuyền đến Hán (Dương) núi Mã Yên (- -)
Bóng ô (- -) đã ngậm non (đoài)

2 - Nóng (gặp) cố nhân (- -)
Lòng những ai (hoài) (- -)
(Ước) hẹn năm (qua)
Chẳng thấy bóng (người) (- -)

3 - (- -) (- -)
(- -) Hay (là)
Ta dạo (đàn) thì (- -)
Mới gặp (- -) được gặp bạn tri (âm)

4 - Đem (hết) nhớ nhung (- -)
Ở trong (tâm) (- -)
(Dạo) khúc đàn (xưa)
Mong gặp bạn (hiền) (- -)

5 - (- -) (- -)
(- -) Lạ (thay)
(Sao) trong (- -)
Tiếng đàn (- -) phát giọng bi (ai)

6 - Hay tri (âm) đã (- -)
Gặp nạn (tai) (- -)
Mau lên (bờ) tìm hiểu rõ)
Lỗi vì (ai) (- -)

7 - (- -) (- -)
(- -) Bá (Nha)
Ngồi trên (- -) tảng đá (xanh)
Mong ai (đó) hỏi thăm (nhà)

8 - Chặp (sau) bỗng (thấy)
Một cụ (già) (- -)
(Tay) xách nả (tre)
Xâm xâm (- -) từ xa đi (lại)

9 - (- -) (- -)
(- -) (Ông)
(Đứng) lên (- -)
Thi lễ (- -) bước ra (chào)

Digitized by www.namkyluctinh.org

10 -	Xư Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Xể Xê Xang	(XƯ)	Xư Tồn Xế	(XANG)
	Xảng Tồn	(XANG)	Xảng Xang Tồn	(XÊ)
	Xê Líu Xê	(- -)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
11 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Tồn	(HÒ)
	Xế Xang Xư	(XÀNG)	Xàng Xề	(- -)
	Xề Hò	(- -)	Hò Tồn Xề	(XANG)
12 -	Xư Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Xể Tồn Xê	(XANG)	Xư Tồn Xế Xê	(XANG)
	Xề Tồn	(LIU)	Liu Lỉu	(LIU)
	Lỉu Liu	(LIU)	Lỉu Liu Oan	(XÀNG)
13 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Tồn	(HÒ)
	Xế Xang Xư	(XÀNG)	Xàng Xề	(- -)
	Xề Hò	(- -)	Hò Tồn Xề	(XANG)
14 -	Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Xể Tồn Xế	(XANG)	Xư Tồn Xể Xê	(XANG)
	Xảng Xang Tồn	(XÊ)	Hò Xê Xê Xế	(XẢNG)
	Xảng Xể	(- -)	Líu Oán Xể Xê	(XANG)
15 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Tồn	(XÊ)
	Xề Tồn	(LIU)	Liu	(- -)
	Líu Xể Xê	(- -)	Líu Oan Xê Xang	(XƯ)
16 -	Xư Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Xể Xê Xang	(XƯ)	Xư Tồn Xế	(XANG)
	Xảng Tồn	(XANG)	Xảng Xang Tồn	(XÊ)
	Xê Líu Xê	(- -)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
17 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Tồn	(HÒ)
	Xế Xang Xư	(XÀNG)	Xàng Xề	(- -)
	Xề Hò	(- -)	Hò Tồn Xề	(XANG)
18 -	Xư Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Xể Tồn Xê	(XANG)	Xư Tồn Xế Xê	(XANG)
	Xề Tồn	(LIU)	Liu Lỉu	(LIU)
	Lỉu Liu	(LIU)	Lỉu Liu Oan	(XÀNG)
Lớp II : 19 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Xể Xê	(XANG)
	Xang Xế	(XẢNG)	Xang	(- -)
	Xang Xê	(- -)	Xể Xê Xang	(XƯ)

Digitized by www.namkyluctinh.org

10 - Tập Hiền (Thôn) nay ta phải (- -)
Đi con đường (nào) (- -)
(Đặng) cho (tôi)
Đến viếng (- -) bạn Chung Tử (Kỳ)

11 - (- -) (- -)
(- -) Ông (già)
Nghe hỏi con (mình) Tử Kỳ (- -)
Mặt sa sầm (- -) nước mắt như (mưa)

12 - Chẳng (hay) tiên sinh (- -)
Phải người năm (xưa) (- -)
Vì (chỗ) đồng thanh tương (ứng)
Cùng con (tôi) kết nghĩa kim (bằng)

13 - (- -) (- -)
(- -) Năm (rồi)
Tháng (ngày) nầy (- -)
Hai người (- -) có hẹn gặp (nhau)

14 - (Giữ) tròn câu (- -)
Huynh đệ kết (giao) (- -)
(Lão) ra (đây)
Báo tử (- -) Chung Tử Kỳ con (tôi)

15 - (- -) (- -)
(- -) Vừa (nghe)
Hung (tin) Bá Nha (- -)
Suối lệ dầm chan (- -) không thốt nên (lời)

16 - Biết Bá (Nha) lão thốt (- -)
Hai tiếng ôi (trời) (- -)
Nghẹn (ngào) nhìn (nhau)
Cảm thông (- -) nước mắt dầm (dề)

17 - (- -) (- -)
(- -) Tử (Kỳ)
Đã dặn (rằng) sống không (- -)
Vẹn đường (- -) hiếu dưỡng thung (huyên)

18 - Khi (chết) chưa trọn (- -)
Nghĩa anh (em) (- -)
Xin (chôn) cửa núi Mã (Yên)
Để (- -) thực hiện lời (nguyền)

<u>Lớp II</u> :

19 - (- -) (- -)
(- -) Cỏ (xanh)
(Chưa) phủ che (- -)
Kín (- -) nấm đất mộ (phần)

Digitized by www.namkyluctinh.org

20 -	Xư Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Xể Xê Xang	(XƯ)	Xư Tồn Xể Xê	(XANG)
	Xảng Tồn	(XANG)	Xảng Xang Tồn	(XÊ)
	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu Xàng Xề	(LIU)
21 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Tồn	(HÒ)
	Xế Xang Xư	(XÀNG)	Xàng Xề	(- -)
	Xề Hò	(- -)	Hò Tồn Xề	(XANG)
22 -	Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Xể Tồn Xế	(XANG)	Xư Tồn Xể Xê	(XANG)
	Xảng Tồn	(XANG)	Xảng Xang Tồn	(XÊ)
	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu Xàng Xề	(LIU)
23 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Tồn	(LIU)
	Liu	(- -)	Liu Xế Xáng	(LIU)
	Liu Xề Tồn Xáng	(XẾ)	Xế Lủu Liu Oan	(XỀ)
24 -	Xề Tồn	(LIU)	Liu Xề Tồn Xáng	(XẾ)
	Xế Lủu Liu Oan	(XỪ)	Xể Liu Xang	(XÊ)
	Xề Tồn	(LIU)	Liu Lủu Liu Oán	(XÊ)
	Xể Xê Tồn	(XÊ)	Líu Oán Xê Xang	(LỊU)
25 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Tồn	(XÊ)
	Xề Tồn	(LIU)	Lủu Liu	(- -)
	Líu Xê	(- -)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
26 -	Hò Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu Xề Tồn Oan	(LIU)
	Hò Tồn	(XƯ)	Xư Tồn Xang	(XÊ)
	Xề Tồn	(LIU)	Liu Lủu Oán Xê	(XANG)
Lớp III :27 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Xể Xê	(XANG)
	Xang Xế	(XẢNG)	Xang	(- -)
	Xang Xê	(- -)	Xể Xê Xang	(XƯ)
28 -	Xư Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Xể Xê Xang	(XƯ)	Xư Tồn Xể Xê	(XANG)
	Xảng Tồn	(XANG)	Xảng Xang Tồn	(XÊ)
	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu Xàng Xề	(LIU)
29 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Liu	(OAN)
	Oan Oan	(LIU)	Lủu Liu	(- -)
	Liu Xề	(- -)	Tồn Lủu Liu	(OAN)

Digitized by www.namkyluctinh.org

20 - Trào (dâng) mối (- -)
Thê lương vô (ngần) (- -)
Hiền đệ (em) thác (thiêng)
Chứng giám một lạy (nầy) (- -)

21 - (- -) (- -)
(- -) Phục bên (mồ)
Một (hồi) rồi (- -)
Gọi tiểu đồng (- -) lấy cây đờn (diêu)

22 - U (minh) rờn rợn (- -)
Bi đát tiếng chim (kêu) (- -)
(Như) hòa khúc bi (thương)
Thiên thu hận (trường) (- -)

23 - (- -) (- -)
(- -) (Khúc)
Đoản ca (- -) cháu viếng tri (âm)
Tài hoa mạng (yểu) xin đọc thành (lời)

24 - Năm (qua) chiều thu (nhớ)
Đến một (người) (- -)
Trên (sông) trong chiếc thuyền (côi)
Đã gặp (- -) cố nhân người (bạn)

25 - (- -) (- -)
(- -) Năm (nay)
Trở lại (đây) tri âm (- -)
Đâu vắng (- -) trăng trôi lạnh (lùng)

26 - Nấm (mồ) núi hoang (- -)
Chia cách đau (lòng) (- -)
(Ô) láng (lai)
Thương tâm (- -) bao dòng lệ (rơi)

<u>Lớp III</u> :

27 - (- -) (- -)
(- -) (Mây)
(Sầu) giăng (- -)
Lớp lớp (- -) tận chân (trời)

28 - Đến (vui) đi (- -)
Đau khổ một (đời) (- -)
Tử (Kỳ) em đi (đâu)
Hỡi Tử (Kỳ) (- -)

29 - (- -) (- -)
(- -) Vàng (thoi)
(Cao) sâu (- -)
Nghĩa nầy (- -) không thể đem (so)

Digitized by www.namkyluctinh.org

30 -	Xề Oan	(LIU)	Liu Lỉu	(- -)
	Xề Lỉu Liu	(OAN)	Liu Xề Lỉu Liu	(OAN)
	Liu Oan	(XỀ)	Tồn Xề Oạn	(LỈU)
	Lỉu Xề Tồn	(LIU)	Xê Xang Xư	(LIU)
31 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Tồn	(LIU)
	Liu	(- -)	Liu Xế Xáng	(LIU)
	Liu Xề Tồn Xáng	(XẾ)	Xế Lỉu Liu Oan	(XỀ)
32 -	Xề Tồn	(LIU)	Liu Xề Tồn Xáng	(XẾ)
	Xế Lỉu Liu Oan	(XỪ)	Xể Liu Xang	(XÊ)
	Xề Tồn	(LIU)	Liu Lỉu Liu Oán	(XÊ)
	Xể Xê Tồn	(XÊ)	Líu Oán Xê Xang	(LỊU)
33 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Tồn	(XÊ)
	Xề Tồn	(LIU)	Lỉu Liu	(- -)
	Líu Xê	(- -)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
34 -	Hò Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu Xề Tồn Oan	(LIU)
	Hò Tồn	(XƯ)	Xư Tồn Xang	(XÊ)
	Xê Líu Xê	(- -)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
35 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Tồn	(HÒ)
	Xế Xang Xư	(XÀNG)	Xàng Xề	(- -)
	Xề Hò	(- -)	Hò Tồn Xề	(XANG)
36 -	Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Xể Xê Xang	(XƯ)	Xư Tồn Xế	(XANG)
	Xảng Xang Tồn	(XÊ)	Hò, Xê Xế	(XẢNG)
	Xê Xảng Xê	(- -)	Líu Oán Xể Xê	(XANG)
37 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Tồn	(XÊ)
	Xề Tồn	(LIU)	Liu	(- -)
	Líu Xể Xê	(- -)	Líu Oan Xê Xang	(XƯ)
38 -	Xư Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Xể Xê Xang	(XƯ)	Xư Tồn Xế	(XANG)
	Xảng Tồn	(XANG)	Xảng Xang Tồn	(XÊ)
	Xê Líu Xê	(- -)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
39 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Tồn	(HÒ)
	Xế Xang Xư	(XÀNG)	Xàng Xề	(- -)
	Xề Hò	(- -)	Hò Tồn Xề	(XANG)

Digitized by www.namkyluctinh.org

30 - Đàn (ôi) xin (- -)
Dứt tiếng (tơ) (- -)
(Ngàn) thu xin (gở)
Theo cùng cố (nhân) (- -)

31 - (- -) (- -)
(- -) (Đọc)
Xong (- -) bài đoản (ca)
Bá Nha (cúi) vái cây (đàn)

32 - Rồi giơ (cao) đập xuống (đá)
Vỡ bể tan (tành) (- -)
(Văng) bắn tứ (tung)
Còn đâu (- -) phím ngà trục (ngọc)

33 - (- -) (- -)
(- -) Chung (công)
Không (kịp) cản ngăn (- -)
Hoảng kinh (- -) hỏi ngài giận (gì)

34 - Hủy (đi) đờn Diêu (- -)
Tối cổ như (vầy) (- -)
(Sao) không tiếc (thương)
Một vật (- -) hiếm có trên (đời)

35 - (- -) (- -)
(- -) Để đáp (lời)
(Cùng) ông già (- -)
Bá Nha (- -) đọc bốn câu (thơ)

36 - Diêu (Cầm) đập nát (- -)
Lòng phượng (đau) (- -)
Tử (Kỳ) đã (vắng)
Thì tiếng (- -) tơ đồng dứt (câu)

37 - (- -) (- -)
(- -) (Gió)
(Xuân) thổi (- -)
Khắp mặt (- -) bao bạn (bè)

38 - Muốn (kiếm) tri âm (- -)
Thật khó vô (bề) (- -)
(Đập) bỏ đàn (đi)
Vì (- -) Tử Kỳ không (về)

39 - (- -) (- -)
(- -) Tích Đoạn (Cầm)
Rất nhiều (người) thuộc lòng (- -)
Ít ai nghĩ (- -) là việc gởi (trao)

Digitized by www.namkyluctinh.org

40 -	Xư Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Tồn Xể Xang	(XƯ)	Xư Tồn Xế Xê	(XANG)
	Xề Tồn	(LIU)	Liu Lỉu	(LIU)
	Lỉu Liu	(LIU)	Lỉu Liu Oan	(XÀNG)

6 - NGUƠN TIÊU HỘI OÁN

(32 câu, nhịp 8)

Lớp I :	1 -		(- -)	(- -)
			(- -)	Tồn (LIU)
		Liu Lỉu	(- -)	Liu Xề Lỉu Liu (OAN)
		Oan Xề	(- -)	Xề Lỉu Liu (OAN)
	2 -	Oan Oan Tồn	(LIU)	Liu Xề (- -)
		Xề Lỉu Liu	(OAN)	Oạn Lỉu Liu (OAN)
		Oan Liu	(XỀ)	Tồn Xề Oạn (LỈU)
		Liu Xề Tồn	(LIU)	(- -)
	3 -		(- -)	(- -)
			(- -)	Tồn (LIU)
		Liu Oạn Liu	(- -)	Liu Lỉu (LIU)
		Liu Tồn Xáng	(XẾ)	Xế Lỉu Liu Oan (XÀNG)
	4 -	Tồn	(LIU)	Liu Tồn Xáng (XẾ)
		Xế Lỉu Liu Oan	(XỪ)	Xể Liu Xang (XÊ)
		Xề Tồn	(LIU)	Lỉu Liu Oán (XÊ)
		Xê Tồn	(XÊ)	Líu Oán Xê Xang (LỊU)
	5 -		(- -)	(- -)
			(- -)	Tồn (XÊ)
		Xề Oan	(LIU)	Lỉu Liu (- -)
		Oán Xê	(- -)	Líu Oán Xê Tồn (HÒ)
	6 -	Hò Tồn	(XANG)	Xang Xể (- -)
		Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu Xề Tồn Oan (LIU)
		Liu	(XỀ)	Tồn Xề Oan (LỈU)
		Lỉu Liu Oan	(LIU)	(- -)
	7 -		(- -)	(- -)
			(- -)	Tồn (HÒ)
		Xế Xang Xư	(XÀNG)	Xàng Xề (- -)
		Xề Liu	(- -)	Liu Tồn Xể Xê (XANG)
	8 -	Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xang Xê (- -)
		Xể Xảng Tồn	(XANG)	Xế Xang Xư Xế (XANG)
		Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xang Tồn Xang (XÊ)
		Xê Líu Xê	(- -)	Líu Oán Xê Tồn (HÒ)

Digitized by www.namkyluctinh.org

40 - Vật (mà) người chết (- -)
Thích thú hôm (nao) (- -)
Quí (trọng) bạn tri (âm)
Gởi qua âm (giới) mới phỉ (lòng).

NGUƠN TIÊU HỘI OÁN
Đoạn trường Tân Thanh

Soạn lời : Trần Ngọc Thạch

<u>Lớp I</u> :

1 - (- -) (- -)
(- -) (Mang)
Nặng (- -) mối tình với Kim (Lang)
Vương Thúy Kiều (- -) lỡ bước sang (ngang)

2 - Từ (đây) thôi đành (- -)
Keo rã hồ (tan) (- -)
Nặng (hoằng) chữ (hiếu)
Nhẹ tình yêu (đương) (- -)

3 - (- -) (- -)
(- -) Yêu (đương)
Lời (- -) nặng lửa (hương)
Sầu vương mấy (kiếp) đâu thuở tương (phùng)

4 - (Nay) gia (biến)
Lâm cảnh nguy (cùng) (- -)
Bán (thân) để cứu (cha)
Mối duyên (- -) đành cam lỗi (hẹn)

5 - (- -) (- -)
(- -) Lời hẹn (xưa)
(Vẫn) thiết tha (- -)
Nào phải (- -) là trăng (hoa)

6 - Mà (nay) lâm cảnh (- -)
Vạn lý xa (nhà) (- -)
Hương (thề) còn (đó)
Nặng lòng kẻ ra (đi) (- -)

7 - (- -) (- -)
(- -) Một (lời)
Đá (vàng) ghi tạc (- -)
Ngậm ngùi (- -) trong buổi phân (ly)

8 - Bước (đi) mỗi bước (- -)
Sầu thương bi (lụy) (- -)
Tấm (thân) liễu yếu đào (thơ)
Dầu dãi (- -) xứ lạ quê (người)

Digitized by www.namkyluctinh.org

Lớp II :	9 -		(- -)	(- -)
			(- -)	Tồn (LIU)
		Liu Lỉu	(- -)	Liu Xề Lỉu Liu (OAN)
		Oan Xề	(- -)	Xề Lỉu Liu (OAN)
	10 -	Oan Oan Tồn	(LIU)	Liu Xề (- -)
		Xề Lỉu Liu	(OAN)	Oạn Lỉu Liu (OAN)
		Oan Liu	(XỀ)	Tồn Xề Oạn (LỈU)
		Liu Xề Tồn	(LIU)	(- -)
	11 -		(- -)	(- -)
			(- -)	Tồn (LIU)
		Liu Lỉu	(LIU)	Liu Lỉu (- -)
		Liu Oan Xề	(- -)	Xề Xáng Lỉu Liu (OAN)
	12 -	Oan Oan	(LIU)	Liu Xề (- -)
		Xề Lỉu Liu	(OAN)	Liu Xề Lỉu Liu (OAN)
		Tồn	(LIU)	Liu Lỉu (LIU)
		Líu Xê	(- -)	Líu Oán Xê Xang (LỊU)
	13 -		(- -)	(- -)
			(- -)	Xế Xê (XANG)
		Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xảng Xang (- -)
		Xang Xê	(- -)	Xề Lỉu Liu Oan (XÀNG)
	14 -	Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xang Xể (- -)
		Xể Xê Xang	(XƯ)	Xư Tồn Xế (XANG)
		Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xang Tồn Xang (XÊ)
		Xê Líu Xê	(- -)	Líu Oán Xê Tồn (HÒ)
	15 -		(- -)	(- -)
			(- -)	Tồn (LIU)
		Liu Oan Liu	(- -)	Liu Xế Xáng (LIU)
		Liu Tồn Xang	(XẾ)	Xế Lỉu Liu Oan (XÀNG)
	16 -	Tồn	(XANG)	Xang Xể (- -)
		Xể Xê Xang	(XƯ)	Xư Tồn Xế (XANG)
		Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xang Tồn Xang (XÊ)
		Xê Líu Xê	(- -)	Líu Oán Xe Tồn (HÒ)
Lớp III :	17 -		(- -)	(- -)
			(- -)	Tồn (LIU)
		Liu Lỉu	(- -)	Liu Xề Lỉu Liu (OAN)
		Oan Xề	(- -)	Liu Xề Lỉu Liu (OAN)
	18 -	Liu	(XỀ)	Xề Lỉu Liu (OAN)
		Liu Oan	(- -)	Liu Xệ Xệ Liu (XÀNG)
		Liu Oan	(XỀ)	Xề Oan Liu (LỈU)
		Liu Xề Tồn	(LIU)	(- -)

Digitized by www.namkyluctinh.org

Lớp II :

9 - (- -) (- -)
(- -) (Thân)
Phận (- -) như cánh hoa (trôi)
Quê nhà (- -) mịt mờ chốn xa (xôi)

10 - Đầu (xanh) ngỡ ngàng (- -)
Lâm cảnh chia (phôi) (- -)
Đoái (nhìn) quê (cũ)
Dặm ngàn lệ (rơi) (- -)

11 - (- -) (- -)
(- -) Lâm (Truy)
Cành (hoa) tan tác (- -)
Dập vùi (- -) giữa chốn lầu (xanh)

12 - Kiều (nhi) trót lầm (- -)
Sầu thảm năm (canh) (- -)
Hồng (nhan) bạc (phận)
Đành (cam) khóc (hận)

13 - (- -) (- -)
(- -) Thúc (Sinh)
Ra (tay) cứu vớt (- -)
Đời hoa (- -) thoát cảnh phong (trần)

14 - Nào (hay) duyên kiếp (- -)
Nhiều phen lận (đận) (- -)
Hoạn (Thư) nổi cơn (ghen)
Đày đọa (- -) khách hồng (quần)

15 - (- -) (- -)
(- -) Cà (sa)
(- -) Đổi lấy thanh (y)
Đèn nhang sớm (tối) an phận nâu (sòng)

16 - Bỗng (nghe) Hoạn Thư (- -)
Tìm phương mưu (hại) (- -)
Canh (khuya) nàng vượt tường (hoa)
Lần bước (- -) theo bóng trăng (tà)

Lớp III :

17 - (- -) (- -)
(- -) (Chiêu)
Ẩn am (- -) lánh nợ trần (ai)
Nỗi sầu (- -) theo khói hương (bay)

18 - Ai (ngờ) oan khổ đắng (cay)
Vẫn theo (- -) xui gặp Bạc (Bà)
Cùng (chàng) Bạc (Hạnh)
Đưa nàng về lầu (xanh) (- -)

Digitized by www.namkyluctinh.org

19 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Tồn	(HÒ)
	Xể Xê Xang	(XƯ)	Xư Tồn Xang	(XÊ)
	Xê Líu Xê	(- -)	Lỉu Líu Xể Xê	(XANG)
20 -	Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu xề Tồn Oan	(LIU)
	Hò Tồn	(XƯ)	Xư Tồn Xang	(XÊ)
	Xê Líu Xê	(- -)	Lỉu Líu Xể Xê	(XANG)
21 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Xế Xê	(XANG)
	Xảng Xang	(- -)	Liu Lỉu Liu Oan	(XÀNG)
	Xàng Liu Xề	(- -)	Xế Xáng Lỉu Liu	(OAN)
22 -	Oan Oan	(LIU)	Liu Xề	(- -)
	Liu Xề Lỉu Liu	(OAN)	Oan Xáng Lỉu Liu	(OAN)
	Oan Oan	(LIU)	Liu Lỉu Liu Oan	(XỀ)
	Xề Liu Xề	(- -)	Xề Xáng Lỉu Liu	(OAN)
23 -	Oan Oan	(LIU)	Liu Xề	(- -)
	Xề Xáng Lỉu Liu	(OAN)	Liu Lỉu Liu	(OAN)
	Oan Oan	(LIU)	Liu Lỉu	(LIU)
	Hò Liu Tồn Xang	(XẾ)	Xể Lỉu Liu Xư	(LỊU)
24 -	Xư Xư Tồn	(XANG)	Xể Xê Xang Xư	(- -)
	Xư Tồn Xang	(XÊ)	Xê Xảng Xể	(XÊ)
	Xề Tồn	(LIU)	Liu Lỉu Liu Oán	(XÊ)
	Xê Líu Xê	(- -)	Xê Tồn Xang	(LỊU)
Lớp IV : 25 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Xể Xê	(XANG)
	Xảng Xang Tồn	(XÊ)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
	Liu Oan Xề	(- -)	Xề Xáng Lỉu Liu	(OAN)
26 -	Oạn Oạn	(LIU	Liu Xề	(- -)
	Xề Xáng Lỉu Liu	(OAN)	Oạn Lỉu Liu	(OAN)
	Oạn Oạn Tồn	(LIU)	Liu Lỉu	(LIU)
	Oán Xê	(- -)	Líu Oán Xê Xang	(LỊU)
27 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Tồn	(XÊ)
	Xề Oan	(LIU)	Lỉu Liu	(- -)
	Oán Xê	(- -)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
28 -	Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu xề Tồn Oan	(LIU)
	Hò Tồn	(XƯ)	Xư Xư Tồn Xang	(XÊ)
	Xê Xể Xê	(- -)	Lỉu Xể Xê	(XANG)

Digitized by www.namkyluctinh.org

19 - (- -) (- -)
(- -) Phận (hèn)
May (gặp) đấng hùng (anh)
Từ Hải (- -) rạng uy (danh)

20 - Nhưng (nàng) khuyên nhủ (- -)
Qui phục triều (đình) (- -)
Lầm kế (gian) Từ (công)
Bị Hồ Tôn (Hiến) xạ tiễn mạng (vong)

21 - (- -) (- -)
(- -) Mảnh (trăng)
Suông (- -) đã gác non (đoài)
Đêm tàn (- -) mỏi cánh chim (bay)

22 - Kiều (nhi) khóc thầm (- -)
Nỗi sầu có ai (hay) (- -)
Từ (khi) xa gia (đình)
Người góc (biển) kẻ chơn (mây)

23 - Đến (nay) thoắt đà (- -)
Mười mấy năm (qua) (- -)
Một (thân) dày dạn gió (sương)
Cùng nỗi (- -) đắng cay cơ (cực)

24 - Đầy (thân) tủi nhục (- -)
Có sống cũng (dư) (- -)
Đành (mượn) dòng (nước)
Trường giang (- -) hầu rửa (sạch)

<u>Lớp IV</u> :

25 - (- -) (- -)
(- -) Giác (Duyên)
Mấy (năm) đợi cứu (nàng)
Đưa về (- -) ẩn chốn am (mây)

26 - Muối (dưa) nâu sòng (- -)
Kinh kệ nguôi (ngoai) (- -)
Nạn (xưa) trút (sạch)
Duyên (xưa) chẳng (hẹn)

27 - (- -) (- -)
(- -) Chàng (Kim)
Tình (sâu) nghĩa nặng (- -)
Cũng (- -) một dạ chân (tình)

28 - Duyên (em) nàng gởi (- -)
Trong buổi bán (mình) (- -)
Lắm (phen) tìm vết chân (chim)
Nhưng cũng (- -) hoài (công)

Digitized by www.namkyluctinh.org

29 -		(- -)	Xể Xê	(XANG)
	Xảng Xang Xang	(XƯ)	Xư Xư Tồn Xang	(XÊ)
	Xề Tồn	(LIU)	Lủu Liu Oán	(XÊ)
	Xê Tồn Xê	(- -)	Líu Oán Xê Xang	(LỊU)
30 -	Xư Xư Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu Xề Tồn Oan	(LIU)
	Hò Tồn	(XƯ)	Xư Xư Tồn Xang	(XÊ)
	Xê Líu Xê	(- -)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
31 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Tồn	(LIU)
	Liu Lủu	(- -)	Liu Xề Lủu Liu	(OAN)
	Oan Xề	(- -)	Liu Xề Lủu Liu	(OAN)
32 -	Liu	(XỀ)	Xề Lủu Liu	(OAN)
	Liu Oan	(- -)	Liu Xệ Xệ Liu	(XÀNG)
	Liu Oan	(XỀ)	Xề Oan Liu	(LỈU)
	Liu Xề Tồn	(LIU)	Xế Xáng Xứ	(LIU)

7 - VÕ VĂN HỘI OÁN

(32 câu, nhịp 8)

Lớp I :	1 -		(- -)	(- -)
			(- -)	Xế Xê (XANG)
		Xảng Xang	(- -)	Xảng Xang Xư (XÀNG)
		Xàng Xề	(- -)	Xáng Lủu Liu (OAN)
	2 -	Oan Oan	(LIU)	Lủu Liu (- -)
		Liu Xề	(- -)	Xề Xáng Lủu Liu (OAN)
		Oan Oan	(LIU)	Liu Lủu (- -)
		Xề Xáng Lủu Liu	(OAN)	Oan Lủu Liu (OAN)
	3 -	Oan Oan	(LIU)	Liu Lủu Liu (OAN)
		Liu Oan	(- -)	Tồn Xế Xáng Xư (XÀNG)
		Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xang Xể (- -)
		Xế Xê	(- -)	Líu Oán Xê Tồn (HÒ)
	4 -	Xể Xê Xang	(XƯ)	Tồn Xang Xê (- -)
		Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu Xề Tồn Oan (LIU)
		Xảng Tồn	(XÊ)	Xảng Xang Xư (XÊ)
		Xề Liu Oan	(XÀNG)	Liu Xể Xê (XÀNG)
	5 -	Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xang Xể (- -)
		Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu Xề Tồn Oan (LIU)
		Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xang Xư (- -)
		Xư Tồn Xê	(- -)	Líu Oán Xể Xê (XANG)

Digitized by www.namkyluctinh.org

29 - (- -) Đến (khi)
Trấn (nhậm) miền Lâm (Tri)
Chàng (Kim) hiểu rõ khúc (nôi)
Lập đàn giải (oan) cho người mệnh (bạc)
30 - Duyên (may) xui kiến (- -)
Giác Duyên giải (bày) (- -)
Tình (xưa) mười lăm (năm)
Xa cách (- -) nay được trùng (phùng)
31 - (- -) (- -)
(- -) (Duyên)
Nợ (- -) khéo đa (đoan)
Nay vẹn toàn (- -) vui cảnh trùng (hoan)
32 - Nửa (đời) duyên kiếp dỡ (dang)
Vẫn mang (- -) một tấm chân (tình)
Tơ (sầu) cùng ngâm (khúc)
Đoạn trường tân (thanh) (- -)

VÕ VĂN HỘI OÁN
Khí tiết Thủ khoa Huân

Soạn lời : Nhị Tấn

<u>Lớp I</u> :

1 - (- -) (- -)
(- -) Câu (thơ)
Cố quốc (- -) chẳng nên (lời)
Cương thường (- -) bởi biết nên nặng (mang)
2 - Công (danh) (- -)
Đâu màng (- -) một chức (quan)
Mấy (hồi) ra tay (- -)
Thử đạn (tên) (- -)
3 - Nghĩa (binh) Thiên (Hộ)
Gặp thế giặc (- -) lần lượt rã (rời)
Hể (đứng) làm trai (- -)
Thì phải (- -) chác nợ (đời)
4 - Lòng (son) kẻ sĩ (- -)
Chẳng đổi (đời) (- -)
(Thủ) Khoa (Huân)
Tiếp tục diệt (thù) (- -)
5 - Cho (hay) muôn việc (- -)
Ở số (trời) (- -)
Côn (Nôn) ngàn dặm (- -)
Đành (- -) dạo gót (chơi)

Digitized by www.namkyluctinh.org

	6 -	Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xang Xể (- -)
		Xể Xê Xang	(XƯ)	Xư Tồn Xế (XANG)
		Xảng Tồn	(XÊ)	Xế Liu Oan (XÀNG)
		Xàng Liu Tồn	(LIU)	Xề Liu Xàng Xề (LIU)
	7 -	Tồn	(LIU)	Liu (- -)
		Liu Xề Xế Xáng	(LIU)	Liu Xế Xáng (LIU)
		Tồn	(LIU)	Xáng Lỉu Liu (OAN)
		Liu Oan	(- -)	Oan Liu Xệ Xê (XÀNG)
	8 -	Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xang Xể (- -)
		Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu Xề Tồn Oan (LIU)
		Tồn Lỉu Liu	(OAN)	Liu Oan (- -)
		Xề Liu Oan	(XÀNG)	Liu Xể Xê (XÀNG)
Lớp II :	9 -	Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xang Xể (- -)
		Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu Xề Tồn Oan (LIU)
			(- -)	(- -)
			(- -)	Tồn (HÒ)
	10 -	Xể Xê Xang	(XƯ)	Xang Xư (- -)
		Xư Tồn Xể Xê	(XANG)	Xư Tồn Xê (XANG)
		Tồn	(XANG)	Xảng xang Tồn (XÊ)
		Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu Xề Tồn Oan (LIU)
	11 -	Tồn	(XÊ)	Xê Xang Xư (HÒ)
		Tồn Xảng Xang	(XÊ)	Xê Xang Xư Xang (XÊ)
		Tồn	(LIU)	Lỉu Liu Oan (XÊ)
		Xề Liu Oan	(XÀNG)	Xề Liu Xê (XÀNG)
	12 -	Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xang Xể (- -)
		Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xư Tồn Xế (XANG)
		Tồn Xế Xê	(XANG)	Xang Xể (- -)
		Xể Líu Xể Xê	(XANG)	Xê Líu Xê (XANG)
	13 -	Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xảng xang Xê (LÍU)
		Líu Oán Xể Xê	(XANG)	Xê Líu Xê (XANG)
			(- -)	(- -)
			(- -)	Xế Xê (XANG)
	14 -	Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xang Xể (- -)
		Xể Xê Xang	(XƯ)	Xư Tồn Xế (XANG)
		Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xư Hò (- -)
		Tồn Líu Xể Xê	(XANG)	Xê Líu Xê (XANG)
	15 -	Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xang Xể (- -)
		Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu Xề Tồn Xàng (LIU)
		Liu	(OAN)	Liu Oan (- -)
		Oan Oan Lỉu Liu	(XÀNG)	(- -)

Digitized by www.namkyluctinh.org

6 - Chén (rượu) Tân Đình (- -)
Nào luận (tiệc) (- -)
(Đã) bao năm (trời)
Xa cố (hương) (- -)

7 - (Tâm) can (- -)
Chẳng đổi (thay) (- -)
Nhưng (có) bè bạn thân (sơ)
Lại đi (- -) hùa theo tân (trào)

8 - Tùng (Cúc) tuy (- -)
Mừng hãy đặng (còn) (- -)
Áo Hớn (thay) vẻ lạ (- -)
Mùi ngon rượu (Hồ) (- -)

<u>Lớp II</u> :

9 - Với non (sông) thêm thẹn (- -)
Đứng râu (mày) (- -)
(- -) (- -)
(- -) Dằn (lòng)

10 - (Thôi) nhẫn nhục (- -)
Đợi khi (sau) (- -)
(Chưa) biết rồi (ai)
Sẽ thế (nào) (- -)

11 - (Nguyễn) lại ra (tài)
Khiển tướng điều (binh) (- -)
Vùa (dân) vực nước Thuộc (Nhiêu)
Mỹ Quí tung (hoành) (- -)

12 - (Phất) ngọn cờ (- -)
Theo lịnh gió (nam) (- -)
Nài (chi) vất vã (- -)
Mưa gió gian (nan) (- -)

13 - Miễn (đặng) nước (- -)
Lợi nhà (an) (- -)
(- -) (- -)
(- -) Lần thứ (hai)

14 - (Ông) bị bắt (- -)
Giặc dụ (hàng) (- -)
Mỉm (miệng) cười (- -)
Đoạn ngâm (câu) (- -)

15 - Thác (về) đất Bắc (- -)
Danh rạng (ngời) (- -)
Tiếng bỏ (không) khi (- -)
Sống ở Nam (thành)

Digitized by www.namkyluctinh.org

16 -	Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xang Xể (- -)
	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu Xề Tồn Xàng (LIU)
		(- -)	(- -)
		(- -)	Xế Xê (XANG)
Lớp III : 17 -	Xư Xang	(- -)	Xảng Liu Oan (XÀNG)
	Xề Xáng Lỉu Liu	(OAN)	Liu Xáng Lỉu Liu (OAN)
	Oan Oan Tồn	(LIU)	Liu Xề (- -)
	Xề Xáng Lỉu Liu	(OAN)	(- -)
18 -	Oan Oan	(LIU)	Liu Lỉu (- -)
	Xề Xáng Lỉu Liu	(OAN)	Liu Xáng Lỉu Liu (OAN)
	Tồn	(LIU)	Liu Lỉu (LIU)
	Oán Xê	(- -)	Líu Oán Xê Tồn (HÒ)
19 -	Tồn	(LIU)	Liu Lỉu Liu (OAN)
	Liu Oan	(- -)	Lỉu Liu Oan (XÀNG)
	Xảng Tồn	(XÊ)	Xảng Xang Xư (XÀNG)
	Xàng Xể Xê	(XANG)	Xê Líu Xê (XANG)
20 -	Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xang Xể (- -)
	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu Xề Tồn Oan (LIU)
	Tồn Lỉu Liu	(OAN)	Liu Oan (- -)
	Xề Liu Oan	(XÀNG)	Liu Xể Xê (XÀNG)
21 -	Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xang Xể (- -)
	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu Xề Tồn Oan (LIU)
	Hò Tồn	(XƯ)	Xư Tồn Xang (XÊ)
	Xê Líu Xê	(- -)	Xê Lỉu Xể Xê (XANG)
22 -	Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xang Xể (- -)
	Xể Xê Xang	(XƯ)	Xư Tồn Xế (XANG)
	Xảng Xang Tồn	(XÊ)	Xề Lỉu Oan (XÀNG)
	Xàng Xàng Tồn	(LIU)	Liu xáng Xế (LIU)
23 -	Tồn	(LIU)	Líu Oán Xê (- -)
	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu Xề Tồn Oan (LIU)
	Tồn	(LIU)	Liu Lỉu Liu (OAN)
	Liu Oan	(- -)	Liu Xể Xê (XÀNG)
24 -	Tồn	(LIU)	Lỉu Liu (- -)
	Liu Xế Xáng	(LIU)	Liu Xề Tồn Oan (LIU)
	Tồn Lỉu Liu	(OAN)	Liu Oan (- -)
	Xề Liu Oan	(XÀNG)	Liu Xể Xê (XÀNG)
Lớp IV : 25 -	Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xang Xể (- -)
	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu Xề Tồn Oan (LIU)
		(- -)	(- -)
		(- -)	Tồn (HÒ)

Digitized by www.namkyluctinh.org

16 - Thắng (bại) dinh hư (- -)
Đó lẽ (thường) (- -)
(- -) (- -)
(- -) Nhứt định (không)

Lớp III :

17 - Đem thân (- -) làm kẻ phản (thần)
Bán nước buôn (dân) (- -)
Thà (thác) mà (- -)
Ngàn thu rạng (danh) (- -)

18 - Thủ (Khoa) xin (- -)
Cho thân (nhơn) (- -)
(Được) tế sống (ông)
Nơi (- -) cảnh pháp (trường)

19 - Hiên (ngang) ngồi viết liễn (cho)
Vợ cùng con (- -) về thờ nơi gia (đường)
Xong (xuôi) ngồi đợi (chờ)
Lưỡi gươm (rơi) (- -)

20 - Hạn (mã) gian quan (- -)
Vị quốc (cừu) (- -)
Binh (bại) cho nên (- -)
mạng mới (cùng) (- -)

21 - Hơn (thua) sá kể (- -)
với anh (hùng) (- -)
Vũ (trụ) (trường)
Khan (- -) tiết nghĩa (lưu)

22 - Lời (khẳng) khái (- -)
Tai giặc hoảng (nghe) (- -)
(Không) đầu (hàng)
Dẫu đầu (rơi) (- -)

23 - Năm (xưa) sông Mỹ (- -)
Giọt máu (tràn) (- -)
(Long) đão chiều (thu)
Vi vu (- -) nổi gió (sầu)

24 - (Gương) xưa (- -)
Nguyễn Hữu (Huân) (- -)
Đỗ thủ (khoa) cử nhơn (- -)
Thời Tự Đức Nam (triều) (- -)

Lớp IV :

25 - Cũng là (khi) non sông (- -)
Khói lửa tiêu (điều) (- -)
(- -) (- -)
(- -) Dốc (lòng)

Digitized by www.namkyluctinh.org

26 -	Xể Xê Xang	(XƯ)	Xang Xư	(- -)
	Xư Tồn Xể Xê	(XANG)	Xê Xang Xư	(XANG)
	Xảng Tồn	(XANG)	Xang Xê	(- -)
	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Xề Liu Xàng Xề	(LIU)
27 -	Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xê Xang Xư	(HÒ)
	Xư Tồn Xang	(XÊ)	Xang Xư Xang Xể	(XÊ)
	Tồn	(LIU)	Liu Lỉu Liu	(XỀ)
	Xề Xể Xê	(XANG)	Liu Xể Xê	(XANG)
28 -	Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Xể Xê Xang	(XƯ)	Xư Tồn Xê	(XANG)
	Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Tồn Xang Xê	(XỀ)	Líu Xể Xê	(XANG)
29 -	Xể Xê	(XANG)	Xảng Xang Xư	(HÒ)
	Tồn Hò Xư	(XANG)	Xê Xang Xư Xế	(XANG)
		(- -)		(- -)
		(- -)	Liu	(XỀ)
30 -	Xề Tồn Oan	(LIU)	Xang Xê	(- -)
	Líu Oán Xê Xang	(XƯ)	Xư Tồn Xể	(XANG)
	Tồn	(XANG)	Xang Xê	(- -)
	Xang Xư	(- -)	Xư Xế Xế	(XANG)
31 -	Xang Xang Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu Xề Tồn Oan	(LIU)
	Xáng Lỉu Liu	(OAN)	Liu Oan	(- -)
	Xề Liu Oan	(XÀNG)	Liu Xể Xê	(XÀNG)
32 -	Xang Xang Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu Xề Tồn Oạn	(LIU)
	Tồn	(LIU)	Liu Lỉu	(LIU)
	Liu Tồn Xáng	(XẾ)	Xế Xê Xang	(XƯ)

8 - BÌNH SA LẠC NHẠN

(37 câu, nhịp 8)

Lớp I : 1 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Xế Xê	(XANG)
	Xảng Xang	(- -)	Xảng Liu Oan	(XÀNG)
	Xề Liu Xề	(- -)	Xề Lỉu Liu	(OAN)
2 -	Oạn Oạn	(LIU)	Liu Xề	(- -)
	Xề Lỉu Liu	(OAN)	Liu Lỉu Liu	(OAN)
	Oan Oan	(LIU)	Lỉu Liu Oan	(XỀ)
	Xề Xề	(- -)	Xề Lỉu Liu	(OAN)

Digitized by www.namkyluctinh.org

26 - Trừ (lũ) hung bạo (- -)
Cứu nhân (dân) (- -)
Nêu (cao) tác phong (- -)
Nho sĩ một (thời) (- -)

27 - Xếp bút (nghiên) vội lên (đường)
Thao lược hành (quân) (- -)
(Ai) dám chê (- -)
Văn sĩ trói (gà) (- -)

28 - Mắt (kia) bấy lâu (- -)
Tuy đã (lòa) (- -)
Cụ Đồ Chiểu (vẫn) xông pha (- -)
Dùng bút (lông) đâm kẻ tà (gian)

29 - Người (mất) danh vẫn (còn)
Nêu sử (xanh) (- -)
(- -) (- -)
(- -) Đau (lòng)

30 - Cho lần (võ) văn (- -)
Được hội (ngộ) (- -)
Thủ (Khoa) Huân (- -)
Thi tài thao (lược) cùng bọn xâm (lăng)

31 - Sa (cơ) thôi còn chi (- -)
Oanh liệt một (thời) (- -)
Hội ngộ võ (văn) thành Võ Văn (- -)
Hội Oán bi (hùng) (- -)

32 - Tuy (công) bất tựu (- -)
Sự bất (thành) (- -)
(Diệc) tương nhứt (tử)
Vì (- -) non sông báo (đền)

BÌNH SA LẠC NHẠN
Khúc đoạn trường

Soạn lời : Trần Ngọc Thạch

<u>Lớp I</u> :

1 - (- -) (- -)
(- -) Tiếc (thương)
Cho (- -) Vương Thúy (Kiều)
Đoạn trường (- -) một kiếp xuân (xanh)

2 - (Bao) ê chề (- -)
Tan nát thân (danh) (- -)
Hiếu (đạo) nặng (hoằng)
Thân (phận) quá mong (manh)

Digitized by www.namkyluctinh.org

3 -	Oan Oan	(LIU)	Liu Xề	(- -)
	Xề Lủu Liu	(OAN)	Liu Lủu Liu	(OAN)
	Oan Oan	(LIU)	Liu Lủu	(LIU)
	Liu Lủu	(LIU)	Xê Hò Líu	(LỊU)
4 -	Xư Tồn	(XANG)	Xảng Xư	(- -)
	Xư Hò Xang	(XÊ)	Xê Xang Xư Xang	(XÊ)
	Xề Tồn	(LIU)	Lủu Liu Oán	(XÊ)
	Xê Líu Oán	(XÊ)	Xảng Xang Xư	(LỊU)
5 -	Xư Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Hò Xê Xang	(XƯ)	Xư Hò Xể Xê	(XANG)
	Xảng Xang Tồn	(XÊ)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
	Liu Xề Tồn	(LIU)	Liu Hò Tồn Xế	(XANG)
6 -	Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Xể Tồn Xế	(XANG)	Xang Xể Xê	(XANG)
	Xảng Xang Tồn	(XÊ)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
	Liu Xề Tồn	(LIU)	Liu Tồn Xê Xế	(XẢNG)
7 -	Xảng Xảng Tồn	(XANG)	Xảng Hò	(- -)
	Hò Xề Liu Xế	(XẢNG)	Xảng Xế Xê	(XANG)
	Xang Tồn	(XANG)	Xảng Xang Tồn	(XÊ)
	Líu Oán Xê	(- -)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
8 -	Hò Tồn	(HÒ)	Xang Xể	(- -)
	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu Xề Tồn Oan	(LIU)
	Hò Tồn	(XƯ)	Xư Tồn Xang	(XÊ)
	Xê Líu Xê	(- -)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
9 -	Tồn	(XANG)	Xê Xang Xư	(- -)
	Xư Tồn Xang	(XÊ)	Xê Xang Xư Xang	(XÊ)
	Tồn	(LIU)	Lủu Liu Oán	(XÊ)
	Xê Líu Oán	(XÊ)	Xảng Xang Xư	(LỊU)
10 -	Xư Xư Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Xê Xể Xê Xang	(XƯ)	Xư Xư Tồn Xể	(XANG)
	Xảng Tồn	(LỈU)	Xê Xang Xư	(XỀ)
	Tồn Xề Oạn	(LÍU)	Xê Xang Xư	(LIU)
Lớp II : 11 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Xế Xê	(XANG)
	Xảng Xang	(- -)	Xảng Liu Oan	(XÀNG)
	Xề Liu Xề	(- -)	Xề Lủu Liu	(OAN)
12 -	Oạn Oạn	(LIU)	Liu Xề	(- -)
	Xề Lủu Liu	(OAN)	Liu Lủu Liu	(OAN)
	Oan Oan	(LIU)	Lủu Liu Oan	(XÈ)
	Xề Xề	(- -)	Xề Lủu Liu	(OAN)

Digitized by www.namkyluctinh.org

3 - Đành (cam) lỗi thề (- -)
Với bạn tri (âm) (- -)
Kim (Trọng) có (hay)
Có hiểu (- -) niềm đau của (bạn)

4 - Tình (duyên) đứt đoạn (- -)
Đành phải phân (ly) (- -)
Liêu (Dương) sương (phủ)
Mờ (xa) thấy đâu tin (nhạn)

5 - Tình (riêng) ấp ủ (- -)
Biết ai phân (cạn) (- -)
Chuộc (cha) phải bán (mình)
Ngậm ngùi (- -) nuốt lệ sầu (bi)

6 - Người (đi) kẻ ở (- -)
Ngàn trùng cách (biệt) (- -)
Chút (thân) bọt (bèo)
Dập vùi (- -) giữa chốn lầu (xanh)

7 - Trôi (nổi) đọa đày (- -)
Nhỏ lụy năm (canh) (- -)
Vòi (vọi) cao (xanh)
Gieo thảm (- -) gieo (sầu)

8 - Mong (chờ) ô thước (- -)
Nối lại nhịp (cầu) (- -)
Trút (cạn) tâm (tư)
Cùng tri kỷ (- -) để tạ (tình)

9 - (Nay) thân phận (- -)
Chẳng vẹn tiết (trinh) (- -)
Nhắn (nhủ) cùng Thúy (Vân)
Nối duyên (- -) vẹn câu sum (hiệp)

10 - Tri (âm) hỡi (- -)
Đờn xưa lỗi (nhịp) (- -)
Phím (lạc) dây (chùng)
Như (thân) phận Kiều (nhi)

<u>Lớp II</u> :

11 - (- -) (- -)
(- -) (Liêu)
Dương (- -) tang chế vẹn (toàn)
Chàng quay về (- -) lối cũ năm (xưa)

12 - Ngẫng (trông) quanh vườn (- -)
Cỏ mọc lau (thưa) (- -)
Hiu (quạnh) tiếng quyên (sầu)
Tường (xiêu) mặc gió đong (đưa)

Digitized by www.namkyluctinh.org

13 -	Oan Oan	(LIU)	Liu Xề	(- -)
	Xề Lỉu Liu	(OAN)	Liu Lỉu Liu	(OAN)
	Oan Oan	(LIU)	Liu Lỉu	(LIU)
	Liu Lỉu	(LIU)	Xê Hò Líu	(LỊU)
14 -	Xư Xư Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Xể Xể Tồn	(XANG)	Xang Xế Hò Xế	(XANG)
	Liu	(XỆ)	Xệ Liu Xề	(- -)
	Xề Liu Xệ	(- -)	Xệ Xàng Xề Oan	(LIU)
15 -	Xư Xư Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Xể Xể Tồn	(XANG)	Xang Xế Hò Xế	(XANG)
	Liu	(XỆ)	Xệ Liu Xề	(- -)
	Xề Liu Xệ	(- -)	Xệ Xàng Xề Oan	(LIU)
16 -	Xảng Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Tồn Xể Xê	(XANG)	Xê Tồn Xế	(XANG)
	Xảng Xang Tồn	(XÊ)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
	Liu Xề Tồn Oan	(LIU)	Liu Xảng Xế	(XANG)
17 -		(- -)	Xê Xê	(XANG)
	Xang Xang	(XÊ)	Xể Xê Xang	(HÒ)
	Hò Tồn	(XƯ)	Xư Tồn Xang	(XÊ)
	Xê Líu Xê	(- -)	Xảng Xê Tồn	(HÒ)
18 -	Tồn	(LIU)	Liu Lỉu Liu	(OAN)
	Lỉu Liu Oan	(- -)	Liu Xệ Xê	(XÀNG)
	Liu Oan	(XỀ)	Xề Liu Oan	(LỈU)
	Liu Xứ	(LỈU)	Xế Xảng Xáng	(LIU)
19 -	Tồn	(LIU)	Liu Lỉu Liu	(OAN)
	Lỉu Liu Oan	(- -)	Liu Xệ Xê	(XÀNG)
	Liu Oan	(XỀ)	Xề Liu Oan	(LỈU)
	Liu Xứ	(LỈU)	Xế Xảng Xáng	(LIU)
Lớp III :20 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Xế Xê	(XANG)
	Xảng Xang	(- -)	Xảng Liu Oan	(XÀNG)
	Xề Liu Xề	(- -)	Xề Lỉu Liu	(OAN)
21 -	Oạn Oạn	(LIU)	Liu Xề	(- -)
	Xề Lỉu Liu	(OAN)	Liu Lỉu Liu	(OAN)
	Oan Oan	(LIU)	Lỉu Liu Oan	(XỀ)
	Xề Xề	(- -)	Xề Lỉu Liu	(OAN)
22 -	Oan Oan	(LIU)	Liu Xề	(- -)
	Xề Lỉu Liu	(OAN)	Liu Lỉu Liu	(OAN)
	Oan Oan	(LIU)	Liu Lỉu	(LIU)
	Liu Lỉu	(LIU)	Xê Hò Líu	(LỊU)

Digitized by www.namkyluctinh.org

13 - Vách (mưa) rã rời (- -)
Chàng luống ngẩn (ngơ) (- -)
Nhìn (quanh) lặng (ngắt)
Niềm riêng (- -) biết ai tâm (sự)

14 - Hỏi (han) tìm đến (- -)
Xiết nỗi thương (tâm) (- -)
Mới (hay) Thúy (Kiều)
Đã bán mình (- -) để chuộc (cha)

15 - Trời (già) cay nghiệt (- -)
Vùi dập đời (hoa) (- -)
Mặt (nước) cánh (bèo)
Trôi (nổi) biết về (đâu)

16 - (Thôi) cũng (- -)
Gạt sầu (bi) (- -)
Dưỡng (thân) thay tấm lòng (nàng)
Lệ sầu (- -) từng giọt chứa (chan)

17 - (- -) Tỉnh (mê)
Thân (xác) ngày một hao (mòn)
Chàng (đành) vâng lời song (thân)
Cùng Thúy Vân (- -) kết duyên Châu (Trần)

18 - Thời (gian) đã trôi (qua)
Nắng mưa (- -) chưa dễ phai (nhòa)
Đốt (lò) hương (cũ)
Ngậm (- -) ngùi tình (xưa)

19 - Tình (xưa) chẳng phôi (pha)
Trải bao (- -) tháng rộng năm (dài)
Trông (hoài) tin (nhạn)
Mà (nhạn) đà vắng (tin)

<u>Lớp III</u> :

20 - (- -) (- -)
(- -) Vắng (tin)
Nhạn (- -) mười lăm năm (dài)
Xuân già (- -) huyên cỗi hay (chăng)

21 - Tóc (xanh) điểm bạc (- -)
Ngày tháng băn (khoăn) (- -)
Vời (trông) quê nhà (- -)
Diệu (vợi) mấy quan (san)

22 - (Ai) có về (- -)
Nhắn cùng Kim (Lang) (- -)
Nhỏ (thương) chút (phận)
Kiều nhi (- -) tấm thân phiêu (bạt)

Digitized by www.namkyluctinh.org

23 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Tồn	(HÒ)
	Xể Xê Xang	(XƯ)	Xư Tồn Xang	(XÊ)
	Xê Lỉu Liu	(XỂ)	Líu Xể Xê	(XANG)
24 -	Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu Xề Tồn Oan	(LIU)
	Xế Xê Xang	(XƯ)	Xư Tồn Xang	(XÊ)
	Xê Lỉu Liu	(XỂ)	Líu Xể Xê	(XANG)
25 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Xế Xê	(XANG)
	Xảng Xang	(- -)	Tồn Lỉu Liu Oan	(XÀNG)
	Xàng Xề	(- -)	Lỉu Líu Liu	(OAN)
26 -	Oan Oan	(LIU)	Liu Xề	(- -)
	Liu Xề Lỉu Liu	(OAN)	Xề Lỉu Liu	(OAN)
	Oan Tồn	(LIU)	Liu Lỉu Liu Oan	(XỀ)
	Tồn Xề Oan	(LỈU)	Xế Xáng Xứ	(LIU)
27 -	Tồn	(LIU)	Liu Lỉu Liu	(OAN)
	Lỉu Liu Oan	(- -)	Liu Xệ Xê	(XÀNG)
	Liu Oan	(XỀ)	Xề Liu Oan	(LỈU)
	Liu Xứ	(LỈU)	Xế Xảng Xáng	(LIU)
28 -	Tồn	(LIU)	Liu Lỉu Liu	(OAN)
	Lỉu Liu Oan	(- -)	Liu Xệ Xê	(XÀNG)
	Liu Oan	(XỀ)	Xề Liu Oan	(LỈU)
	Liu Xứ	(LỈU)	Xế Xảng Xáng	(LIU)
29 -	Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Xể Xế Xê	(XANG)	Xế Tồn Xế	(XANG)
	Xảng Xang Tồn	(XÊ)	Liu Tồn Xang	(XÊ)
	Hò Xế	(XỂ)	Xảng Xế Xê	(XANG)
30 -	Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu Xề Tồn Oan	(LIU)
	Xế Xê Xang	(XƯ)	Xư Tồn Xang	(XÊ)
	Hò Xế	(XÊ)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
31 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Tồn	(HÒ)
	Xể Xê Xang	(XƯ)	Xư Tồn Xang	(XÊ)
	Xê Lỉu Liu	(XỂ)	Líu Xể Xê	(XANG)
32 -	Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu Xề Tồn Oan	(LIU)
	Xế Xê Xang	(XƯ)	Xư Tồn Xang	(XÊ)
	Xê Lỉu Liu	(XỂ)	Líu Xể Xê	(XANG)

Digitized by www.namkyluctinh.org

23 - (- -) (- -)
(- -) Ân (tình)
Chẳng (vẹn) để (cho)
Tình chị (- -) nối lại duyên (em)
24 - Tuyết (sương) dầu dãi (- -)
Lắm nỗi ê (chề) (- -)
Khi lừa (lọc) lúc đòn (roi)
Từ Sở (Khanh) đến Hoạn (Thư)
25 - (- -) (- -)
(- -) Lầu (xanh)
Mấy phen (- -) lê gót ngỡ (ngàng)
May nhờ (- -) mặc khách xa (xôi)
26 - Từ (công) xót tình (- -)
Vớt cánh hoa (trôi) (- -)
Từ (đây) cát (đằng)
Nương (bóng) tùng (quân)
27 - (Ai) có (hay)
Trăm năm (- -) chẳng vẹn chữ (đồng)
Lầm mưu (lừa) Hồ Tôn (Hiến)
Khiến Từ (Hải) phải mạng (vong)
28 - Ôi (- -) mạng (vong)
Từ công (- -) chôn chân giữa (vòng)
Nỗi (lòng) ai (thấu)
Vì (đâu) mang hận thiên (thu)
29 - Từ (công) hỡi (- -)
Người có (hay) (- -)
Từ (đây) thân cát (đằng)
Cam đành (- -) mặc gió mưa (sa)
30 - Hồng (nhan) bạc phận (- -)
Phải chăng (là) (- -)
Cơ (Tạo) đa (đoan)
Dành sẵn (- -) kẻ sắc (tài)
31 - (- -) (- -)
(- -) Hoa (tàn)
Phấn (lạt) hương (phai)
Cũng (- -) vùi với cỏ (cây)
32 - Còn (chi) nữa (- -)
Giũ sạch hồng (trần) (- -)
Cho (nhẹ) tấm (thân)
Trở (- -) về hư (không)

Digitized by www.namkyluctinh.org

33 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Tồn	(LIU)
	Oan Liu	(- -)	Liu Lủu Liu	(OAN)
	Oan Liu	(- -)	Liu Xể Xê	(XÀNG)
34 -	Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu Xề Tồn Oan	(LIU)
	Hò Tồn	(XƯ)	Xư Tồn Xang	(XÊ)
	Hò Xế	(XÊ)	Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)
35 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Tồn	(HÒ)
	Xể Xê Xang	(XƯ)	Xư Tồn Xang	(XÊ)
	Xê Lủu Liu	(XỀ)	Líu Xể Xê	(XANG)
36 -	Tồn	(XANG)	Xể Xang Xư	(- -)
	Xư Tồn Xang	(XÊ)	Xê Xang Xư Xang	(XÊ)
	Tồn	(LIU)	Lủu Liu Oán	(XÊ)
	Xê Líu Oán	(XÊ)	Xảng Xang Xư	(LỊU)
37 -	Xư Xư Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Xê Xể Xê Xang	(XƯ)	Xư Xư Tồn Xể	(XANG)
	Xảng Tồn	(LỈU)	Xê Xang Xư	(XỀ)
	Tồn Xề Oạn	(LÍU)	Xê Xang Xư	(LIU)

9 - THANH DẠ ĐỀ QUYÊN

(32 câu, nhịp 8)

Lớp I :	1 -		(- -)	(- -)
			(- -)	Lủu Liu (OAN)
		Oan Oan	(XỀ)	Xề Oan Liu (- -)
		Liu Xề	(- -)	Xàng Xề Oan (LIU)
	2 -	Liu Xề Xề	(OAN)	Oan Lủu (- -)
		Xang Xảng Xư	(XỀ)	Xê Xang Xư Xang (XÊ)
		Xảng Xang Xế	(XỀ)	Xế Xang Xư (HÒ)
		Xư Xê Líu	(HÒ)	Xê Xảng Xư (XANG)
	3 -	Xang Xang Tồn	(XANG)	Xang Xể (- -)
		Tồn Xể Xế	(XANG)	Xư Tồn Xế (XANG)
		Xế Xê	(XANG)	Xang Tồn Xang (XÊ)
		Líu Oán	(XÊ)	Tồn Xang Xư (HÒ)
	4 -	Tồn	(LIU)	Oan Xề (- -)
		Xàng Xề Oan	(LIU)	Liu Oan Xề Oan (LIU)
		Xang Xang	(XÊ)	Xế Xáng Xư (XÊ)
		Tồn Xề Oan	(LỈU)	Xế Xáng Xứ (LIU)

Digitized by www.namkyluctinh.org

33 - (- -) (- -)
(- -) (Canh)
Khuya (- -) mờ xa ánh (sao)
Trường Giang (- -) nổi dậy ba (đào)
34 - Nhìn (trăng) xế (- -)
Tâm sự nảo (nùng) (- -)
Lận (đận) tơ (duyên)
Không hẹn (- -) buổi tương (phùng)
35 - (- -) (- -)
(- -) Tiền (Đường)
Giá (lạnh) ấy mộ hồng (nhan)
Chôn lấp (- -) kiếp dở (dang)
36 - Than (ôi) vĩnh biệt (- -)
Một đời tài (hoa) (- -)
(Trải) lắm phong (ba)
Nổi trôi (- -) theo dòng nước (bạc)
37 - Mười (lăm) năm (- -)
Lìa quê lưu (lạc) (- -)
Kêu (thương) nảo (nùng)
Như nhạn (lạc) chốn bình (sa)

THANH DẠ ĐỀ QUYÊN
Chinh phụ thán ca

Soạn lời : Nguyễn Văn Thinh

<u>Lớp I</u> :

1 - (- -) (- -)
(- -) Đêm (thâu)
Bốn (bề) vắng tanh (- -)
Vẵng nghe sầu (- -) giọng sầu đổ (quyên)
2 - Từ (cơn) khoắc khoải (- -)
Lẫn tiếng nảo (nùng) (- -)
Thán (- -) oán của (người)
Thiếu phụ (- -) bên hương (lân)
3 - (Chạnh) tủi (- -)
Nỗi niềm chinh (phu) (- -)
Đem (- -) thân chiến (đấu)
Vượt (- -) suối băng (ngàn)
4 - Bơ (vơ) dặm đàng (- -)
Đầy hiểm (nguy) (- -)
Lướt xông (- -) có sá (gì)
Nợ quốc (gia) toan báo (đền)

Digitized by www.namkyluctinh.org

	5 -		(- -)	(- -)
			(- -)	Tồn (XÊ)
		Xê Xê Oan	(LỈU)	Lỉu Liu (- -)
		Liu Oan Xê	(- -)	Xê Xang Xư Xang (XÊ)
	6 -	Tồn	(LIU)	Oan Liu (- -)
		Liu Oan Xế	(XÊ)	Xế Xê Xang Xế (XÊ)
		Tồn	(LIU)	Lỉu Liu Oán (XÊ)
		Xê Líu Oan	(XÊ)	Xang Xê Xang (XƯ)
	7 -	Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xảng Xể (- -)
		Xể Xang Tồn	(HÒ)	Liu Xề Tồn Oạn (LIU)
		Hò Tồn	(XƯ)	Xư Tồn Xang (XÊ)
		Lỉu Liu	(XÊ)	Líu Xể Xê (XANG)
	8 -	Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xang Xể (- -)
		Líu Oán Xê Tồn	(HÒ)	Liu Xề Tồn Oạn (LIU)
		Hò Tồn Xang	(XƯ)	Xư Tồn Xang (XÊ)
		Hò Xế	(XÊ)	Tồn Xang Xư (HÒ)
Lớp II :	9 -		(- -)	(- -)
			(- -)	Tồn (HÒ)
		Hò Xư Tồn	(XANG)	Xang Xể (- -)
		Xê Xang Xư	(XỀ)	Xáng Lỉu Liu (OAN)
	10 -	Liu Oan	(XỀ)	Liu Lỉu (- -)
		Lỉu Liu Oan	(XÀNG)	Xê Liu Xể Xế (XÀNG)
		Xảng Xang Xư	(XỀ)	Xề Xang Xư (HÒ)
		Xư Xê Líu	(HÒ)	Xê Xảng Xư (XANG)
	11 -	Xang Xang Tồn	(XANG)	Xang Xể (- -)
		Tồn Xể Xế	(XANG)	Xự Tồn Xế (XANG)
		Xế Xê	(XANG)	Xảng Tồn Xang (XÊ)
		Xê Líu Oán	(XÊ)	Tồn Xang Xư (HÒ)
	12 -	Tồn	(LIU)	Oan Xề (- -)
		Xàng Xề Oan	(LIU)	Liu Xàng Xề (LIU)
		Liu Oan	(LIU)	Lỉu Liu Liu (OAN)
		Lỉu Liu Oan	(- -)	Liu Xế Xáng Liu (XÀNG)
	13 -		(- -)	(- -)
			(- -)	Là (XÊ)
		Xề Oan	(LIU)	Lỉu Liu (- -)
		Liu Xứ	(- -)	Xứ Liu Oan (XỀ)
	14 -	Liu Oan	(XỀ)	Oạn Lỉu (- -)
		Xứ Liu Oan	(XỀ)	Xể Xê Xang Xế (XÊ)
		Tồn	(LIU)	Lỉu Liu Oan (XỀ)
		Xề Oan	(LỈU)	Xề Xáng Xư (LÌU)

Digitized by www.namkyluctinh.org

5 - (- -) (- -)
(- -) (Trải)
Mấy (thu) (- -)
Cách trở (- -) khổ bấy cảnh sanh (ly)

6 - (Kẻ) ở (- -)
Với người (đi) (- -)
(Biết) no (nao)
Đến (- -) ngày tương (ngộ)

7 - (Bỏ) lúc (- -)
Trông (chờ) (- -)
Phu (- -) phụ nhứt (gia)
Êm (- -) ấm đoàn (viên)

8 - (Xin) đức (- -)
Phật (bà) (- -)
Độ (người) cho (- -)
Thoát khỏi (- -) chốn nguy (nàn)

<u>Lớp II</u> :

9 - (- -) (- -)
(- -) (Ngày)
Ngày (- -) mỏi mắt (- -)
Chờ sao (- -) vắng bặt tin (âm)

10 - Xa (nhau) cách (- -)
Trở đôi (đàng) (- -)
Xiết (kể) nỗi (- -)
Sầu (- -) hận vương (mang)

11 - (Lã) chã (- -)
Lụy chứa (chan) (- -)
Quặn (- -) đau ruột (thắt)
Rối ren (- -) trăm mối tơ (vò)

12 - Bỗng (đâu) màn trời (- -)
Sa sầm thê (lương) (- -)
Mây (- -) đem phủ (giăng)
Không trung (- -) sấm sét nổ (vang)

13 - (- -) (- -)
(- -) (Nàng)
Rụng (rời) khiếp đảm (- -)
Liên tưởng (- -) lúc chiến tranh hãi (hùng)

14 - Thương (người) chiến sĩ (- -)
Quyết vẫy (vùng) (- -)
Hiên (- -) ngang bền (lòng)
Nào sá (- -) gì đạn (tên)

Digitized by www.namkyluctinh.org

15 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Tồn	(HÒ)
	Xứ Xề	(- -)	Liu Tồn Xang	(XÊ)
	Xảng Xế	(- -)	Líu Xê Tồn	(HÒ)
16 -	Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Xang Xê Tồn	(HÒ)	Liu Xề Tồn Oan	(LIU)
	Xứ	(XỀ)	Liu Xàng Xề	(LIU)
	Xứ Xề Tồn Oan	(LIU)	Xê Lìu Xư	(XANG)
Lớp III : 17 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Xế Xê	(XANG)
	Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Xê Hò	(- -)	Tồn Hò Xư	(XANG)
18 -	Xang Xang Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Xê Líu Xảng	(XANG)	Xự Tồn Xế	(XANG)
	Xứ	(XỀ)	Liu Xàng Xề Oan	(LỈU)
	Xang Xư	(XỀ)	Xàng Xề Xê	(LIU)
19 -	Tồn	(LIU)	Liu Lỉu Oan	(XỀ)
	Liu Oan	(XÀNG)	Xàng Xề Oạn	(LIU)
	Xế	(XÁNG)	U Xề Ứ Liu	(OAN)
	Oan Liu Xáng	(XỀ)	Xàng Xề Oan	(LIU)
20 -	Tồn	(LIU)	Oan Xề	(- -)
	Xàng Xề Oan	(LIU)	Liu Xề Tồn Oan	(LỊU)
	Oan	(LIU)	Lỉu Liu Liu	(OAN)
	Xàng Xề Oan	(LỈU)	Xứ Xề Xảng Xáng	(LIU)
21 -		(- -)		(- -)
		(- -)	La	(XỀ)
	Liu Lỉu	(LIU)	Lỉu Liu Oan	(XỀ)
	Xàng Xề	(- -)	Xề Lỉu Liu	(OAN)
22 -	Tồn	(LIU)	Oan Xề	(- -)
	Xề Lỉu Liu	(OAN)	Liu Xề Lỉu Liu	(OAN)
	Liu	(OAN)	Oan Oan	(LIU)
	Xang Xể	(XỀ)	Tồn Xế Xáng	(LIU)
23 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Xế Xê	(XANG)
	Xảng Xang	(- -)	Xang Xảng	(XÀNG)
	Liu Oan Xề	(- -)	Tồn Lỉu Liu	(OAN)
24 -	Oan	(LIU)	Liu Tồn	(XANG)
	Xảng Xang Xư	(XÀNG)	Liu Xể Xê	(XÀNG)
	Xang Xê	(CỐNG)	Líu Cống Xê	(XANG)
	Xàng Xề Oan	(LỈU)	Xề Xảng Xế	(LIU)

Digitized by www.namkyluctinh.org

15 - (- -) (- -)
(- -) (Nhìn)
Từ (- -) giọt mưa (rơi)
Luống (- -) thổn thức bồi (hồi)

16 - Nghĩ (trách) bấy (- -)
Lão thợ (trời) (- -)
Xui chi (- -) thảm họa tương (tàn)
Khiến cho (- -) mình dở (dang)

<u>Lớp III</u> :

17 - (- -) (- -)
(- -) (Đi)
Đi (mãi) đêm nay (- -)
Dừng (- -) bước chốn (nao)

18 - Chẳng (biết) ấm (- -)
Lạnh dường (bao) (- -)
Có (- -) ai an (ủi)
Lúc (- -) chàng ốm (đau)

19 - Thiếp (- -) lo cho (chàng)
Bức rức (- -) trong lòng xốn (xang)
Trên (- -) bước gian (lao)
Khó thoát (- -) vòng hiểm (nguy)

20 - Phong (vũ) bất kỳ (- -)
Họa gởi tai (bay) (- -)
Vái van (- -) lướt khỏi tai (nàn)
Sớm phản (- -) hồi cố (hương)

21 - (- -) (- -)
(- -) Căm (hờn)
Ai gây (- -) chi những (điều)
Trắc (- -) trở dường (ni)

22 - Quạnh (hiu) cô phòng (- -)
Vào thở ra (than) (- -)
Năm canh (- -) giấc điệp nào (an)
Lụy (- -) nhỏ chứa (chan)

23 - (- -) (- -)
(- -) (Ngơ)
Thiếp (- -) ngẩn (ngơ)
Duyên nợ gì (- -) khéo dở (dang)

24 - Vô (- -) vàng sắc (hương)
Trâm lược biếng (cài) (- -)
Lỡ (- -) khóc lỡ (cười)
Như phách (- -) lạc hồn (kinh)

Digitized by www.namkyluctinh.org

Lớp IV : 25 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Lỉu Liu	(OAN)
	Oan Oan	(XỀ)	Xề Oan Liu	(- -)
	Liu Xề	(- -)	Xàng Xề Oan	(LIU)
26 -	Liu Xề Xề	(OAN)	Oan Lỉu	(- -)
	Xang Xảng Xư	(XỀ)	Xê Xang Xư Xang	(XÊ)
	Xảng Xang Xế	(XÊ)	Xế Xang Xư	(HÒ)
	Xư Xê Líu	(HÒ)	Xê Xảng Xư	(XANG)
27 -	Xang Xang Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Tồn Xể Xế	(XANG)	Xự Tồn Xế	(XANG)
	Xế Xê	(XANG)	Xang Tồn Xang	(XÊ)
	Líu Oán	(XÊ)	Tồn Xang Xư	(HÒ)
28 -	Tồn	(LIU)	Oan Xề	(- -)
	Xàng Xề Oan	(LIU)	Liu Oan Xề Oan	(LIU)
	Xang Xang	(XÊ)	Xế Xáng Xư	(XỀ)
	Tồn Xề Oan	(LỈU)	Xế Xang Xư	(LIU)
29 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Tồn	(XÊ)
	Xê Xê Oan	(LỈU)	Lỉu Liu	(- -)
	Liu Oan Xê	(- -)	Liu Xư Xang	(XÊ)
30 -	Tồn	(LIU)	Oan Liu	(- -)
	Liu Oan Xế	(XÊ)	Xế Xê Xang Xế	(XÊ)
	Tồn	(LIU)	Lỉu Liu Oán	(XÊ)
	Xê Líu Oan	(XÊ)	Xang Xê Xang	(XƯ)
31 -		(- -)		(- -)
		(- -)	Tồn	(HÒ)
	Xứ	(XỀ)	Liu Tồn Xế	(XẢNG)
	Xang Xể	(- -)	Xang Hò Xư	(XANG)
32 -	Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xang Xể	(- -)
	Xê Liu Xê	(XANG)	Xư Tồn Xế	(XANG)
	Tồn	(LIU)	Liu Lỉu	(LIU)
	Liu Lỉu	(LIU)	Oán Xể Xê	(XANG)

(Cố Giáo sư nhạc sĩ Nguyễn Văn Thinh (Hai Thinh) sáng tác năm1931).

Digitized by www.namkyluctinh.org

Lớp IV :

25 - (- -) (- -)
(- -) Nhớ (chăng)
Hỡi (người) năm xưa (- -)
Những lời nguyền (- -) lúc phân (ly)

26 - Chia (tay) cố gắng (- -)
Ngăn lệ (trào) (- -)
Hẹn (- -) sẽ trở (về)
Với một (- -) ngày sáng (tươi)

27 - Bao (quản) dãi (- -)
Dầu tấm (thân) (- -)
Xông (- -) pha chiến (đấu)
Chẳng (- -) nao núng (lòng)

28 - Quyết (chí) cố tâm (- -)
Ngày vinh (quang) (- -)
Xứng công (- -) kẻ cô (phòng)
Luống ước (mơ) trong mộng (hồn)

29 - (- -) (- -)
(- -) Ác (thay)
Chiến (tranh) binh lửa (- -)
Gây lắm (- -) điều tang (thương)

30 - Gieo (rắc) thống khổ (- -)
Cho người trần (gian) (- -)
(Ước) chi (sớm)
Phong (- -) bình lắng (tịnh)

31 - (- -) (- -)
(- -) Bầu (trời)
Nay đà (- -) đến hồi mây (tan)
Chói rạng (- -) ánh thiều (quang)

32 - Hỡi chiến (sĩ) kíp trở (- -)
Bước thôn (trang) (- -)
Chấp (- -) mối tơ (duyên)
Hồng (- -) nhan phỉ (nguyền)

Digitized by www.namkyluctinh.org

VII – TÁM BẢN NGỰ

1 -ĐƯỜNG THÁI TÔN

(32 câu, nhịp đôi, song lang chiếc)

1 -	Là Hò	(XỰ)	Xảng Xang Xang	(HÒ)
2 -	Là Hò	(XỰ)	Xảng Xang Xang	(HÒ)
3 -	Liu Liu	(CỘNG)	Liu Xàng Xàng	(LIU)
4 -	Liu Xàng	(- -)	Xàng Liu	(- -)
5 -	Lỉu Liu	(CỘNG)	Líu Cống Xê	(XANG)
6 -	Xê Xang	(HÒ)	Xự Xang	(- -)
7 -	Xể Xê	(XANG)	Xang Hò Là	(XỰ)
8 -	Là Là Hò	(- -)	Là Hò Là	(XỰ)
9 -	Xể Xê	(XANG)	Xang Hò Xự	(XANG)
10 -	Xê Xang	(XỰ)	Xang Hò Xự	(XANG)
11 -	Xê Xang	(HÒ)	Xự Xang	(- -)
12 -	Xang	(XÊ)	Xể Xê Xang	(HÒ)
13 -	Là Là	(HÒ)	Là Hò Là	(XỰ)
14 -	Là Là	(HÒ)	Là Xê Xang	(XỰ)
15 -	Là Là	(HÒ)	Xê Xự Tồn	(XANG)
16 -	Xê Xang	(XỰ)	Xảng Xang Xang	(HÒ)
17 -	Là Là	(HÒ)	Là Xự	(- -)
18 -	Xê Xang	(HÒ)	Là Hò Là	(XỰ)
19 -	Liu Cộng	(- -)	Liu Xàng Xàng	(LIU)
20 -	Liu Cộng	(- -)	Liu Xàng Xàng	(LIU)
21 -	Xể Xê	(XANG)	Tồn Xang Xê	(CỐNG)
22 -	Là	(XỰ)	Xảng Xang Xang	(HÒ)
23 -		(- -)		(- -)
24 -	Là	(XỰ)	Xảng Xang Xang	(HÒ)
25 -	Liu Cộng	(- -)	Liu Xàng Xàng	(LIU)
26 -	Liu Cộng	(- -)	Liu Xàng Xàng	(LIU)
27 -	Là Xự	(- -)	Xảng Xang Xang	(HÒ)
28 -	Xang	(XỰ)	Xang Hò Xự	(XANG)
29 -	Xể Xê	(XANG)	Tồn Xang Xê	(CỐNG)
30 -	Là	(HÒ)	Là Hò Xự	(XANG)
31 -	Xang Hò	(- -)	Hò Xự	(- -)
32 -	Xang Hò	(XỰ)	Xang Cống Xê	(XANG)

Digitized by www.namkyluctinh.org

VII – TÁM BẢN NGỰ

ĐƯỜNG THÁI TÔN
Cảnh Xuân

Soạn lời : Cao Hoài Sang 1932

1 - (Cỏ) hoa đua (chào)
2 - Hoa (cỏ) đua (chào)
3 - Vui (đượm) một trời (xuân)
4 - Bầu (- -) hồng quân (- -)
5 - Ngàn (tía) với muôn (xanh)
6 - (- -) (- -)
7 - Trăm (hoa) mừng khoe (nhụy)
8 - Phô bày (- -) cảnh tươi (đẹp)
9 - Bướm (ong) vầy xôn (xao)
10 - Cảnh (vật) đồng thanh (tao)
11 - (- -) (- -)
12 - Nước (non) như hữu (tình)
13 - Bóng (thiều) còn thưa (nhặt)
14 - Tấc (vàng) tua yêu (chuộng)
15 - Dặm (đời) nhiều gai (chông)
16 - Xuân (nay) đương còn (nồng)
17 - Vừng (hồng) tuy tươi đẹp (- -)
18 - Ác (vàng) dường bay (liệng)
19 - Tuổi há (- -) đâu chờ (ta)
20 - Tháng ngày (- -) trời thoát (qua)
21 - Bức (tranh) dầu tươi (sáng)
22 - Thỏ (lặn) bóng dương (tà)
23 - (- -) (- -)
24 - Muôn (dặm) bước quan (hà)
25 - Cảnh đời (- -) bao ngàn (xa)
26 - Khói sương (- -) nhìn bao (la)
27 - Chim (oanh) ca vang trên (nhành)
28 - Lăng (líu) đương chào (xuân)
29 - Vui (xuân) ai nên (nhớ)
30 - (Thời) (xuân)
31 - Khi (tàn) tạ (- -)
32 - Sầu (đượm) bóng xuân (qua)

Digitized by www.namkyluctinh.org

2 - VỌNG PHU

(33 câu, nhịp đôi, song lang chiếc)

1 -	Liu Liu	(XÀNG)	Xàng Xàng Xàng	(LIU)	
2 -	Xàng Xàng	(XÊ)	Xề Cộng Cộng	(LIU)	
3 -	Lỉu Liu	(CỘNG)	Líu Cống Xê	(XANG)	
4 -	Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xảng Xang Xang	(XỀ)	
5 -		(- -)		(- -)	
6 -	Liu Liu	(XÀNG)	Xàng Xàng Xàng	(LIU)	
7 -	Xàng Xàng	(XÊ)	Xề Cộng Cộng	(LIU)	
8 -	Lỉu liu	(CỘNG)	Líu Cống Xê	(XANG)	
9 -	Xảng Xang Tồn	(XANG)	Xảng Xang Xang	(XỀ)	
10 -		(- -)		(- -)	
11 -	Tồn	(LIU)	Lỉu Liu Cộng	(XỀ)	
12 -	Lỉu Liu	(CỘNG)	Líu Cống Xê	(XANG)	
13 -	Xê Xang	(HÒ)	Xự Xang	(- -)	
14 -	Xê Xang	(- -)	Xảng Xang Là	(HÒ)	
15 -	Là Hò Là	(- -)	Hò Xự	(XANG)	
16 -	Là Hò Là	(- -)	Cống Xang	(XÊ)	
17 -	Cống Líu	(- -)	Xê Xang	(XỰ)	
18 -	La La	(XỀ)	Xứ Phạn La	(HO)	
19 -		(- -)		(- -)	
20 -	Tồn	(LIU)	Lỉu Liu Cộng	(XỀ)	
21 -	Tồn	(LIU)	Lỉu Liu Cộng	(XỀ)	
22 -	Xê Xang	(HÒ)	Tồn Xang Xê	(CỐNG)	
23 -	Liu Liu	(XÀNG)	Xàng Xàng Liu	(CỘNG)	
24 -		(- -)		(- -)	
25 -	Cộng	(LIU)	Liu Lỉu Lỉu	(LIU)	
26 -	Lỉu Liu	(CỘNG)	Líu Cống Xê	(XANG)	
27 -	Xê Xang	(HÒ)	Xự Xang	(- -)	
28 -	Liu Cộng	(- -)	Cộng Liu Liu	(TÍCH)	"xáng"
29 -	Xáng	(- -)	Xáng Liu Liu	(TÍCH)	"xáng"
30 -	Liu Xàng	(- -)	Xàng Xê Liu	(CỘNG)	
31 -	Liu Xàng	(- -)	Xàng Xê Liu	(CỘNG)	
32 -	Liu Cộng	(- -)	Cộng Liu	(- -)	
33 -	Lỉu Liu	(CỘNG)	Líu Cống Xê	(XANG)	

Digitized by www.namkyluctinh.org

VỌNG PHU
Xuân nhựt hoài cố nhân

Soạn lời : Cao Hoài Sang 1932

1 - (Đầy) thềm (hoa)
2 - Vườn (mai) chen sắc (cúc)
3 - Thơ (thới) cảnh đương (nồng)
4 - Sương (mai) lồng gió (thoảng)
5 - (- -) (- -)
6 - (Đầy) thềm (hoa)
7 - Vườn (mai) chen sắc (cúc)
8 - Thơ (thới) cảnh đương (nồng)
9 - Sương (mai) lồng gió (thoảng)
10 - (- -) (- -)
11 - (Phấn) hương (chen)
12 - Nô (nức) khách chơi (xuân)
13 - (- -) (- -)
14 - Dặm (- -) đường (nhìn)
15 - Kìa buông (- -) mành thướt (tha)
16 - Nhành liễu (- -) mảnh tơ (treo)
17 - Ánh dương (- -) khoe tươi (đẹp)
18 - Hải (đường) cành hoa (chen)
19 - Hé (nhụy) xuân (- -)
20 - Lẫn (thấy) bóng giai (nhân)
21 - Lẫn (thấy) bóng giai (nhân)
22 - Bên (lầu) trang đưa (mắt)
23 - Liễu (dương) nhìn khoe (sắc)
24 - (- -) (- -)
25 - (Cảnh) đương (xuân)
26 - Như (nhắc) khách chung (tình)
27 - (- -) (- -)
28 - Bởi đâu (- -) phân (cách)
29 - Duyên chàng (- -) nợ (thiếp)
30 - Công hầu (- -) ngoài muôn (dặm)
31 - Khiến chàng (- -) lo danh (phận)
32 - Rẽ túy (- -) chia uyên (- -)
33 - Đành (chích) bóng cô (phòng)

Digitized by www.namkyluctinh.org

3 - CHIÊU QUÂN

(43 câu, nhịp đôi, song lang chiếc)

Lớp I :	1 -	Liu Liu	(XÀNG)	Xàng Xàng Liu	(CỘNG)
	2 -		(- -)		(- -)
	3 -	Liu Liu	(XÀNG)	Xàng Xàng Liu	(CỘNG)
	4 -	Là Liu	(- -)	Liu Cộng	(- -)
	5 -	Lỉu Liu	(CỘNG)	Líu Cổng Xê	(XANG)
	6 -	Xê Xang	(HÒ)	Xự Xang	(- -)
	7 -	Liu Liu	(CỘNG)	Liu Xàng	(LIU)
	8 -	Là Liu	(- -)	Liu Cộng	(- -)
	9 -	Lỉu Liu	(CỘNG)	Líu Cổng Xê	(XANG)
	10 -	Xê Xang	(HÒ)	Xự Xang	(- -)
	11 -	Là Là	(HÒ)	Là Hò Xự	(XANG)
	12 -	Xàng Xê	(XỀ)	Xề Cộng	(LIU)
	13 -	Liu Liu	(XÀNG)	Xàng Xàng Liu	(CỘNG)
	14 -	Liu Xáng	(- -)	Xáng Liu	(- -)
	15 -	Xàng Liu	(- -)	Xê Xàng Xê	(CỔNG)
	16 -	Là Líu	(- -)	Líu Hò	(- -)
	17 -	Là Là	(HÒ)	Là Hò Xự	(XANG)
	18 -	Xê Xang	(HÒ)	Xự Xang	(- -)
	19 -	Xê Xang	(XÊ)	Xể Xê Xang	(HÒ)
	20 -	Hò Xê	(- -)	Xang Xự	(- -)
	21 -	Xang Líu	(- -)	Cống Xê	(XANG)
	22 -	Xang Líu	(- -)	Xê Xang	(- -)
	23 -	Cống Xê	(XANG)	Xang Hò Là	(XỰ)
	24 -	Xự Xang Xê	(- -)	Xang Hò	(- -)
	25 -	Là Là	(HÒ)	Là Hò Xự	(XANG)
	26 -	Xê Xang	(HÒ)	Xự Xang	(- -)
Lớp II :	27 -	Liu Liu	(XÀNG)	Xàng Xàng Liu	(CỘNG)
	28 -		(- -)		(- -)
	29 -	Liu Liu	(XÀNG)	Xàng Xàng Liu	(CỘNG)
	30 -	Liu Cộng	(- -)	Xê Xang	(- -)
	31 -	Liu Liu	(CỘNG)	Liu Xàng	(LIU)
	32 -	Liu Ú	(- -)	Ú Liu	(- -)
	33 -	Liu Liu	(CỘNG)	Cộng Cộng	(TÍCH)“Xáng”
	34 -	Cộng	(- -)	Cộng Tích	(- -)“Xáng”
	35 -	Lỉu Liu	(CỘNG)	Liu Cộng Xê	(XANG)
	36 -	Xê Xang	(HÒ)	Xự Xang	(- -)
	37 -	Là Là	(HÒ)	Là Hò Xự	(XANG)

Digitized by www.namkyluctinh.org

CHIÊU QUÂN
Cảm Xuân Chức Cẩm Hồi Văn

Soạn lời : Cao Hoài Sang 1932

1 - (Chàng) chàng (ôi)
2 - (- -) (- -)
3 - Chàng (ngoài) ngàn (dặm)
4 - Trông (- -) tin nhạn (- -)
5 - Mỏi (mắt) một phương (trời)
6 - (- -) (- -)
7 - (Kìa) ngày (xuân)
8 - Bao (- -) cảnh đẹp (- -)
9 - Tơ (lòng) những thiết (tha)
10 - (- -) (- -)
11 - (Nhìn) ngàn (mây)
12 - Ven (trời) bay gió (thoảng)
13 - Cảnh (chiều) làn khói (tỏa)
14 - Nào (- -) ai thấu (- -)
15 - Lòng tơ (- -) đòi (đoạn)
16 - Mấy (- -) giòng sầu (- -)
17 - Một (mình) ngồi bâng (khuâng)
18 - (- -) (- -)
19 - (Thương) thân (chàng)
20 - Ngoài (- -) biên địa (- -)
21 - Xông (lướt) chốn binh (đao)
22 - Nhớ (- -) những khi (- -)
23 - Chia (tay) bao lời (hẹn)
24 - Chốn (- -) Hà Kiều (- -)
25 - Đá (vàng) thề không (phai)
26 - (- -) (- -)
27 - Mơ (màng) khi đêm (lụn)
28 - (- -) (- -)
29 - Dĩa (dầu) vơi (cạn)
30 - Trống (- -) canh dồn (- -)
31 - Thưa (nhặt) ngoài (hiên)
32 - Tiếng (- -) dế khêu (- -)
33 - Nỗi (niềm) tơ (tóc)
34 - Lòng đau (- -) như cắt (- -)
35 - Như (cắt) can (trường)
36 - (- -) (- -)
37 - (Sầu) vì (duyên)

Digitized by www.namkyluctinh.org

38 -	Xang Hò	(- -)	Hò Xự	(- -)
39 -	Xang	(- -)	Cống Xê	(XANG)
40 -	Xang Cống	(- -)	Xê Xang	(- -)
41 -	Cống Xê	(XANG)	Xang Hò Là	(XỰ)
42 -	Xự Xang Xê	(- -)	Xang Hò	(- -)
43 -	Là Là	(HÒ)	Là Xự	(XANG)

4 - ÁI TỬ KÊ

(19 câu, nhịp đôi, song lang chiếc)

1 -	Liu Liu	(Ú)	Liu Ú Xáng	(LIU)
2 -		(- -)		(- -)
3 -	Liu Liu	(Ú)	Liu Ú Xáng	(LIU)
4 -	Liu Liu	(- -)	Liu Cộng	(- -)
5 -	Cống Xê	(XANG)	Líu Xừ Xang	(XÊ)
6 -		(- -)		(- -)
7 -	Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)
8 -	Xang Xê	(- -)	Cộng Liu	(- -)
9 -	Liu Lủu	(LIU)	Liu Cộng Líu	(XÊ)
10 -		(- -)		(- -)
11 -	Cộng	(XỀ)	Xàng Xề Cộng	(LIU)
12 -	Liu Liu	(- -)	Liu Tịch	(- -) “cộng”
13 -	Tịch Tịch	(- -)	Tịch Liu	(- -)
14 -	Liu Liu	(- -)	Liu Tịch	(- -) “cộng”
15 -	Tịch Tịch	(XỀ)	Xàng Xề Cộng	(LIU)
16 -		(- -)		(- -)
17 -	Liu Liu	(Ú)	Liu Ú Xáng	(LIU)
18 -	Liu Tịch	(- -)	Tịch Liu	(- -)
19 -	Lủu Liu	(CỘNG)	Líu Cống Xê	(XANG)

5 - BÁT MAN TẤN CỐNG

(48 câu, nhịp tư, song lang 3-4)

Lớp I : 1 -		(- -)	Là	(HÒ)
	Xự Xang	(- -)	Xang Xê Líu	(CỐNG)
2 -	Tồn	(Ú)	Ủ Ú Liu	(CỘNG)
	Líu Xê	(- -)	Xang Xự Xê	(XANG)
3 -		(- -)	Là	(HÒ)
	Xự Xang	(- -)	Xang Xê Líu	(CỐNG)

Digitized by www.namkyluctinh.org

38 - Tay nâng (- -) bút ngọc (- -)
39 - Chức (Cẩm) Hồi (Văn)
40 - Nỗi (- -) tâm can (- -)
41 - Thấu (trên) chín (bệ)
42 - Xin (- -) cho chàng (- -)
43 - Phản (hồi) quê (xưa)

ÁI TỬ KÊ
Thương bầy gà con

1 - (Hai) hai (tay)
2 - (- -) (- -)
3 - (Hai) tay (tôi)
4 - Tay (tôi) cầm (- -)
5 - Nắm tấm (mẳn) tôi quăng (ra)
6 - (- -) (- -)
7 - (Bầy) gà (con)
8 - (Đang) ăn dưới (- -)
9 - Đang ăn (dưới) cội (da)
10 - (- -) (- -)
11 - (Tôi) lắng tai (nghe)
12 - Nó kêu (liu) chiu chịt (- -)
13 - Chít (chịt) chịt chiu (- -)
14 - Chồn (chụp) chồn ních (- -)
15 - (Thương) quá đổi (thương)
16 - (- -) (- -)
17 - (Thương) quá đổi (thương)
18 - Tình tôi (thiệt) tình thương (- -)
19 - Thương (quá) đổi (thương)

BÁT MAN TẤN CỐNG
Lạc Xuân

Soạn lời : Cao Hoài Sang 1932

<u>Lớp I</u> :

1 - (- -) (Mừng)
Ngày xuân (- -) tay nâng chén (cúc)
2 - Xuân (đem) bao nhiêu hứa (hẹn)
Cỏ hoa (- -) tràn ngập vẻ (xuân)
3 - (- -) (Mừng)
Ngày xuân (- -) tay nâng chén (cúc)

Digitized by www.namkyluctinh.org

	4 -	Tồn	(Ú)	Ủ Ú Liu	(CỘNG)
		Líu Xê	(- -)	Xang Xự Xê	(XANG)
Điệp Khúc	5 -		(- -)	Tồn	(U)
		Xáng Ú	(- -)	Liu Phạn Xáng	(LIU)
	6 -	Liu	(PHẠN)	Xáng Phạn Liu	(Ú)
		Xáng Ú	(- -)	Liu Phạn Xáng	(LIU)
	7 -	Là	(HÒ)	Là Hò Xự	(XANG)
		Xang Xê	(- -)	Xể Xê Xang	(HÒ)
	8 -	Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)
		Xê Xang	(- -)	Xang Cống Xê	(XANG)
	9 -	Tồn	(XÊ)	Xể Xê Xang	(XỰ)
		Xang Xê	(- -)	Líu Xàng Xê	(CỐNG)
	10 -	Tồn	(Ú)	Ủ Ú Liu	(CỘNG)
		Líu Xê	(- -)	Xang Xự Xê	(XANG)
	11 -		(- -)	Tồn	(U)
		Xáng Ú	(- -)	Liu Phạn Xáng	(LIU)
	12 -	Liu	(PHẠN)	Xáng Phạn Liu	(Ú)
		Xáng Ú	(- -)	Liu Phạn Xáng	(LIU)
<u>Lớp II</u> :	13 -		(- -)	Tồn	(CỐNG)
		Líu Xê	(- -)	Xang Xự Xê	(XANG)
	14 -	Tồn	(XANG)	Xể Xê Xang	(XỰ)
		Xang Xự	(- -)	Líu Xự Xang	(HÒ)
	15 -		(- -)	Tồn	(CỐNG)
		Líu Xê	(- -)	Xang Xự Xê	(XANG)
	16 -	Tồn	(XANG)	Xể Xê Xang	(XỰ)
		Xang Xự	(- -)	Líu Xự Xang	(HÒ)
Điệp Khúc	17 -		(- -)	Tồn	(U)
		Xáng Ú	(- -)	Liu Phạn Xáng	(LIU)
	18 -	Liu	(PHẠN)	Xáng Phạn Liu	(Ú)
		Xáng Ú	(- -)	Liu Phạn Xáng	(LIU)
	19 -	Là	(HÒ)	Là Hò Xự	(XANG)
		Xang Xê	(- -)	Xể Xê Xang	(HÒ)
	20 -	Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)
		Xê Xang	(- -)	Xang Cống Xê	(XANG)
	21 -	Tồn	(XÊ)	Xể Xê Xang	(XỰ)
		Xang Xê	(- -)	Líu Xàng Xê	(CỐNG)
	22 -	Tồn	(Ú)	Ủ Ú Liu	(CỘNG)
		Líu Xê	(- -)	Xang Xự Xê	(XANG)
	23 -		(- -)	Tồn	(U)
		Xáng Ú	(- -)	Liu Phạn Xáng	(LIU)

Digitized by www.namkyluctinh.org

4 - Xuân (đem) bao nhiêu hứa (hẹn)
Cỏ hoa (- -) tràn ngập vẻ (xuân)

Điệp Khúc

5 - (- -) Nước (non)
Bắc Nam (- -) một nhà (chung)
6 - Đồng một (lòng) vui (xuân)
Tỏa ánh (dương) cõi trời (đông)
7 - Huy (hoàng) ngày vinh (hoa)
Chén quỳnh (tương) nồng câu khuyên (mời)
8 - Tiêu (thiều) hòa nhặt (khoan)
Vui tai (- -) trổi tiếng ca (xang)
9 - Đưa (hương) hoa dâng sắc (đẹp)
Xuê xang (- -) mấy màu cẩm (tú)
10 - Trời (thanh) cảnh thêm vẻ (lịch)
Thưởng xuân (- -) mặc khách tiêu (dao)
11 - (- -) Chung (rượu)
Vui mượn (- -) đề câu thi (thần)
12 - Thích (tình) tao (nhân)
Nghêu ngao (- -) tháng ngày (xuân)

<u>Lớp II</u> :

13 - (- -) Tám (bức)
Giang sơn (- -) nhìn tợ gấm (thêu)
14 - (- -) Bên (triện)
Thưa nhặt (- -) hoàng oanh trên (nhành)
15 - (- -) Tám (bức)
Giang sơn (- -) nhìn tợ gấm (thêu)
16 - (- -) Bên (triện)
Thưa nhặt (- -) hoàng oanh trên (nhành)

Điệp Khúc

17 - (- -) Nước (non)
Bắc Nam (- -) một nhà (chung)
18 - Đồng một (lòng) vui (xuân)
Tỏa ánh (dương) cõi trời (đông)
19 - Huy (hoàng) ngày vinh (hoa)
Chén quỳnh (tương) nồng câu khuyên (mời)
20 - Tiêu (thiều) hòa nhặt (khoan)
Vui tai (- -) trỗi tiếng ca (xang)
21 - Đưa (hương) hoa dâng sắc (đẹp)
Xuê xang (- -) mấy màu cẩm (tú)
22 - Trời (thanh) cảnh thêm vẻ (lịch)
Thưởng xuân (- -) mặc khách tiêu (dao)
23 - (- -) Chung (rượu)
Vui mượn (- -) đề câu thi (thần)

Digitized by www.namkyluctinh.org

	24 -	Liu	(PHẠN)	Xáng Phạn Liu	(Ú)
		Xáng Ú	(- -)	Liu Phạn Xáng	(LIU)
Lớp III:	25 -		(- -)	Là	(XỰ)
		Xang Xự	(- -)	Líu Xự Xang	(HÒ)
	26 -		(- -)	Tồn	(CỐNG)
		Líu Xê	(- -)	Xang Xự Xê	(XANG)
	27 -	Tồn	(XANG)	Xể Xê Xang	(XỰ)
		Xang Xự	(- -)	Líu Xự Xang	(HÒ)
	28 -		(- -)	Tồn	(CỐNG)
		Líu Xê	(- -)	Xang Xự Xê	(XANG)
Điệp Khúc	29 -		(- -)	Tồn	(U)
		Xáng Ú	(- -)	Liu Phạn Xáng	(LIU)
	30 -	Liu	(PHẠN)	Xáng Phạn Liu	(Ú)
		Xáng Ú	(- -)	Liu Phạn Xáng	(LIU)
	31 -	Là	(HÒ)	Là Hò Xự	(XANG)
		Xang Xê	(- -)	Xể Xê Xang	(HÒ)
	32 -	Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)
		Xê Xang	(- -)	Xang Cống Xê	(XANG)
	33 -	Tồn	(XÊ)	Xể Xê Xang	(XỰ)
		Xang Xê	(- -)	Líu Xàng Xê	(CỐNG)
	34 -	Tồn	(Ú)	Ủ Ú Liu	(CỘNG)
		Líu Xê	(- -)	Xang Xự Xê	(XANG)
	35 -		(- -)	Tồn	(Ú)
		Xáng Ú	(- -)	Liu Phạn Xáng	(LIU)
	36 -	Liu	(PHẠN)	Xáng Phạn Liu	(Ú)
		Xáng Ú	(- -)	Liu Phạn Xáng	(LIU)
Lớp IV:	37 -		(- -)	Tồn	(CỐNG)
		Líu Xê	(- -)	Xang Xự Xê	(XANG)
	38 -	Tồn	(XANG)	Xể Xê Xang	(XỰ)
		Xang Xự	(- -)	Líu Xự Xang	(HÒ)
	39 -		(- -)	Tồn	(CỐNG)
		Líu Xê	(- -)	Xang Xự Xê	(XANG)
	40 -	Tồn	(XANG)	Xể Xê Xang	(XỰ)
		Xang Xự	(- -)	Líu Xự Xang	(HÒ)
Điệp Khúc	41 -		(- -)	Tồn	(U)
		Xáng Ú	(- -)	Liu Phạn Xáng	(LIU)
	42 -	Liu	(PHẠN)	Xáng Phạn Liu	(Ú)
		Xáng Ú	(- -)	Liu Phạn Xáng	(LIU)
	43 -	Là	(HÒ)	Là Hò Xự	(XANG)
		Xang Xê	(- -)	Xể Xê Xang	(HÒ)

Digitized by www.namkyluctinh.org

24 - Thích (tình) tao (nhân)
Nghêu ngao (- -) tháng ngày (xuân)

<u>Lớp III</u> : 25 - (- -) Thích (hợp)
Ca vịnh (- -) vầy bạn thi (cầm)
26 - (- -) Giòng (bích)
Khách du (- -) toại hứng thanh (phong)
27 - (- -) Thích (hợp)
Ca vịnh (- -) vầy bạn thi (cầm)
28 - (- -) Giòng (bích)
Khách du (- -) toại hứng thanh (phong)

Điệp Khúc 29 - (- -) Nước (non)
Bắc Nam (- -) một nhà (chung)
30 - Đồng một (lòng) vui (xuân)
Tỏa ánh (dương) cõi trời (đông)
31 - Huy (hoàng) ngày vinh (hoa)
Chén quỳnh (tương) nồng câu khuyên (mời)
32 - Tiêu (thiều) hòa nhặt (khoan)
Vui tai (- -) trỗi tiếng ca (xang)
33 - Đưa (hương) hoa dâng sắc (đẹp)
Xuê xang (- -) mấy màu cẩm (tú)
34 - Trời (thanh) cảnh thêm vẻ (lịch)
Thưởng xuân (- -) mặc khách tiêu (dao)
35 - (- -) Chung (rượu)
Vui mượn (- -) đề câu thi (thần)
36 - Thích (tình) tao (nhân)
Nghêu ngao (- -) tháng ngày (xuân)

<u>Lớp IV</u> : 37 - (- -) Bầu (cúc)
Ngửa nghiêng (- -) hưởng trọn thú (vui)
38 - (- -) Vơi (cạn)
Thềm nguyệt (- -) nét xuân chưa (tàn)
39 - (- -) Bầu (cúc)
Ngửa nghiêng (- -) hưởng trọn thú (vui)
40 - (- -) Vơi (cạn)
Thềm nguyệt (- -) nét xuân chưa (tàn)

Điệp Khúc 41 - (- -) Nước (non)
Bắc Nam (- -) một nhà (chung)
42 - Đồng một (lòng) vui (xuân)
Tỏa ánh (dương) cõi trời (đông)
43 - Huy (hoàng) ngày vinh (hoa)
Chén quỳnh (tương) nồng câu khuyên (mời)

Digitized by www.namkyluctinh.org

44 -	Xê Xang	(HÒ)	Tồn Hò Xự	(XANG)
	Xê Xang	(- -)	Xang Cống Xê	(XANG)
45 -	Tồn	(XÊ)	Xể Xê Xang	(XỰ)
	Xang Xê	(- -)	Líu Xàng Xê	(CỐNG)
46 -	Tồn	(Ú)	Ủ Ú Liu	(CỘNG)
	Líu Xê	(- -)	Xang Xự Xê	(XANG)
47 -		(- -)	Tồn	(Ú)
	Xáng Ú	(- -)	Liu Phạn Xáng	(LIU)
48 -	Liu	(PHẠN)	Xáng Phạn Liu	(Ú)
	Xáng Ú	(- -)	Liu Phạn Xáng	(LIU)

6 - TƯƠNG TƯ

(77 câu, song lang chiếc)

Lớp I : 1 -		(- -)	Xế Xê	(XANG)
2 -	Xang	(- -)	Xang Xang	(XỂ)
3 -	Xể	(- -)	Xế Xê	(HÒ)
4 -	Hò	(- -)	Xê Là	(HÒ)
5 -	Hò	(PHAN)	Phan	(XỆ)
6 -	Ho Phan	(HO)	Ho	(- -)
7 -		(- -)	Xang Xang	(XỂ)
8 -	Xế	(HÒ)	Xể Xế	(XANG)
9 -		(- -)	Xang Xang	(XỂ)
10 -	Xê	(LÍU)	Líu Cống Xê	(XANG)
11 -	Xang Xang	(TỒN)	Xang	(- -)
12 -	Xế Xế	(XANG)	Xang Xê Tồn	(LIU)
13 -	Liu Tồn	(TÀNG)	Tàng Liu	(- -)
14 -		(- -)	Ú	(LIU)
15 -	Liu	(Ú)	Ú	(XỆ)
16 -	Xệ	(XỪ)	Xừ Xừ	(LIU)
17 -		(- -)	Liu Ú	(XÀNG)
18 -	Xàng	(XỆ)	Xệ Xệ	(XỪ)
19 -	Xừ	(LIU)	Liu Ú Ú	(LIU)
20 -	Liu Liu	(TỒN)	Liu	(- -)
21 -	Xáng Xáng	(XÀNG)	Liu Liu	(XÊ)
22 -	Xê Xê	(XÀNG)	Xê Liu	(- -)
23 -		(- -)	Ú	(LIU)
24 -	Liu	(Ú)	Ú	(XỆ)
25 -	Xệ	(XỪ)	Xừ	(LIU)
26 -	Ú	(- -)	Ú Xàng	(- -)

Digitized by www.namkyluctinh.org

44 - Tiêu (thiều) hòa nhặt (khoan)
Vui tai (- -) trổi tiếng ca (xang)
45 - Đưa (hương) hoa dâng sắc (đẹp)
Xuê xang (- -) mấy màu cẩm (tú)
46 - Trời (thanh) cảnh thêm vẻ (lịch)
Thưởng xuân (- -) mặc khách tiêu (dao)
47 - (- -) Chung (rượu)
Vui mượn (- -) đề câu thi (thần)
48 - Thích (tình) tao (nhân)
Nghêu ngao (- -) tháng ngày (xuân)

TƯƠNG TƯ
Nguyệt Nga ký ngụ lão bà

Soạn lời : Cao Hoài Sang 1935

<u>Lớp I</u> :

1 - (- -) Riêng (than)
2 - Long (- -) đong số (phận)
3 - Vùi (dập) khách má (hồng)
4 - (- -) Mảnh tơ (lòng)
5 - Mối (sầu) (trường)
6 - Trường (đoạn) (- -)
7 - (- -) Dặm (thẳng)
8 - (Vì) (ai)
9 - (- -) Nổi (trôi)
10 - Đất (khách) bao nỗi nắng (mưa)
11 - (- -) (- -)
12 - (- -) (- -)
13 - (- -) (- -)
14 - (- -) Ông (Tơ)
15 - (Sao) ghét (phận)
16 - (Bèo) (mây)
17 - (- -) Khiến chi (mình)
18 - Sao (lắm) hẳng (hờ)
19 - (Duyên) nợ ba (sinh)
20 - (- -) (- -)
21 - (- -) (- -)
22 - (- -) (- -)
23 - (- -) Với (ai)
24 - Từ (xưa) đã (nguyện)
25 - Giữ (vẹn) tấm lòng (son)
26 - Mảnh (- -) thân nầy (- -)

Digitized by www.namkyluctinh.org

	27 -	Xàng Xàng	(LIU)	Liu Cổng Xê	(XANG)
	28 -	Xang Xang	(TỒN)	Xang	(- -)
	29 -	Xê Xê	(HÒ)	Ho Hò	(- -)
Lớp II :	30 -		(- -)	Xế Xê	(XANG)
	31 -	Xang	(- -)	Xang Xang	(XỂ)
	32 -	Xể	(- -)	Xế Xê	(HÒ)
	33 -	Hò	(- -)	Xê Là	(HÒ)
	34 -	Hò	(PHAN)	Phan	(XỆ)
	35 -	Ho Phan	(HO)	Ho	(- -)
	36 -		(- -)	Xang Xang	(XỂ)
	37 -	Xế	(HÒ)	Xể Xế	(XANG)
	38 -		(- -)	Xang Xang	(XỂ)
	39 -	Xê	(LÍU)	Líu Cổng Xê	(XANG)
	40 -	Xang Xang	(TỒN)	Xang	(- -)
	41 -	Xế Xế	(XANG)	Xang Xê Tồn	(LIU)
	42 -	Liu Tồn	(TÀNG)	Tàng Liu	(- -)
	43 -		(- -)	Ú	(LIU)
	44 -	Liu	(Ú)	Ú Xàng Xệ	(XÀNG)
	45 -		(- -)	Ú	(LIU)
	46 -	Liu	(Ú)	Ú Xàng Xệ	(XÀNG)
	47 -	Ú	(- -)	Ú Xừ	(- -)
	48 -	Liu Liu	(Ú)	Ú Xừ	(LIU)
	49 -	Liu Liu	(TỒN)	Liu	(- -)
	50 -	Xáng Xáng	(XÀNG)	Liu Liu	(XỆ)
	51 -	Xệ Xệ	(XÀNG)	Xệ Liu	(- -)
	52 -		(- -)	Ú	(LIU)
	53 -	Liu	(XỆ)	Liu	(XỆ)
	54 -	Xệ	(- -)	Xừ	(LIU)
	55 -	Liu Ú	(- -)	Ú Liu	(- -)
	56 -	Xàng Xàng	(LIU)	Liu Cổng Xê	(XANG)
	57 -	Xang Xang	(TỒN)	Xang	(- -)
	58 -	Xê Xê	(HÒ)	Ho Hò	(- -)
Lớp III:	59 -		(- -)	Là Là	(HÒ)
	60 -	Ho	(PHAN)	Phan	(XỆ)
	61 -	Xệ	(XỆ)	Xề	(HO)
	62 -	Là	(TỊCH)	Là Hò	(- -)
	63 -	Là Là	(HO)	Hỏ Ho Ho	(PHAN)
	64 -	Phan	(PHAN)	Phan	(XỆ)
	65 -	Xệ	(XỆ)	Xề	(HO)
	66 -	Ho Ho	(TỊCH)	Là Hò	(- -)

Digitized by www.namkyluctinh.org

27 - Xin (gởi) với nước (non)
28 - (- -) (- -)
29 - (- -) (- -)

Lớp II :

30 - (- -) Ngùi (trông)
31 - Nơi (- -) cố (lý)
32 - Cám (thương) bóng xế nhành (chiều)
33 - Thôi (- -) đành (liều)
34 - Nổi (trôi) (ngoài)
35 - Ngàn (dặm) (- -)
36 - (- -) Sớm (tối)
37 - Hiu (quạnh) ra (vào)
38 - (- -) Lấy ai nâng (đỡ)
39 - Dâng (thế) miếng trân (cam)
40 - (- -) (- -)
41 - (- -) (- -)
42 - (- -) (- -)
43 - (- -) Mảnh sắc (hương)
44 - Xuân (kia) đã hao (mòn)
45 - (- -) Vầng trăng (xưa)
46 - Đã (khuyết) biết bao đặng (tròn)
47 - Tiếng (- -) sắt cầm (- -)
48 - Nào (lúc) đặng hòa (thinh)
49 - (- -) (- -)
50 - (- -) (- -)
51 - (- -) (- -)
52 - (- -) Hoa (trôi)
53 - Đã (- -) cam sóng (dập)
54 - Bèo bọt (- -) chút phận từ (đây)
55 - Hỡi ai (- -) có hay (- -)
56 - Nỗi (thảm) bên lòng biếng (khuây)
57 - (- -) (- -)
58 - (- -) (- -)

Lớp III :

59 - (- -) Hỡi cao (xanh)
60 - (Thân) sao phải (chịu)
61 - Lắm (lần) gian (nan)
62 - (- -) (- -)
63 - (Đêm) năm (canh)
64 - Tư (lương) nhìn qua bức (tượng)
65 - Chong ngọn (- -) đèn (lan)
66 - (- -) (- -)

Digitized by www.namkyluctinh.org

67 -	Xang Xang	(XỂ)	Xế Xảng Xê	(XANG)
68 -	Tồn	(TÀNG)	Tồn Xang	(- -)
69 -	Xế Xê	(XANG)	Xang Xê Tồn	(HÒ)
70 -	Liu Tồn	(TÀNG)	Tàng Liu	(- -)
71 -		(- -)	Liu Ú	(XÀNG)
72 -	Xàng	(LIU)	Liu	(XỆ)
73 -	Xê	(XỪ)	Xừ	(LIU)
74 -	Liu Ú	(- -)	Ú Liu	(- -)
75 -	Liu Xệ	(- -)	Xừ	(LIU)
76 -	Liu Ú	(- -)	Ú Liu	(- -)
77 -	Lỉu Liu	(CỘNG)	Cống Xê	(XANG)

7 - DUYÊN KỲ NGỘ

(62 câu, song lang chiếc)

Lớp I :	1 -		(- -)	Ú (LIU)
	2 -	Liu	(LIU)	Liu Ú (XÀNG)
	3 -	Xàng	(XỪ)	Xừ Xừ (LIU)
	4 -	Ú	(- -)	Ú Liu (- -)
	5 -	Lỉu Liu	(CỘNG)	Cống Xê (XANG)
	6 -	Xang Xang	(TỒN)	Xang (- -)
	7 -	Xế Xê	(HÒ)	Họ Hò (- -)
	8 -		(- -)	Là (XÊ)
	9 -	Líu Líu	(XÊ)	Xể Xê Xang (XỰ)
	10 -		(- -)	Xự (- -)
	11 -	Xang	(XÊ)	Là (HÒ)
	12 -	Là	(TỊCH)	Là Hò (- -)
	13 -	Xàng Xàng	(LIU)	Lỉu Cổng Xê (XANG)
	14 -	Xang Xang	(TỒN)	Xang (- -)
	15 -	Xế Xê	(XANG)	Xang Xê Tồn (HÒ)
	16 -	Liu Tồn	(TÀNG)	Tàng Liu (- -)
	17 -		(- -)	Ú (LIU)
	18 -	Lỉu	(LIU)	Liu Ú (XỆ)
	19 -	Xừ	(- -)	Xừ Liu (- -)
	20 -	Lỉu Liu	(CỘNG)	Cổng Xê (XANG)
	21 -	Xang Xang	(TỒN)	Xang (- -)
	22 -	Xế Xê	(HÒ)	Họ Hò (- -)
Lớp II :	23 -		(- -)	Liu (LIU)
	24 -	Liu	(PHAN)	Phan (LIU)
	25 -	Lỉu	(LIU)	Lỉu Liu Phan (XỆ)

Digitized by www.namkyluctinh.org

67 - (- -) (- -)
68 - (- -) (- -)
69 - (- -) (- -)
70 - (- -) (- -)
71 - (- -) Nông nỗi (nầy)
72 - Đã (-) cam phận (bạc)
73 - Còn (chi) phận hồng (nhan)
74 - Riêng (- -) riêng than (- -)
75 - Keo (- -) rã hồ (tan)
76 - Trăm mối (- -) ngổn ngang (- -)
77 - Đứt nối (- -) giọt tuôn (tràn)

DUYÊN KỲ NGỘ
Nguyệt Nga từ biệt Kim Liên

Soạn lời : Cao Hoài Sang 1935

<u>Lớp I</u> :

1 - (- -) Hỡi Kim (Liên)
2 - Cách xa (nhau) trông vơi muôn (trùng)
3 - Thân em (đành) về phiên (bang)
4 - Tráo chác (- -) nợ duyên (- -)
5 - Có thấu (chăng) mấy nỗi đau (lòng)
6 - (- -) (- -)
7 - (- -) (- -)
8 - (- -) Nhìn (trăng)
9 - Nhớ (nhau) tuôn rơi giọt (lệ)
10 - Nào khi (- -) hoạn nạn (- -)
11 - Em (- -) chị đồng (hành)
12 - Than thở (phận) mỏng mành (- -)
13 - Giờ hai (ngả) cách biệt Sâm (Thương)
14 - (- -) (- -)
15 - (- -) (- -)
16 - (- -) (- -)
17 - (- -) Chia (tay)
18 - Vì (ta) tiết trinh giữ (vẹn)
19 - Với bạn (- -) tình chung (- -)
20 - Nên em (phải) cảnh lạ xứ (người)
21 - (- -) (- -)
22 - (- -) (- -)

<u>Lớp II</u> :

23 - (- -) Rủi (may)
24 - (Dễ) đâu (hay)
25 - Tơ (duyên) em có vui (đẹp)

Digitized by www.namkyluctinh.org

26 -		(- -)	Liu	(LIU)
27 -	Liu	(PHAN)	Phan	(LIU)
28 -	Lỉu	(LIU)	Lỉu Liu Phan	(XỆ)
29 -		(- -)	Xệ	(- -)
30 -	Xang	(XÊ)	Xê Là	(HÒ)
31 -	Là	(TỊCH)	Là Hò	(- -)
32 -	Xàng Xàng	(LIU)	Lỉu Cổng Xê	(XANG)
33 -	Xang Xang	(TỒN)	Xang	(- -)
34 -	Xế Xê	(XANG)	Xang Xê Tồn	(HÒ)
35 -	Liu Tồn	(TÀNG)	Tàng Liu	(- -)
36 -		(- -)	Ú	(LIU)
37 -	Liu	(Ú)	Ú Xàng Xệ	(XÀNG)
38 -		(- -)	Ú	(LIU)
39 -	Liu	(Ú)	Ú Xàng Xệ	(XÀNG)
40 -	Liu	(- -)	Liu Xệ	(- -)
41 -	Xàng	(LIU)	Líu Cống Xê	(XANG)
42 -	Xang Xang	(TỒN)	Xang	(- -)
43 -	Xế Xê	(HÒ)	Họ Hò	(- -)
Lớp III: 44 -		(- -)	Liu	(LIU)
45 -	Liu	(PHAN)	Phan	(LIU)
46 -	Lỉu	(LIU)	Lỉu Liu Phan	(XỆ)
47 -		(- -)	Liu	(LIU)
48 -	Liu	(PHAN)	Phan	(LIU)
49 -	Lỉu	(LIU)	Lỉu Liu Phan	(XỆ)
50 -		(- -)	Xệ	(- -)
51 -	Xang	(XÊ)	Xê Là	(HÒ)
52 -	Là	(TỊCH)	Là Hò	(- -)
53 -	Xàng Xàng	(LIU)	Lỉu Cổng Xê	(XANG)
54 -	Xang Xang	(TỒN)	Xang	(- -)
55 -	Xế Xê	(XANG)	Xang Xê Tồn	(HÒ)
56 -	Liu Tồn	(TÀNG)	Tàng Liu	(- -)
57 -		(- -)	Ú	(LIU)
58 -	Lỉu	(LIU)	Liu Ú	(XÀNG)
59 -		(- -)	Ú	(LIU)
60 -	Lỉu	(LIU)	Liu Ú	(XÀNG)
61 -	Liu	(- -)	Liu Xàng	(- -)
62 -	Lỉu Liu	(CỘNG)	Líu Cống Xê	(XANG)

Digitized by www.namkyluctinh.org

26 - (- -) Trời (nam)
27 - (Thân) chị (đây)
28 - Bước phiêu (lưu) biết bao nhiêu (bận)
29 - Vì duyên (- -) kỳ ngộ (- -)
30 - Gìn mảnh (gương) trong giá trắng (ngần)
31 - Dày (dạn) phong trần (- -)
32 - Tâm sự (nầy) biết tỏ với (ai)
33 - (- -) (- -)
34 - (- -) (- -)
35 - (- -) (- -)
36 - (- -) Ngồi đếm (canh)
37 - Bâng (khuâng) nhìn ngọn đèn (tàn)
38 - (- -) Quạnh đêm (sương)
39 - Nghĩ (thôi) đau xót gan (vàng)
40 - Chan chứa (- -) mối sầu tràng (- -)
41 - Lòng tơ (rối) trăm đường ngổn (ngang)
42 - (- -) (- -)
43 - (- -) (- -)

<u>Lớp III</u> :

44 - (- -) Trông (vơi)
45 - Khói (tỏa) lẫn sương (bay)
46 - Biết (chừ) bao hội (ngộ)
47 - (- -) Cùng (nhau)
48 - Những ước (mong) nghĩa chị (em)
49 - (Vui) câu sum (họp)
50 - Ai xui (- -) ly hận (- -)
51 - Người chơn (mây) kẻ quạnh ven (trời)
52 - Khó (nỗi) nhắn lời (- -)
53 - Thôi đành (cam) đá nát vàng (phai)
54 - (- -) (- -)
55 - (- -) (- -)
56 - (- -) (- -)
57 - (- -) Ôi Kim (Liên)
58 - Nỗi lo (em) ngọc nát châu (trầm)
59 - (- -) Phận vô (duyên)
60 - Chị cam (- -) khóc trộm than (thầm)
61 - Ruột héo (- -) gan bầm (- -)
62 - Ngày gặp (gỡ) họa chờ kiếp tái (sanh)

Digitized by www.namkyluctinh.org

8 - QUẢ PHỤ HÀM OAN

(59 câu, nhịp đôi, song lang chiếc)

Lớp I :	1 -		(- -)	Xế Xê	(XANG)
	2 -	Xảng	(XANG)	Xang Xang	(XƯ)
	3 -		(XƯ)	Xư	(XANG)
	4 -		(- -)	Xang Xang	(XỂ)
	5 -	Xê	(LÍU)	Líu Xê	(XANG)
	6 -	Xang Xang	(TỒN)	Xang	(- -)
	7 -		(- -)	Xang Xang	(XƯ)
	8 -	Xư	(XANG)	Xảng Xang Xang	(XƯ)
	9 -	Xư	(XANG)	Xê Oán	(HÒ)
	10 -	Hò	(HÒ)	Hò Xư	(XANG)
	11 -		(XANG)	Xang Xang Xang	(XỂ)
	12 -	Xê	(LÍU)	Líu Xê	(XANG)
	13 -	Xang Xang	(TỒN)	Xang	(- -)
Lớp II :	14 -		(- -)	Là	(XÊ)
	15 -	Xê Xể	(XÊ)	Xê Hò	(XÊ)
	16 -	Lỉu Líu	(- -)	Xê Xang	(XƯ)
	17 -	Xang Xể	(XỀ)	Xề Oan	(LIU)
	18 -	Liu	(LỈU)	Lỉu Liu	(- -)
	19 -		(- -)	Là	(LIU)
	20 -	Lỉu	(LIU)	Liu Xể	(XÊ)
	21 -	Xang Xê	(TÍCH)‘líu’	Xể Xê	(XANG)
	22 -	Xang Xang	(TỒN)	Xang	(- -)
	23 -		(- -)	Xê	(XANG)
	24 -	Xể	(- -)	Xê Xang	(- -)
	25 -	Xê Xang	(XƯ)	Xế Hò Xư	(XANG)
	26 -		(- -)	Là	(LIU)
	27 -	Lỉu	(LIU)	Liu Xể	(XÊ)
	28 -	Xê	(XẢNG)	Xang Xư	(HÒ)
Lớp III:	29 -		(- -)		(- -)
	30 -	Tồn	(HÒ)	Hò Xư	(XANG)
	31 -	Xê Xể	(XỀ)	Xề Oan	(LIU)
	32 -		(- -)	Là	(XÊ)
	33 -	Lỉu Líu	(- -)	Xê Xang	(XƯ)
	34 -	Xê Xể	(XỀ)	Xề Oan	(LIU)
	35 -	Liu	(LỈU)	Lỉu Liu	(- -)
	36 -		(- -)	Tồn	(LIU)
	37 -	Lỉu	(LIU)	Liu Xể	(XÊ)

Digitized by www.namkyluctinh.org

QUẢ PHỤ HÀM OAN
Thuyền quyên bạc phận

Lớp I :

1 - (- -) Á (thương)
2 - (Thương) thân (phận)
3 - (Phận) thuyền (quyên)
4 - (- -) Đeo má (phấn)
5 - (Thảm) nỗi (duyên)
6 - (- -) (- -)
7 - (- -) Á (hoa)
8 - (Hoa) (trăm)
9 - (Trăm) hoa (sầu)
10 - (Sầu) sầu (riêng)
11 - (Lụy) (ứa)
12 - (Lưu) (liên)
13 - (- -) (- -)

Lớp II :

14 - (- -) Á (ôm)
15 - (Lòng) lòng (tơ)
16 - Tháng đợi (- -) năm (chờ)
17 - Ta là (ngồi) không (yên)
18 - Ý (ỷ) ý y (- -)
19 - (- -) Là (nương)
20 - (Trướng) (loan)
21 - Nệm (chích) gối (nghiêng)
22 - Ý (ỷ) ý y (- -)
23 - (- -) Trách (thay)
24 - Lang (- -) quân (- -)
25 - Ở (dạ) đảo (điên)
26 - (- -) Là (tiếng)
27 - (Tiếng) dế (ngâm)
28 - Vắng (vỏi) thêm (sầu)

Lớp III :

29 - (- -) (- -)
30 - Ta la (sầu) nhớ (đâu)
31 - Là là (sầu) vì (đâu)
32 - (- -) Rã đôi (ta)
33 - Biết (sao) răng (chừ)
34 - Ta lý (chàng) hay (chăng)
35 - Ý (ỷ) ý y (- -)
36 - (- -) (Hiệp)
37 - (Mặt) (nhau)

Digitized by www.namkyluctinh.org

	38 -	Xê	(XẢNG)	Xang Xư	(HÒ)
	39 -		(- -)	Xê	(XANG)
	40 -	Xể	(- -)	Xê Xang	(- -)
	41 -	Xê Xang	(XƯ)	Xế Hò Xư	(XANG)
Lớp IV:	42 -		(- -)		(- -)
	43 -	Liu Liu	(XỀ)	Xề Oan	(LIU)
	44 -	Xàng	(- -)	Xệ Lỉu	(LIU)
	45 -	Xáng Xáng	(OẠN)	OẠN Lỉu	(LIU)
	46 -		(- -)		(- -)
	47 -	Tồn Là	(HÒ)	Hò Xư	(XANG)
	48 -	Xáng Xáng	(XỀ)	Xề Oan	(LIU)
	49 -		(- -)		(- -)
	50 -	Tồn	(LIU)	Líu Xê	(XANG)
	51 -	Tồn	(LIU)	Líu Xê	(XANG)
	52 -	Xê Xể	(XỀ)	Xang Xư	(XANG)
	53 -		(- -)		(- -)
	54 -	Hò Là	(HÒ)	Hò Xư	(XANG)
	55 -	Xể Xê	(- -)	Xang Xư	(XANG)
	56 -	Xể Xê	(- -)	Xang Xư	(HÒ)
	57 -		(- -)		(- -)
	58 -	Lỉu Liu	(XỀ)	Xề Oan	(LIU)
	59 -	Liu Lỉu	(LIU)	Lỉu	(LIU)

Digitized by www.namkyluctinh.org

38 - Chưa (phỉ) chung (tình)
39 - (- -) Trách (thay)
40 - Lang (- -) quân (- -)
41 - Lỗi (thệ) bách (niên)

<u>Lớp IV</u> :

42 - (- -) (- -)
43 - Ta là (lòng) lòng (trông)
44 - Màn (- -) phụng ngồi (không)
45 - Ta là (lòng) lòng (trông)
46 - (- -) (- -)
47 - Ta là (lòng) tương (tư)
48 - Ta là (lòng) tương (tư)
49 - (- -) (- -)
50 - (Gió) đêm (đông)
51 - Là (gió) đêm (đông)
52 - Lạnh (lẽo) ngoài (hiên)
53 - (- -) (- -)
54 - Lòng là (lòng) là lòng dạ (trông)
55 - Chiếc bách (- -) linh (đinh)
56 - Nổi trôi (- -) một (mình)
57 - (- -) (- -)
58 - (Sầu) vì (duyên)
59 - (Thảm) nỗi (duyên)

Digitized by www.namkyluctinh.org

Digitized by www.namkyluctinh.org

Nhị Tấn

Phần Phụ Lục

Trung Tâm Văn Hóa quận 8
Câu Lạc Bộ Đờn Ca Tài Tử quận 8
– 1997 –
Digitized by www.namkyluctinh.org

Digitized by www.namkyluctinh.org

BA BẢN NAM
Tô Huệ "Chức Cẫm Hồi Văn"

Lời ca xưa

NAM XUÂN :

Lớp I :

1.- (Đây) đó (- -)
Đành (- -) kết nguyền bạn (loan)
2.- Nguyện (- -) trăm năm (- -)
Gắn chặc (bền) keo sơn (- -)
3.- (Duyên) sắt (cầm)
Đôi ta (- -) đà cạn lời (vàng)
4.- Cho (- -) trọn niềm (- -)
Chức (Nữ) Ngưu Lang (- -)
5.- Noi (Tư) Mã xưa (- -)
Khúc (- -) Phụng Cầu (Hoàng)
6.- Phỉ (- -) nguyền (- -)
Quân (tử) tạo đoan (- -)
7.- (Như) xuân huê (cười)
(Ong) bướm nhộn (nhàn)
8.- Đôi lứa (nầy) xem tợ Thôi (Trương)
Sánh (- -) mới ngoan (- -)

Lớp II :

9.- (Xin) nắm (- -)
Giữ (- -) câu tam (tùng)
10.- Người (- -) thuyền quyên (- -)
Sánh với (trai) anh hùng (- -)
11.- An (- -) giấc (hoè)
Màn (- -) loan trướng (trung)
12.- Tương (tư) mấy lời (- -)
Như (đàn) năm cung (- -)
13.- (Duyên) liễu yếu (- -)
Má (- -) phấn má (núng)
14.- Đóa (- -) đào yêu (- -)
Chi khác (nào) huê dung (- -)
15.- Giai (ngẫu) tự thiên (thành)
Lương duyên (- -) do túc (đế)
16.- Thiếp (- -) nguyện ghi (lời)
Cho trọn (niềm) thủy chung (- -)

Lớp III :

17.- (Ta) kể (- -)
Từ (- -) những ngày ban (sơ)

Digitized by www.namkyluctinh.org

18.- Gió (- -) đưa duyên (- -)
Ấy ơn (nhờ) ông Tơ (- -)
19.- Nguyệt (Lão) khéo se dây tơ (hồng)
Xui (- -) duyên (nợ)
20.- (Một) (nhà)
Liễu (yếu) đào thơ (- -)
21.- (Xuân) chiêm (- -)
Mai (- -) rực (chờ)
22.- Ba (- -) sanh (- -)
Có (- -) hạnh thờ (- -)
23.- Ấy (- -) thì mới (đặng)
Cá nhạn (- -) chung một (lờ)
24.- Chim (- -) xanh khéo (- -)
Đem (tờ) đem thơ (- -)

<u>Lớp IV</u> :

25.- (Đôi) ta (- -)
Thành (- -) cũng vì thiên (công)
26.- Tạo (- -) hóa se (- -)
Cám ơn (tài) non sông (- -)
27.- (Tha) thiết (tình)
Coi như (- -) người tiên (bồng)
28.- Khác (- -) nào (- -)
Ong (bướm) xa bông (- -)
29.- (Ai) canh cải (- -)
Thề (- -) có non cao bể (rộng)
30.- Một (- -) lời (- -)
Đứng (giữa) hư không (- -)
31.- (Có) nơi mô (nào)
Đưa (- -) khách má (hồng)
32.- Trượng phu (tùng) phải đạo tam (cang)
Chẳng (- -) đoái trông (- -)

<u>Lớp V</u> :
(Lớp Trống 1)

33.- (Từ) ngày (- -)
Bạn (- -) giao dắt (trâm)
34.- Khăn (- -) khăn tình (- -)
Niềm cang (thường) nhứt tâm (- -)
35.- (Gió) đẩy đưa duyên (hài)
Ta (- -) mừng (thầm)
36.- (Như) loan (- -)
Như (phụng) tình thâm (- -)
37.- (Tơ) tóc (ấy)
Nghĩa (- -) kia thâm (trầm)

Digitized by www.namkyluctinh.org

38.- Còn (- -) chưa bỏ (- -)
Bạn (- -) tri âm (- -)
39.- Trăm (- -) năm (nguyền)
Thề xưa (- -) tích đó ta không (lầm)
40.- Duyên (- -) kim (cải)
Phải (theo) ôm cầm (- -)

<u>Lớp VI</u> :
(Lớp Trống 2)

41.- (Đêm) xuân (- -)
Quằn quại (- -) đóa liễu (mai)
42.- Áo (- -) nảo nùng (- -)
Đều mơ (màng) cả hai (- -)
43.- (Bóng) thỏ ve canh (gà)
Đêm (- -) càng (dài)
44.- (Đôi) ta (- -)
Có (nghĩa) nào phai (- -)
45.- (Chàng) có (nghĩa)
Lại (- -) thêm có (tài)
46.- Coi (- -) đã đáng (- -)
Phận (- -) làm trai (- -)
47.- Thiếp (nguyền) noi (theo)
Khương (Thị) sánh duyên (hài)
48.- Gương (- -) kia tỏ (- -)
Trâm (kia) thiếp cài (- -)

(ca trở lại 20 câu Nam Xuân từ câu 1 đến câu 20 rồi qua Nam Ai)

NAM AI

<u>Bốn câu gối</u> :

69 / 1.- (Khi) vưng (- -)
Chiếu chỉ (- -) ra đề (cờ)
70 / 2.- Từ (- -) chàng đi (- -)
Thiếp bặt (tin) đợi chờ (- -)
71 / 3.- Như (- -) hồng nhạn kêu (thu)
Sông (- -) Hớn bơ (vơ)
72 / 4.- Nảo (- -) nùng (- -)
(Tiếng) ngẫn ngơ (- -)

<u>Lớp I</u> :

73 / 1.- Trách bấy ông (Tơ) se lơi mối (sầu)
Vấn vương (- -) để như tóc như (tơ)
74 / 2.- Nghĩ (- -) mấy lời (- -)
Từ ngày (chàng) ban sơ (- -)
75 / 3.- Nhớ (- -) những khi thiếp (nguyện)
Trăm (năm) tam tùng (thờ)

Digitized by www.namkyluctinh.org

76 / 4.- (Chàng) mần (răng)
Ý (- -) lảng lơ (- -)
77 / 5.- Chơn (- -) đi thăm (thẳm)
Mắt (- -) ngấn luống (nhớ)
78 / 6.- Cách (- -) núi ải (- -)
Biết bao (chừ) trao thơ (- -)
79 / 7.- Má phấn (- -) duyên phai (lợt)
Hồng nhan (- -) trông đợi (chờ)
80 / 8.- (Trướng) lý (để)
Cho (bụi) trần nhơ (- -)

Lớp II :

81 / 9.- Kìa (- -) cờ ai thấy (bóng)
Tiếng (trống) vẵng xa (xa)
82 / 10.- Đó (- -) hay là (- -)
Chiếu chỉ (triệu) chồng ta (- -)
83 / 11.- (Chốn) giang (biên)
Chàng (- -) có hay chăng (là)
84 / 12.- Tương (- -) tư để (- -)
Lụy tủi (phận) hằng nga (- -)
85 / 13.- (Đêm) đông (- -)
Quạnh quẻ (- -) tiếng quyên (hòa)
86 / 14.- Gìn (- -) lòng son (- -)
Chờ (cho) trăng già (- -)
87 / 15.- Luông (- -) tuồng bao (nỡ)
Vắng bặt (- -) nhạn tin (qua)
88 / 16.- Hay (- -) bướm ấy (- -)
Đã say (đắm) mê hoa (- -)

Lớp III :

89 / 17.- (Ô) thước (- -)
Qua (- -) sông ngân (trường)
90 / 18.- Nỡ (- -) nào để (- -)
Loan (phụng) sâm thương (- -)
91 / 19.- Chẳng (- -) biết no (nao)
Cá nước (- -) hội nhứt (trường)
92 / 20.- Kẻo (- -) nặng (nề)
Hai (chữ) oan ương (- -)
93 / 21.- (Ong) bướm (- -)
Dẫu (- -) sa mê hoa (hường)
94 / 22.- Cũng (- -) đoái tưởng (- -)
Nghĩa (- -) tào khương (- -)
95 / 23.- (Chiêm) bao (nài)
(Qua) cho tỏ (tường)

Digitized by www.namkyluctinh.org

96 / 24.- Kẻo (- -) trông (đợi)
Tháng (- -) ngày thương (- -)

Lớp IV :

97 / 25.- (Trông) tin (- -)
Chàng (- -) đêm nằm mơ (màng)
98 / 26.- Tỉnh (- -) giấc hòe (- -)
Trằn (trọc) thở than (- -)
99 / 27.- Năm (- -) canh (sầu)
Riêng lo (- -) cho bạn (vàng)
100 / 28.- (Phận) làm (trai)
Hiếu (- -) trung cang (- -)
101 / 29.- Bệ (ngọc) trên (- -)
Báu (- -) kiếm sắc (phán)
102 / 30.- Chốn (- -) giang biên (- -)
Ra khử (trừ) loài gian (- -)
103 / 31.- Nước non (- -) xa muôn (dặm)
Da ngựa (- -) bọc mình (chàng)
104 / 32.- Tuyết (- -) sương (lạnh)
Nơi (- -) đồng hoang (- -)

Lớp V :

105 / 33.- (Chàng) chừ (mô)
Quay cán (- -) đầu khử Ngụy (Bang)
106 / 34.- Đặng (- -) cho rồi (- -)
Trở (về) Trường An (- -)
107 / 35.- Kẻo (- -) tương tư (nầy)
Mày xanh (- -) sầu vỏ (vàng)
108 / 36.- Soi (- -) đài (gương)
Thẹn (- -) hồng nhan (- -)
109 / 37.- Châu (- -) lả (chả)
Lụy (- -) tuông đôi (hàng)
110 / 38.- Hiềm (- -) vì đâu (- -)
Xui duyên (nợ) lỡ làng (- -)
111 / 39.- Muôn (- -) trùng xa (cách)
Như (khách) ở ngoại (bang)
112 / 40.- Bao (- -) nỡ bỏ (- -)
Cái (nghĩa) ngưu lang (- -)

Lớp VI :

113 / 41.- (Thuở) ra (- -)
Đi (- -) bao lá (vàng)
114 / 42.- Bây (- -) chừ đã (- -)
Trắng (mai) rở ràng (- -)
115 / 43.- Cụm (- -) quế xơ (rơ)
Bóng (- -) nguyệt (tàn)

Digitized by www.namkyluctinh.org

116 / 44.- Ơn kia (- -) chưa trả (- -)
Oán (nọ) lại mang (- -)
117 / 45.- Nghe (- -) tiếng (dế)
Năm (- -) canh mơ (màng)
118 / 46.- Ngở (- -) lạc ngựa (- -)
Chàng (đà) hồi bang (- -)
119 / 47.- Duyên (- -) cớ (nào)
Bặt tăm (- -) lòng phụ (phàng)
120 / 48.- Để (- -) gió (thảm)
Mưa (- -) sầu khan (- -)

<u>Lớp VII</u> :
(Lớp Mái 1)

121 / 49.- Chẳng (biết) no nao (- -)
Hầu (- -) trở gót (về)
122 / 50.- Đặng (- -) đai vàng (- -)
Thẻ (bạc) bêu bia (- -)
123 / 51.- Răng rứa (- -) bạn niềm (tây)
Nhớ (- -) nghĩa nhớ (nghĩa)
124 / 52.- Kẻo (- -) hổ (thẹn)
Phận (- -) bèo kia (- -)
125 / 53.- (Mây) khói tỏa (- -)
Coi (- -) in cờ (rìa)
126 / 54.- Trống (- -) trường thành (- -)
Rung (trở) canh khuya (- -)
127 / 55.- Bâng (- -) khuâng nhớ (chàng)
Như (- -) nhạn chích (lìa)
128 / 60.- Lạy (- -) trời (- -)
Xin (chớ) phân chia (- -)

<u>Lớp VIII</u> :
(Lớp Mái 2)

129 / 61.- (Từ) ngày (- -)
Chàng (- -) ra chốn cung (đao)
130 / 62.- Thiếp trông (- -) tin chàng (- -)
Tợ như (cá) trông sao (- -)
131 / 63.- Ôm gối (- -) phụng màn (loan)
Áo (- -) nảo áo (nảo)
132 / 64.- Sao (- -) quên (lời)
Núi (hẹn) sông giao (- -)
133 / 65.- Ai (- -) lấp (thảm)
Cho (- -) khuây má (đào)
134 / 66.- Tương (- -) tư nầy (- -)
Răng (thấu) cung cao (- -)
135 / 67.- Ơn (- -) trên tha (về)
Cho (- -) rõ âm (hao)

Digitized by www.namkyluctinh.org

(trở hơi Xuân) 136 / 68.- Hiệp (- -) một nhà (- -)
Mới (phỉ) ước ao (- -)
(Ca trở lại 12 câu Nam Ai từ câu 1 đến câu 12 rồi tiếp theo)

149 / 1.- Nơi (- -) quan (ải)
Có (- -) tin về (nhà)
150 / 2.- Rày (- -) mừng thay (- -)
Tôi (chúa) hiệp hòa (- -)
151 / 3.- Nay (- -) phỉ (mừng)
Phu phụ (- -) hiệp nhứt (gia)
152 / 4.- Vui (say) tiệc rượu câu (đờn)
Khi giởn (nguyệt) lúc xem hoa (- -)
(Ca trở lại 20 câu Nam Xuân từ 1 đến câu 20 rồi qua Đảo)

ĐẢO NGŨ CUNG

4 câu Phản Xuân : 173 / 1.- (Trông) tin (- -)
Chàng (- -) vẫn đau (lòng)
174 / 2.- Nầy (- -) chàng ôi (- -)
Chàng (ôi) có hay (- -)
175 / 3.- Thiếp (- -) hằng (- -)
Ngóng (- -) trông tin (chàng)
176 / 4.- Đêm nằm (dựa) loan phòng (- -)
Trông (- -) tàn canh (- -)

Lớp I : 177 / 1.- Thiếp (- -) mảng (nhớ)
Thương (- -) thân của (chàng)
178 / 2.- Ra (- -) vào (- -)
Mặt (ủ) mày ê (- -)
179 / 3.- Hương (- -) lửa (hương)
Bao (- -) giờ lỗi (nguyền)
180 / 4.- Mảng (- -) nhớ chàng (- -)
Thân (nầy) đây (- -)
181 / 5.- (Chàng) nơi (- -)
Ải (- -) lang thương (chàng)
182 / 6.- Chịu (- -) vỏ vàng (- -)
Sương (dầm) gối tuyết (- -)
183 / 7.- Thiếp (- -) nào có (rõ)
Ấm (- -) lạnh thế (nao)
184 / 8.- Chẳng (- -) biết sao (- -)
Chàng (bặt) tin (- -)

Digitized by www.namkyluctinh.org

Lớp II :

185 / 9.- Thiếp (- -) nghe trống (chiêng)
Tưởng (- -) chàng hồi (loan)
186 / 10.- Nhưng (- -) mà (- -)
Vẫn (- -) điềm nhiên (- -)
187 / 11.- Vì (- -) sao quá (lâu)
Chàng (- -) chẳng hồi (trào)
188 / 12.- Hay (- -) là chàng (- -)
Có (nơi) nào đây (- -)
189 / 13.- (Bướm) ong (- -)
Vẫn mê (- -) say bông (hồng)
190 / 14.- Chẳng (- -) nghĩ gì (- -)
Vợ (hiền) tệ xá (- -)
191 / 15.- Nỗi (- -) lòng trông (ngóng)
Vì (- -) ngóng tin (ai)
192 / 16.- Nỗi (- -) đớn đau (- -)
Cũng (tại) vì đâu (- -)

Lớp III :

193 / 17.- Chàng (nơi) ải (lang)
Có (- -) hay tin (chăng)
194 / 18.- Thiếp (- -) vì ai (- -)
Ngậm (đắng) trêu cay (- -)
195 / 19.- Từ (khi) chàng (đi)
Tính (- -) mấy thu (rồi)
196 / 20.- Cớ (- -) sao mà (- -)
Vắng (bặt) tin thơ (- -)
197 / 21.- Trống (- -) điểm sang (canh)
Chong (- -) ngọn đèn (lờ)
198 / 22.- Than (- -) thầm (- -)
Bóng (người) xơ rơ (- -)
199 / 23.- Tiếng (chuông) gành (kêu)
Phút (- -) đã canh (tàn)
200 / 24.- Nghe (- -) tiếng gà (- -)
(Vội) gáy tan (- -)

Lớp IV :

201 / 25.- Phòng (loan) thiếp (- -)
Than (- -) thầm cho (thân)
202 / 26.- Đôi (- -) hàng (- -)
Canh (tàn) vội tuông (- -)
203 / 27.- (Hương) lửa (hương)
Bao (- -) giờ phỉ (nguyền)
204 / 28.- Mảng (- -) nhớ chàng (- -)
(Thân) nầy đây (- -)

Digitized by www.namkyluctinh.org

205 / 29.- Kìa (nơi) ải (quan)
Thương (- -) thân (chàng)
206 / 30.- Chịu (- -) vỏ vàng (- -)
Sương (dầm) gối tuyết (- -)
206 / 31.- (Thiếp) nào có (rõ)
Ấm (- -) lạnh thế (nao)
208 / 32.- Chẳng (- -) biết sao (- -)
(Chàng) không nhớ (- -)

Lớp V :

209 / 33.- (Nở) đành (- -)
Để (- -) cho (thiếp)
210 / 34.- (Ngày) trông đêm (nhớ)
Tệ (- -) chi lắm (bấy)
211 / 35.- Keo (- -) sơn tóc (tơ)
Vẫn (- -) còn sờ (sờ)
212 / 36.- Bao (- -) nỡ đành (- -)
(Dạ) lơ lảng (- -)
213 / 37.- Phòng (- -) loan thiếp (than)
Với (- -) ngọn đèn (lờ)
214 / 38.- Năm (- -) canh chầy (- -)
Trống (lầu) vội đổ (- -)
215 / 39.- (Mảng) sầu vì (đó)
Mà trống (- -) điểm tàn (canh)
216 / 40.- Cớ (- -) sao mà (- -)
Chàng (chẳng) đoái trông (- -)

Lớp VI :

217 / 41.- (Thiếp) nghe trống (chiêng)
Tưởng (- -) chàng hồi (bang)
218 / 42.- Nhưng (- -) mà (- -)
Vẫn (cũng) điềm nhiên (- -)
219 / 43.- (Vì) sao quá (lâu)
Chàng (- -) chẳng hồi (trào)
220 / 44.- Hay (- -) là chàng (- -)
Có (nơi) nào đây (- -)
221 / 45.- (Bướm) ong (- -)
Mê say (- -) bông (hồng)
222 / 46.- Chẳng (- -) nghĩ gì (- -)
Vợ (hiền) tệ xá (- -)
223 / 47.- (Có) nơi (nao)
Đưa (- -) khách má (hồng)
224 / 48.- Trượng (- -) phu tùng (- -)
Cung thương (chẳng) đoái trông (- -)

Digitized by www.namkyluctinh.org

<u>Lớp VII</u> : 225 / 1.- (Từ) ngày (- -)
(Lớp Song Cước 1) Bạn (- -) giao dắt (trâm)
226 / 2.- Khăn (- -) khăn tình (- -)
Niềm cang (thường) nhứt tâm (- -)
227 / 3.- (Gió) đẩy đưa duyên (hài)
Ta (- -) mừng (thầm)
228 / 4.- (Như) loan (- -)
Như (phụng) tình thâm (- -)
229 / 5.- (Tơ) tóc (- -)
Nghĩa (- -) kia thâm (trầm)
230 / 6.- Còn (- -) chưa bỏ (- -)
Tình (bạn) tri âm (- -)
231 / 7.- (Trăm) năm thề (xưa)
Tiết để (- -) ta không (lầm)
232 / 8.- Duyên (- -) kim cải (- -)
Phải (theo) ôm cầm (- -)

<u>Lớp VIII</u> : 233 / 9.- (Đêm) xuân (- -)
(Lớp Song Cước 2) Quằng quại (- -) đóa liễu (mai)
234 / 10.- Áo (- -) nảo nùng (- -)
Đều mơ (màng) cả hai (- -)
235 / 11.- (Bóng) thỏ ve canh (gà)
Đêm (- -) càng (dài)
236 / 12.- Đôi (- -) ta (- -)
Có (nghĩa) nào phai (- -)
237 / 13.- (Chàng) có (nghĩa)
Lại (- -) thêm có (tài)
238 / 14.- Coi (- -) đã đáng (- -)
(Phận) làm trai (- -)
239 / 15.- Thiếp (nguyền) noi theo Khương (thị)
Sánh (- -) duyên (hài)
240 / 16.- Gương (- -) kia tỏ (- -)
Trâm (kia) thiếp cài (- -)

(Trích trong quyển Cổ Nhạc Tầm Nguyên của nhạc sĩ Võ Tấn Hưng)

XÀNG XÊ
Kho vàng Sầm Sơn

Lời ca : Sáu Hải

1.- (--) (--)
(--) Thủ đô Bắc (Hà)
(- -) Vào triều (vua)
Lê Cảnh Hưng (năm) thứ bốn mươi (sáu)

Digitized by www.namkyluctinh.org

2.- (- -) Đã hân (hạnh)
Được cung (nghinh) Bắc Bình Vương Nguyễn (Huệ)
(- -) Thống lãnh đại đội binh (hùng)
Hát khúc khải (hoàn) vào cổ lũy Thăng (Long)

3.- (Sau khi phá giặc đã thành công)
(- -) Vì (thấy)
Lê, Trịnh tranh (hùng) làm cho muôn dân đồ (thán)
Nguyễn tướng (quân) mới diệt Trịnh phò (Lê)

4.- Tiểu trừ bọn (Trịnh) Đinh Tích Phương tư quyền cậy (thế)
Và đã (hạ) được thành Sơn (Nam)
(- -) Mới nhập kinh (đô)
Để đến Nam Giao (đài) bái mạng vua Lê Hiển (Tôn)

5.- (- -) Rồi vì một tài (danh)
Của viên dõng (tướng) thiếu niên anh hùng lỗi (lạc)
Và có (lòng) muốn nương (nhờ)
Vào (quyền) bảo hộ của Tây (Sơn)

6.- (- -) Hiển Tôn hoàng đế gả (cho)
Vị khách thân ấy lịnh ái (nữ) là công-chúa Ngọc (Hân)
(- -) Kịp (đến)
Ngày mười (ba) tháng tám năm Bính (Ngọ)

7.- (Vua) Thái Đức nhà Tây (Sơn)
Là Nguyễn (Nhạc) ngự ra Bắc (Hà)
(Thì) tân quân Lê Chiêu (Thống)
Thừa (nghinh) rất trân trọng uy (nghi)

8.- (- -) Và (phân)
Rằng từ lịnh phụ (vương) chẳng may thất (lộc)
(- -) Trẩm kế vị ngôi (trời)
Đồ (lao) cộng tác với bá (quan)

9.- (Chỉ mong trăm họ được vỗ an)
(- -) Từ trẩm biết (rằng)
(Tuổi) trẩm còn thiếu (niên)
Mà việc trào (đình) quá ư to (tác)

10.- Thế (nên) vận mạng của Lê (triều)
Lúc rủi (may) với cơn an (biến)
Từ (đây) chỉ dám mong (nhờ)
Nơi lượng hải hà ơn tương (trợ) của Tây Sơn (Vương)

11.- (Ơn đức rưới khắp bốn phương)
(- -) Sau khi Thái (Đức)
Thượng (hoàng) vì tình thông gia mà (đã)
Nhận lời (- -) bảo hộ của nhà (Lê)

Digitized by www.namkyluctinh.org

12.- (Thì) liền cùng tân (quân)
Lê Chiêu (Thống) phân tay giả (từ)
(Để) toan điều (độ)
Quân tình (- -) trở lại miền (nam)
13.- Rồi phò (mã) là Vũ Văn (Nhậm)
Đương (kiêm) Đô đốc tả (quân)
Và ngự (đệ) là Nguyễn (Huệ)
Đồng khải (tấu) với lịnh thiên (nhan)
14.- Xin (bỏ) Hữu quân đô (đốc)
(Nguyễn) Hữu Chỉnh lại đất (Bắc)
Vì nuôi ong tay (áo) nuôi khỉ dòm (nhà)
Dưỡng (hổ) e di họa về (sau)
15.- (Nguyễn Nhạc y lời độ binh về Nam)
(- -) Hay (tin)
Nguyễn Hữu (Chỉnh) vội vả xuống (thuyền)
Bôn ba lướt (sóng) theo dõi nam (hoàng)
16.- (Còn) bao nhiêu của bất (nhân)
Và tiền phi (nghĩa) đã thâu thập tại Bắc (Hà)
(Thì) giao cho con út (là)
Nguyễn Anh (Tề) cho thuyền lỏn theo (sau_
17.- (Hẹn đến Trung Kỳ sẽ gặp nhau)
(Nhưng) lúc ấy Nguyễn công (tử)
(Đã) tư tình cùng ái (nữ)
Tả quân đô (đốc) là quận chúa Võ An (Trinh)
18.- (- -) Nên (mới)
Đem nhau xuống (thuyền) định trốn gia đình ra (đi)
Chẳng (may) đến biển Sầm (Sơn)
Bị giặc Tàu (Ô) chận đánh đắm (thuyền)
19.- (Bao nhiêu của cải đều chìm)
(- -) Thành thử (ra)
Sầm (Sơn) ngày nay (là)
Nơi trai gái tân (thời) tắm biển vui (chơi)
20.- (Nhưng) Sầm Sơn từ (hai)
Thế kỹ xưa (đã) dấu kín một kho (vàng)
Sầm Sơn đã vùi (lấp) biết bao kỷ (niệm)
Bi hùng từ (đời) chúa Trịnh vua (Lê).

(Trích Cổ Nhạc Tầm Nguyên của Võ Tấn Hưng)

Digitized by www.namkyluctinh.org

GIỖ TỔ NHẠC LỄ NAM BỘ

Nhạc Lễ xã Phước Hậu hằng năm vào ngày mùng 9 tháng 9 âl. long trọng tổ chức ngày Lễ giỗ Tổ, không những chỉ tin tưởng Tổ nghiệp linh thiêng phò hộ cho nghề nghiệp mình làm ăn tấn triển mà còn là một dịp để tỏ lòng biết ơn đối với các bực tiền nhơn, đã dày công xây đắp cho ngành Nhạc Lễ, một loại hình âm nhạc cúng tế cổ truyền dân tộc, ngày càng tinh hoa bác học. Đạo lý cao đẹp "Ăn trái nhớ kẻ trồng cây, uống nước nhớ người đào giếng", đã thấm nhuần trong tim trong óc của mỗi con người Việt Nam nên chúng ta cần phải trân trọng giữ gìn.

Tuy nhiên Tổ của Nhạc Lễ là ai ? và ngày truyền thống giỗ Tổ trong ngành là ngày nào ?

Trước tiên, chúng ta hãy xem qua cách thờ Tổ Hát Bội, một ngành có liên quan mật thiết với Nhạc Lễ. Bàn thờ Tổ để một cái tráp gỗ sơn đỏ, vuông vức, có 2 cửa mở như một cái tủ, phía trong lót hàng đỏ, có nhiều bực, trong đó thấy 10 tượng gỗ nhỏ mặc lễ phục, đầu bịt khăn vải đỏ, mình mặc áo vạt khách xanh hay lục, quần lụa trắng (màu xanh : áo quan văn, màu đỏ : áo quan võ). Trước 10 tượng ấy có 2 tượng nữa cũng khăn áo như vậy, nhưng được để hai bên cái ngai, trên 2 chiếc ghế nhỏ. Người Trung Hoa gọi 2 tượng nầy là Hý Thần và cũng như trong rạp Hát Bội Việt Nam, nếu có màn đào đẻ thì thỉnh 2 tượng ấy làm hài nhi.

Hát Bội ta, gọi những tượng ấy là ông Làng và thờ như Tổ. Mỗi năm Hát Bội có lệ Giỗ Tổ ngày 12 tháng 8 âl. Toàn ban quỳ trước bàn thờ, ông Nhưng đứng trước vái như vầy :"Các cửu Lịnh Bà, chư vị Thánh Tổ, Tiên Sư, Thánh Sư, Tổ Sư, Tam Giáo Đạo Sư, Thập Nhị Công Nghệ, Lão Lang Đại Thần, Tiền Hiền, Hậu Hiền, Tả Ban, Hữu Ban, chư vị Thánh Tổ cảm ứng chứng miêng".

Trong câu vái hỗn hợp nầy, có 4 tiếng "Lão Lang Đại Thần", không biết có liên hệ chi với 2 tiếng "Ông Làng" ám chỉ chung tất cả các vị tổ tiên Hát Bội hay không ?

Ta thấy Hát Bội Việt Nam thờ Tổ không giống người Trung Hoa. Về các linh thần được sùng bái, không ai có tài liệu đích xác, nhưng truyền thuyết về Ông Làng Hát Bội có câu chuyện như sau : Thuở xưa không rõ đời nào, có 2 vị hoàng tử mê Hát Bội cho đến bỏ ngủ bỏ ăn, lâu ngày sanh bịnh. Vua cha mới cấm 2 vị không được bén mảng đến bội đình. Nhưng đêm nọ, 2 ông hoàng lẻn ra khỏi cung, núp trong một góc bội đình để xem hát. Thị thần lục kiếm khắp nơi, đến khi kiếm được thì 2 vị vì lạnh ôm nhau lịm đi, ít hôm sau thì chết. Sau hiện hồn về phò hộ con hát nên được họ thờ kính như ông Tổ. Tượng gỗ được gọi là ông Hoàng, lâu ngày đọc trại ra ông Làng, rồi cứ như thế mà gọi cho đến nay.

Digitized by www.namkyluctinh.org

Hậu trường cấm người lạ, nhứt là trẻ con, e nó nghịch đem trái thị vào thì nguy vì họ tin rằng ông Làng rất thích hương trái thị, hể đánh hơi được là bỏ gánh hát ra ngoài, mất sự phò hộ của Thần, đào kép không diễn được.

Ngày Giỗ Tổ Hát Bội là ngày 12 tháng 8 âl.

Câu vái Cúng Tổ tổng hợp của Hát Bội đã bao gồm Tiên Sư, Thánh Sư, Tổ Sư, Tiền Hiền, Hậu Hiền… là một câu nói lên lòng biết ơn của những người lớp sau đối với các bực thầy đi trước nên được giới chơi Nhạc Tài Tử và giới Sân Khấu Cải Lương Nam bộ chọn ngày Giỗ Tổ Hát Bội làm ngày Giỗ Tổ cho ngành mình.

Xét qua lịch sử, những bực có công đóng góp cho ngành âm nhạc và ca vũ của Việt Nam từ trước tới nay:

Nước ta thuộc chung nền văn minh Đông Á với Trung Quốc, sớm giao thiệp với Hán tộc nên các vua ta cũng như các vua chúa bên Trung Quốc lập ban Nhã Nhạc dùng khi tế tự Giao Miếu và ban Nữ Nhạc dùng trong những dịp khánh tiết, tiếp đãi sứ thần ngoại quốc hay yến tiệc.

Dùng Nhã Nhạc trong việc tế tự, tỏ ra nghi lễ nghiêm trang, trọng đại. Dùng nữ nhạc vào cuộc vui mừng, tỏ ra thiên hạ thái bình vô sự.

Từ đời Nhà Đinh và Tiền Lê trở về trước, không có sách nào nói đến ca vũ nhạc. Từ đời Nhà Lý xuống đến Nhà Nguyễn, các sách chánh sử và dã sử có ghi chép rõ ràng.

Nhà Lý năm Thiên Thành thứ 2 (1029) đời vua Thái Tôn, ngày sanh nhựt gọi là tiết Thiên Thánh, thổi sáo, khảy đờn, múa hát làm vui.

Năm Thiên Cảm Thánh Võ nguyên niên (1044), vua Thái Tôn đi đánh nước Chiêm Thành, tiến vào kinh đô Phật Thệ, bắt được cung nữ Chiêm Thành hơn 100 người đưa về kinh đô Thăng Long thị yến, bọn ấy múa hát khúc Tây Thiên rất khéo.

Vua Thánh Tôn (1054-1072) thông kinh truyện, tinh âm luật, phiên chế ra nhạc khúc, sai bọn nhạc công hát. Vua làm ra cái Tiết Cổ Âm như hình bàn cờ, ở giữa khoét một lỗ tròn, khi tấu nhạc thì đặt cái trống vào đó mà đánh, tiếng nghe rất nhịp nhàng.

Vua Nhân Tôn (1073-1127), sở trường về âm luật, những ca khúc nhạc công luyện tập đều do nhà vua chế tác.

Năm Đại Định nguyên niên (1140), vua Anh Tôn cử Đỗ Anh Vũ làm Cung Điện Lịnh Tri Nội Đại Sự vào hầu hạ, múa hát trong nội đình.

Digitized by www.namkyluctinh.org

Năm Thiên Gia Bảo Hựu thứ 2 (1203), mùa thu tháng 8, vua Cao Tôn chế ra khúc nhạc theo điệu Chiêm Thành gọi là Chiêm Thành nhạc khúc. Vua ngự hành cung Hải Thanh, sai nhạc công khảy đờn Bá Lỗ, ca nữ hát theo khúc nhạc Chiêm Thành.

Đời Nhà Trần năm Nguyên Phong thứ 2 (1252), vua Thái Tôn ban yến cho quần thần ở nội điện, khi rượu say các quan cầm tay nhau mà hát, lại có một viên quan đội mũ bằng mo cau, tay cầm dùi, đứng chỉ huy cuộc hát và uống rượu.

Năm Thiệu Long thứ 13 (1270) đời vua Thánh Tôn, Phiêu Kỵ Tướng Quân Trần Quốc Khang đến trước Thượng Hoàng múa điệu Mọi. Thượng Hoàng cởi áo ban cho Quốc-Khang rồi cùng múa điệu Mọi theo.

Năm Trùng Hưng thứ 4 (1288) đời vua Nhân Tôn, khi quân ta đã thắng quân Nguyên, vua ban chiếu, đại xá thiên hạ, mở tiệc ăn mừng 3 ngày gọi là Thái Bình diên yến, treo cờ kết hoa, bày các trò múa hát, đua thuyền, đốt pháo bông cho thần dân cùng vui vẻ.

Năm Hưng Long thứ 18 (1310) đời vua Anh Tôn, đưa tử cung Nhân Tôn Thượng Hoàng từ điện Diên Hiền đến táng ở lăng Quy Đức. Lúc cử hành lễ phát dẫn, dân chúng đi xem đầy đường không làm sao rướt được xe tử cung. Quan Chỉ Hậu Chánh Chưởng là Trịnh Trọng Tử phải theo lối Cổ Vãn đặt ra khúc Long Ngâm, cho quân sĩ đi hai bên đường vừa đi vừa hát, dân chúng xô nhau đến nghe hát, bấy giờ mới rước được xe tử cung đi.

Đời vua Hiến Tôn (1329-1341) Tá Thánh Thái Sư Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật, sửa lại tiết tấu âm nhạc và các điệu ca vũ, trong nhà ông lúc nào cũng có tiếng ca hát.

Trong năm Thiên Bảo (1279-1284) đời vua Nhân Tôn, quân ta đại phá quân Nguyên, bắt được người phường tuồng là Lý Nguyên Cát ở trong quân của Toa Đô. Nguyên Cát khéo múa hát, phỏng theo tiếng ta, làm ra các vở tuồng như vở Vương Mẫu Hiến Bàn Đào.

Năm Thiệu Phong thứ 10 (1350) đời vua Dụ Tôn, người nhà Nguyên là Đinh Bàng Đức, nhân nước loạn, đưa vợ con xuống thuyền vượt biển sang nước ta. Bàng Đức cầm gậy múa hát các lối rất khéo, người nước ta thấy, đua nhau đến học.

Đời nhà Hồ năm Khai Đại (1403-1407), Hồ Hán Thương phiên chế ca nhạc, lấy con các quan văn làm Kinh Vĩ Lang, con các quan võ làm Chỉnh Đốn Lang vào tập múa hát.

Đời nhà Lê, năm Thiệu Bình thứ 3 (1436), vua Thái Tôn sai Nhập Nội Hành Khiển Nguyễn Trãi và Hoạn quan Lương Đăng định lại nhã nhạc, Nguyễn-

Digitized by www.namkyluctinh.org

Trãi dâng sớ từ chối. Lương Đăng định nhã nhạc mới, phỏng theo nhạc khí nhà Minh, đặt ra khúc nhạc tấu ở trên điện và khúc nhạc tấu ở dưới thềm.

Năm Hồng Đức, vua Thánh Tôn (1470-1497) sai các quan văn thần kê cứu âm nhạc nước Tàu, đặt ra bộ Đồng Văn và bộ Nhã Nhạc để dạy ca vũ nhạc.

Đời vua Thần Tôn (1619-1643), Lộc Khê Hầu Đào Duy Từ giúp chúa Nguyễn Phước Nguyên, đặt ra những điệu múa mới và sửa lại các vũ khúc cổ, để dùng khi khánh tiết.

Đời Nhà Nguyễn, năm Minh Mạng thứ 7 (1826), bà Hoàng Thái Hậu lên thọ lục tuần đại khánh, quan Hữu Tư dựng thái lâu ở cửa Tiên Thọ, trong bày các thứ âm nhạc. Vua cùng các quan rước Hoàng Thái Hậu lên xem nhạc công múa khúc Trinh Tường rồi hòa bản nhạc Bát Man.

Trong đời nhà Lê có Đinh Lễ, quê ở làng Cổ Đạm tỉnh Hà Tĩnh, lấy gỗ ngô đồng chế ra đờn đáy, rồi cùng với vợ là Bạch Hoa đặt ra nhiều khúc hát mới, dạy bọn đệ tử hát, đời sau được tôn là Tổ Cô Đầu.

Bàn thờ Tổ của các ban Nhạc Lễ, không có thờ những vị tổ do mê tín như trong Hát Bội mà chỉ thờ bốn chữ Lịch Đợi Tổ Sư nghĩa là Tổ Sư trải qua nhiều thời đại, và như vậy đã đầy đủ nói lên lòng biết ơn đối với Tiên Sư (thầy dạy trước tiên), Thánh Sư (thầy dạy đạo đức), Tổ Sư (thầy dạy nghề nghiệp), Tiền Hiền, Hậu Hiền… Thường các ban Nhạc Lễ giỗ Tổ vào ngày mùng 3 hoặc mùng 4 tháng 8 âl. Nhạc Lễ Phước Lâm, Phước-Hậu, chọn ngày Trùng Cửu (mùng 9 tháng 9âl.) làm ngày giỗ Tổ, một ngày tốt, thuộc quẻ Thái, ngày âm dương hòa hợp, thiên địa tương giao, ngày vía của vì sao Khôi Tinh mà do lòng tin tưởng của người Á Đông là vì sao nầy là Thần Văn Nghệ.

Ở đây, Nhạc Tài Tử cũng như Nhạc Lễ, chúng ta có thể ghi nhớ thêm công đức của các bực Hậu Tổ, trong đó có ông Nguyễn Quang Đại (tức Ba Đợi), một nhạc quan của triều đình nhà Nguyễn (trong biến cố vua Hàm Nghi) bỏ kinh thành vào nam hành nghề dạy nhạc. Ông đã có công lớn trong việc phổ biến nhạc ta khắp mọi từng lớp nhân dân, tạo rất nhiều môn đệ tài năng, đức độ, khắp mọi vùng đất Nam Bộ, nhứt là miệt Saigon – Gia-Định, Cần-Giuộc, Cần-Đước. Ông đã sửa đổi lại một số bài bản của Ca Nhạc Huế, cải cách lối ấn nhịp cho hợp với tánh tình, ngôn ngữ của cư dân vùng đất mới phương nam, sáng tác mới một số bài bản, tạo thêm hơi điệu Bắc, Hạ, Nam, Oán, Xuân, Ai, Đão, Ngự, đã nâng nhạc ta lên hàng nhạc bác học và cắm gốc vững chắc trong nền Triết học đông phương về phong cách chơi Đờn Ca Tài Tử Nam Bộ.

Đối với Nhạc Lễ, ông đã bổ sung và chấn chỉnh lại Nhạc Lễ, đã có sẵn tại Cần Giuộc, Cần Đước, cho hợp lễ nghi phong tục và lần hồi những ban nhạc do ông dạy được truyền bá thống nhứt toàn miền nam, tạo nên nét đặc thù của Nhạc Lễ Nam Bộ, nhưng vẫn giữ đậm đà bản sắc dân tộc Việt Nam. Bàn thờ Tổ với 4

Digitized by www.namkyluctinh.org

chữ Lịch Đợi Tổ Sư trong đó rất xứng đáng có vị Hậu Tổ Nguyễn Quang Đại (tức Ba Đợi).

Cần Giuộc ngày 17-10-1999

NHỊ TẤN

Tài liệu tham khảo :

- Hát Bội Việt Nam của Huỳnh Khắc Dụng
- Việt Nam Ca Trù biên khảo của Đỗ Bằng Đoàn – Đỗ Trọng Huề

Hết tập IV

Digitized by www.namkyluctinh.org

MỤC LỤC – TẬP 4

Tên bài **Tựa** **Trang**

Phần chánh biên

VI. Các bản Oán:

1 . Tứ Đại Vắn..... *Thúy Kiều Tự Trầm* 300
2 . Tứ Đại Oán..... *Bá Lý Hề* 303
3 . Phụng Hoàng Cầu ..... *Bỉ Vận Kiều Nương*.....310
4 . Giang Nam Cửu Khúc..... *Kim Kiều Hoa Viên Ngộ* 320
5 . Phụng Cầu Hoàng Duyên..... *Tư Mã Tương Như*.....332
6 . Ngươn Tiêu Hội Oán ..... *Đoạn Trường Tân Thanh*.....340
7 . Võ Văn Hội Oán ..... *Khí Tiết Thủ Khoa Huân* 346
8 . Bình Sa Lạc Nhạn ..... *Khúc Đoạn Trường*.....352
9 . Thanh Dạ Đề Quyên ..... *Chinh Phụ Thán Ca* 360

VII. Tám bản Ngự:

1 . Đường Thái Tôn..... *Cảnh Xuân* 368
2 . Vọng Phu..... *Xuân Nhựt Hoài Cố Nhân* 370
3 . Chiêu Quân ..... *Cảm Xuân Chúc Cẩm Hồi Văn*.....372
4 . Ái Tử Kê ..... *Thương Bầy Gà Con*.....374
5 . Bát Man Tấn Cống..... *Lạc Xuân*.....374
6 . Tương Tư ..... *Nguyệt Nga Ký Ngụ Lão Bà* 380
7 . Duyên Kỳ Ngộ ..... *Nguyệt Nga Từ Biệt Kim Liên* 384
8 . Quả Phụ Hàm Oan ..... *Thuyền Quyên Bạc Phận* 388

Phần Phụ Lục

1 . Ba Bản Nam..... *Tô Huệ Chức Cẩm Hồi Văn*.....395
2 . Xàng Xê ..... *Kho Vàng Sầm Sơn* 404
Bài Khảo Cứu..... *Giỗ Tổ Nhạc Lễ* 407

Digitized by www.namkyluctinh.org

Digitized by www.namkyluctinh.org

Nhị Tấn

MỤC LỤC

TẬP 1-5

Trung Tâm Văn Hóa quận 8
Câu Lạc Bộ Đờn Ca Tài Tử quận 8
– 1997 –
Digitized by www.namkyluctinh.org

Digitized by www.namkyluctinh.org

Tên bài	Tựa	Trang	Tập
Lời nói đầu		1	1
Lược khảo		5	1

Phần chánh biên

I. Các bản Lý:

1 .	Lý Vọng Phu	*Vọng Phu*	16	1
2 .	Lý Giao Duyên	*Trông Chồng*	18	1
3 .	Lý Ngựa Ô Bắc	*Bùi Kiệm Trêu Nguyệt Nga*	18	1
4 .	Lý Ngựa Ô Nam	*Nguyễn Trãi Tiễn Cha*	18	1
5 .	Lý Ngựa Ô Nam	*Nguyễn Trãi Tiễn Cha*	20	1
6 .	Lý Con Sáo	*Ngắm Cảnh Khơi Nguồn*	20	1
7 .	Lý Con Sáo	*Ngắm Cảnh Khơi Nguồn*	22	1
8 .	Lý Phước Kiến	*Từ Thị Quốc Thái*	22	1

II. Các bản gốc miền Trung:

1 .	Lưu Thủy Đoản	*Kim Kiều Hoa Viên Ngộ*	24	1
2 .	Bình Bán Vắn	*Kim Kiều Hoa Viên Ngộ (tiếp theo)*	24	1
3 .	Kim Tiền Huế	*Kim Kiều Hoa Viên Ngộ (tiếp theo)*	26	1
4 .	Hành Vân	*Nợ Cái Duyên Gì*	28	1
5 .	Tứ Đại Cảnh	*Nhị Thập Tứ Hiếu*	28	1

III. Các bản Bắc:

A – Thập bát thủ:

1 .	Thủ Lưu Thủy Tẩu Mã	*Đội Gạo Nuôi Cha Mẹ*	32	1
2 .	Thủ Phú Lục Tẩu Mã	*Kiếm Sữa Hươu Nuôi Cha Mẹ*	32	1
3 .	Thủ Bình Bán Tẩu Mã	*Đùa Để Vui Cha Mẹ*	34	1
4 .	Thủ Cổ Bản Tẩu Mã	*Khóc Tre Nẩy Măng*	34	1
5 .	Thủ Xuân Tình Tẩu Mã	*Bán Mình Chôn Cha*	36	1
6 .	Thủ Tây Thi Tẩu Mã	*Hái Dâu Nuôi Mẹ*	38	1
7 .	Thủ Lưu Thủy Vắn	*Cho Mẹ Chồng Bú*	40	1
8 .	Thủ Phú Lục Vắn	*Quạt Nồng Ấp Lạnh*	42	1
9 .	Thủ Bình Bán Vắn	*Nghe Tiếng Sấm Khóc Mồ Mẹ*	44	1
10 .	Thủ Cổ Bản Vắn	*Bỏ Quan Chức Đi Tìm Mẹ*	46	1
11 .	Thủ Xuân Tình Vắn	*Giữ Hổ Cứu Cha*	50	1
12 .	Thủ Tây Thi Vắn	*Nằm Trên Băng Tìm Cá Chép*	52	1
13 .	Thủ Lưu Thủy Trường	*Lòng Hiếu Cảm Động Đến Trời*	54	1
14 .	Thủ Phú Lục Chấn	*Cắn Tay Mẹ Đau Lòng Con*	58	1
15 .	Thủ Bình Bán Chấn	*Hưng Đạo Đại Vương*	62	1
16 .	Thủ Cổ Bản Trường	*Ông Trương Công Định*	66	1
17 .	Thủ Xuân Tình Chấn	*Anh Hùng Lý Thường Kiệt*	74	1
18 .	Thủ Tây Thi Trường	*Bình Định Vương Lê Lợi*	78	1

Phần Phụ Lục

1 .	Kim Tiền Huế	*Xuân Nghĩa Tình*	89	1

Digitized by www.namkyluctinh.org

Tên bài	Tựa	Trang	Tập
2 . Cửu Khúc Giang Nam	*Mộ Chiến Sĩ Vô Danh*	89	1
3 . Liêu Giang	*Mẹ*	91	1
4 . Tiểu Khúc	*Anh Hùng Dân Tộc Nguyễn Trung Trực*	91	1
Bài Khảo Cứu	*Đờn Kìm Và Dịch Học Đông Phương*	94	1

Phần chánh biên

B – Thập bát vĩ:

1 . Lưu Thủy Tẩu Mã	*Vân Tiên Cứu Nguyệt Nga*	100	2
2 . Phú Lục Tẩu Mã	*Nguyệt Nga Họa Tượng Vân Tiên*	100	2
3 . Bình Bán Tẩu Mã	*Vân Tiên Kết Bạn Hớn Minh*	102	2
4 . Cổ Bản Tẩu Mã	*Vân Tiên Kết Bạn Tử Trực*	102	2
5 . Xuân Tình Tẩu Mã	*Ông Quán*	104	2
6 . Tây Thi Tẩu Mã	*Ông Quán*	106	2
7 . Lưu Thủy Vắn	*Kiều Du Thanh Minh*	108	2
8 . Phú Lục Vắn	*Tiền Sử Việt Nam*	110	2
9 . Bình Bán Vắn	*Tích Đầm Nhứt Dạ*	110	2
10 . Cổ Bản Vắn	*Ngư Ông*	114	2
11 . Xuân Tình Vắn	*Bốn Vị Anh Hùng Chống Pháp*	116	2
12 . Tây Thi Vắn	*Trọng Thủy Mỵ Châu*	120	2
13 . Lưu Thủy Trường	*Bá Nha Tử Kỳ*	122	2
14 . Phú Lục Chấn	*Bá Nha Tử Kỳ (tiếp theo)*	126	2
15 . Bình Bán Chấn	*Nguyệt Nga Họa Tượng Vân Tiên*	130	2
16 . Cổ Bản Trường	*Tình Nghĩa Vợ Chồng*	134	2
17 . Xuân Tình Chấn	*Kiều Vãng Trọng Hiên*	140	2
18 . Tây Thi Trường	*Lễ Nhạc Giáo Hóa Dân Tâm*	146	2

C – 6 bản Bắc Tẩu Mã cải biên:

1 . Lưu Thủy Tẩu Mã	*Đường Quê*	152	2
2 . Phú Lục Tẩu Mã	*Đường Quê*	152	2
3 . Bình Bán Tẩu Mã	*Đường Quê*	154	2
4 . Xuân Tình Tẩu Mã	*Đường Quê*	154	2
5 . Tây Thi Tẩu Mã	*Đường Quê*	156	2
6 . Cổ Bản Tẩu Mã	*Đường Quê*	158	2

D – Bộ Ngũ Châu:

1 . Kim Tiền Bản	*Giống Rồng Tiên*	160	2
2 . Ngự Giá	*Từ Hải Lầm Mưu*	162	2
3 . Hồ Lan	*Thúy Kiều Lầm Mưu*	164	2
4 . Vạn Liên	*Dùng Mẹo Trị Côn Đồ*	164	2
5 . Song Phi Hồ Điệp	*Vọng Chinh Phu*	166	2

E – Bộ Tứ Bửu:

1 . Minh Hoàng Thưởng Nguyệt	*Khúc Nghê Thường*	168	2
2 . Ngự Giá Đăng Lâu	*Tửu, Nhạc Đăng Lâu*	170	2
3 . Phò Mã Giao Duyên	*Đêm Vu Quy*	172	2
4 . Ái Tử Kê	*Thương Bầy Gà Con*	174	2

Digitized by www.namkyluctinh.org

Tên bài	Tựa	Trang	Tập
Phần Phụ Lục			
1. Tứ Đại Oán	*Bùi Kiệm, Bùi Ông, Nguyệt Nga*	181	2
2. Bình Bán Vắn	*Bùi Kiệm Thi Rớt*	185	2
3. Hành Vân	*Hội Ca Cầm*	185	2
4. Tây Thi Vắn	*Tài Sắc Tây Thi*	186	2
5. Cổ Bản Vắn	*Trang Tử Thử Vợ*	187	2
Bài Khảo Cứu	*Từ Tứ Đại Cảnh Đến Tứ Đại Oán*	190	2
Phần chánh biên			
F – Bộ Thập Thủ Liên Hườn:			
1. Phẩm Tuyết	*Thú Cầm*	194	3
2. Nguyên Tiêu	*Thú Kỳ*	196	3
3. Hồ Quảng	*Thú Thi*	198	3
4. Liên Hườn	*Thú Họa*	198	3
5. Bình Nguyên	*Thú Rượu*	200	3
6. Tây Mai	*Thú Trà*	204	3
7. Kim Tiền	*Thú Bè Bạn*	204	3
8. Xuân Phong	*Thú Yêu Đương*	206	3
9. Long Hổ	*Thú Đợi Chờ*	206	3
10. Tẩu Mã	*Thú Cô Đơn*	208	3
G – Cửu Nhĩ:			
11. Hội Ngươn Tiêu	*Thúy Kiều Hoa Viên Ngộ*	211	3
12. Bát Bản Chấn	*Thúy Kiều Tống Trọng Qui Tang*	212	3
IV. Các bài Nhạc Lễ:			
1. Xàng Xê	*Thúy Kiều Vịnh Tích*	220	3
2. Ngũ Đối Thượng	*Kiều Du Thanh Minh*	226	3
3. Ngũ Đối Hạ	*Kim Kiều Hoa Viên Ngộ*	234	3
4. Long Đăng	*Kiều Vãng Trọng Hiên*	238	3
5. Long Ngâm	*Tống Trọng Qui Tang*	242	3
6. Vạn Giá	*Biệt Mãi Thanh Lâu*	244	3
7. Tiểu Khúc	*Dữ Thúc Thành Hôn*	250	3
8. Ngũ Đối Ai	*Công Ơn Cha Mẹ*	252	3
9. Chiết Tứ Vĩ	*Kinh Kha Náo Tần Đình*	256	3
V. Các bản Nam:			
1. Nam Xuân	*Tích Thúy Kiều*	260	3
2. Nam Ai	*Tích Thúy Kiều (tiếp theo)*	268	3
3. Đảo Ngũ Cung	*Tích Thúy Kiều (tiếp theo)*	278	3
Phần Phụ Lục			
1. Đảo Ngũ Cung	*Gương Mê Sắc*	291	3
2. Bài Khảo Cứu	*Đờn Tỳ Bà Với Nhạc Tài Tử*	295	3

Digitized by www.namkyluctinh.org

Tên bài	Tựa	Trang	Tập
Phần chánh biên			
VI. Các bản Oán:			
1 . Tứ Đại Vắn	*Thúy Kiều Tự Trầm*	300	4
2 . Tứ Đại Oán	*Bá Lý Hề*	303	4
3 . Phụng Hoàng Cầu	*Bỉ Vận Kiều Nương*	310	4
4 . Giang Nam Cửu Khúc	*Kim Kiều Hoa Viên Ngộ*	320	4
5 . Phụng Cầu Hoàng Duyên	*Tư Mã Tương Như*	332	4
6 . Ngươn Tiêu Hội Oán	*Đoạn Trường Tân Thanh*	340	4
7 . Võ Văn Hội Oán	*Khí Tiết Thủ Khoa Huân*	346	4
8 . Bình Sa Lạc Nhạn	*Khúc Đoạn Trường*	352	4
9 . Thanh Dạ Đề Quyên	*Chinh Phụ Thán Ca*	360	4
VII. Tám bản Ngự:			
1 . Đường Thái Tôn	*Cảnh Xuân*	368	4
2 . Vọng Phu	*Xuân Nhựt Hoài Cố Nhân*	370	4
3 . Chiêu Quân	*Cảm Xuân Chúc Cẩm Hồi Văn*	372	4
4 . Ái Tử Kê	*Thương Bầy Gà Con*	374	4
5 . Bát Man Tấn Cống	*Lạc Xuân*	374	4
6 . Tương Tư	*Nguyệt Nga Ký Ngụ Lão Bà*	380	4
7 . Duyên Kỳ Ngộ	*Nguyệt Nga Từ Biệt Kim Liên*	384	4
8 . Quả Phụ Hàm Oan	*Thuyền Quyên Bạc Phận*	388	4
Phần Phụ Lục			
1 . Ba Bản Nam	*Tô Huệ Chức Cẩm Hồi Văn*	395	4
2 . Xàng Xê	*Kho Vàng Sầm Sơn*	404	4
Bài Khảo Cứu	*Giỗ Tổ Nhạc Lễ*	407	4
Phần chánh biên			
VIII. Các bản Ai Oán:			
1 . TrườngTương Tư	*Phu Phụ Ly Sầu*	414	5
2 . Văn Thiên Tường	*Bá Lý Hề*	416	5
3 . Võ Tắc Biệt	*Anh Hùng Nguyễn Trung Trực*	424	5
4 . Võ Tắc Biệt	*Mẹ*	430	5
5 . Xuân Nữ	*Oan Án Lệ Chi Viên*	434	5
6 . Khổng Tử Khóc Nhan Hồi	*Khấp Phục Thánh Nhan Tử*	438	5
7 . Chinh Phụ Ly Tình	*Chinh Phụ Thán*	440	5
IX. Các bản có nhiều Hơi Điệu:			
1 . Liêu Giang	*Chinh Phụ Thán*	442	5
2 . Ngũ Quan	*Con Tế Mẹ*	444	5
3 . Dạ Cổ Hoài Lang	*Dạ Cổ Hoài Lang*	444	5
4 . Tứ Bửu Liêu Thành	*Tiếng Quê Hương*	446	5
5 . Ngũ Châu Minh Phổ	*Thú Cầm Ca*	450	5
6 . Nam Âm Ngũ Khúc	*Nguyễn Trãi Bình Ngô*	454	5

Digitized by www.namkyluctinh.org

Tên bài	Tựa	Trang	Tập
7 . Ngũ Cung Luân Hoán	*Anh Hùng Dân Tộc Nguyễn Trãi*	458	5
8 . Khúc Hận Nam Quan	*Khúc Hận Nam Quan*	460	5
9 . Ngũ Khúc Long Phi	*Xuân Lịch Sử*	466	5
X. Tam Bắc nhị Oán:			
1 . Hội Huê Đăng	*Cảnh Xuân*	468	5
2 . Lục Luật Tiêu Hà	*Từ Hải Sa Cơ*	472	5
3 . Bắc Ngự	*Bá Nha Tử Kỳ*	476	5
4 . Quả Phụ Hàm Oan	*Thân Phận Thúy Kiều*	480	5
5 . Xuân Tình Bát Oán	*Mẹ Dạy Con*	486	5
Phần Phụ Lục			
1 . Ngũ Đối Hạ	*Tôn Tẫn Bàng Quyên Tầm Sư Học Đạo*	499	5
2 . Long Đăng	*Bàng Quyên Xhống Núi*	501	5
3 . Tiểu Khúc	*Bàng Quyên Chặt Chơn Tôn Tẫn*	503	5

Digitized by www.namkyluctinh.org

Digitized by www.namkyluctinh.org

Digitized by www.namkyluctinh.org